



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

*****000*****



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

*****000*****



HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH : CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ ĐÔNG THÀNH, TỈNH PHÚ THỌ.

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

THÁNG 12/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 28 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

I. NHỮNG CĂN CỨ THIẾT KẾ :

Căn cứ văn bản số 581/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của xã Đông Thành đồng ý cho Trung tâm dịch vụ công xã Đông Thành lập dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đông Thành (tuyến khu 2 Khải Xuân đi cầu Vuông 1);

Căn cứ Hợp đồng giữa Trung tâm dịch vụ công xã Đông Thành với Công ty CP Kiến trúc và Đầu tư xây dựng Hà Thành số /HĐTV ngày tháng năm 2025 về việc khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đông Thành (tuyến khu 2 Khải Xuân đi cầu Vuông 1);

Căn cứ vào số liệu đo đạc khảo sát địa hình, địa chất do Công ty CP Kiến trúc và Đầu tư xây dựng Hà Thành thu thập tháng năm 2025:

II. KHÁI QUÁT CHUNG:

Tuyến đường là trục chính liên xã Đông Thành đi Quảng Yên với tổng chiều dài L= 1520,39m;

- + Điểm đầu Km0+00 (Khu 2 Khải Xuân);
- + Điểm cuối Km1+520,39 (Cầu Vuông 1);

1. Đặc trưng kỹ thuật của tuyến :

a. Về bình diện:

Tuyến đi vòng quanh theo các sườn đồi hai bên tuyến khu dân cư sống tập trung và xen kẽ với ruộng canh tác. Bình diện tuyến khá bằng phẳng, mặt cắt ngang nền đường trung bình từ 6,5 – 7,5m.

b. Hiện trạng về cắt dọc:

Hiện trạng cắt dọc tuyến gãy cục bộ, chiều dài dốc ngắn, với độ dốc hiện tại có thể thiết kế đạt tiêu chuẩn thiết kế đường GTNT loại A. Độ dốc bình quân từ 0,5% - 1,5%, độ dốc lớn nhất từ 4,8 - 7,7%.

c. Về mặt đường.

Hiện tại mặt đường là đường láng nhựa đã xuống cấp trầm trọng, lún hầu hết trên tuyến đường. Do đó việc đi lại gặp rất nhiều khó khăn.

d. Hệ thống thoát nước.

Cống thoát nước : Hầu hết các cống thoát nước trên tuyến vẫn còn tốt, do tuyến được cải tạo, nâng cấp nên các cống được nối thêm hoặc nâng cao tường đầu và một số cống được thiết kế mới.

2. Tình hình thủy văn :

Tình hình thủy văn dọc tuyến ở mức độ trung bình, nền đường chủ yếu chịu ảnh hưởng của nước mưa, nước sinh hoạt, nước từ các khe tụ thủy nhỏ cắt qua đường và hồ ao hai bên tuyến. Nhìn chung tình hình thủy văn trong khu vực không ảnh hưởng lớn đến quá trình khai thác và sử dụng.

3. Tình hình địa chất :

+ Địa chất ổn định, các lớp đất đá đều có khả năng chịu lực tốt, dùng để đắp nền đường;

III. QUI MÔ, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

1. Qui phạm áp dụng :

- Quy trình khảo sát đường ô tô : 22 TCVN - 263 - 2000.
- Quy trình khảo sát địa chất 22 TCN - 259 - 2000.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn TCVN 10380:2014;
- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng: 22TCN 223 - 95.
- Định hình thiết kế cống tròn 78 - 02X.
- Điều lệ báo hiệu đường bộ: 22TCN 237 - 01

2. Tiêu chuẩn thiết kế :

- Đường GTNT loại A.
- + Tốc độ thiết kế : 30 km/h.
- + Chiều rộng nền đường : Bnền = 6.5m.
- + Chiều rộng mặt đường : Bmặt = 3.5m.
- + Chiều Rộng lề đường: 1.5m x 2 (chiều rộng lề đường gia cố 1.0mx2)
- + Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất Rmin = 30m.
- + Tải trọng thiết kế cho công trình H13 - X60.



+ Độ dốc dọc tối đa : $I_{\max} = 11\%$.

IV. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ

1. Bình đồ.

Hướng tuyến cơ bản theo tuyến cũ, để tận dụng tối đa phần nền đường cũ đã ổn định nhằm giảm khối lượng đào đắp và thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của đường GTNT loại A.

Tổng số trên tuyến có 23 đỉnh đường cong $R \geq 30m$.

2. Trắc dọc.

Căn cứ vào quá trình khảo sát thực tế. Trắc dọc được thiết kế để tận dụng tối đa nền đường cũ, đào hạ hoặc đắp tôn cao một số đoạn để đảm bảo chiều dài đoạn dốc dọc và điều kiện ngập trong khu vực.

Độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{\min} = 0,3\%$ / chiều dài 146,5m. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 6,2\%$ / chiều dài 30,26. Bán kính đường cong đứng : $R_{\text{lõm min}} = 400m$; $R_{\text{lồi min}} = 400m$.

3. Cắt ngang:

- Nền đường : Bám sát nền đường cũ đảm bảo $B_{\text{nền}} = 6,5m$. Nền đường được đầm chặt với hệ số $K \geq 0,95$.

- Chiều rộng nền đường : $B_{\text{nền}} = 6,5m$.

- Chiều rộng mặt đường : $B_{\text{mặt}} = 3,5m$.

- Chiều Rộng lề đường: $1,5m \times 2$ (chiều rộng lề đường gia cố $1,0m \times 2$)

- Mái ta luy nền đắp 1/1,5; nền đào 1/1;

- Dốc ngang mặt đường 2%, lề đường 4% nghiêng về hai phía.

4. Mặt đường :

Theo TCVN 10380:2014 về lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn;

Kết cấu mặt đường:

+ Kết cấu mới (KCL1): mặt đường bằng bê tông xi măng M250# dày 20cm trên lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

+ Kết cấu tăng cường (KCL2): mặt đường bằng bê tông xi măng M250# dày 20cm trên lớp bù vênh cấp phối đá dăm loại 2.

5. Công trình thoát nước:

a. Thoát nước ngang đường:

Hầu hết các cống thoát nước trên tuyến vẫn còn tốt, do tuyến được cải tạo, nâng cấp nên các cống được nối thêm hoặc nâng cao tường đầu và một số cống được thiết kế mới.

b. Thoát nước dọc:

Thiết kế rãnh hình thang KT(40x40x40)cm, đoạn qua khu dân cư thiết kế rãnh BTXM $B \times H = (0,4 \times 0,4)m$.

6. Thiết kế đường giao lộ rẽ :

Tất cả các lối rẽ được thiết kế vuốt nối từ cao độ đường mới với đường cũ bằng đất đồi.

7. Thiết kế hệ thống điều khiển giao thông :

Thiết kế đầy đủ hệ thống cột tiêu, biển báo theo điều lệ báo hiệu đường bộ hiện hành.

8. Tình hình vật liệu xây dựng.

- Đá mua tại mỏ đá xã Hương Cần huyện Thanh Sơn. Cát, sỏi làm mặt đường mua tại các bãi tập kết tại huyện Thanh Ba vận chuyển đến chân công trình.

- Vật liệu khác như xi măng, sắt thép mua tại các đại lý trong trung tâm huyện Thanh Ba, thành phố Việt Trì.

- Đất thừa, bùn rác hữu cơ vận chuyển đổ tại các ô trống dọc tuyến, cự ly vận chuyển TB 3.0 Km. Đất khai thác cự ly vận chuyển TB 5Km.

V. BIỆN PHÁP THI CÔNG CHỈ ĐẠO.

Trình tự thi công:

+ Thi công nền đường.

+ Thi công công trình thoát nước.

+ Thi công mặt đường.

+ Hoàn thiện (Ta luy, lề, rãnh, cọc tiêu, cột Km,...)

VI. MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý.

Trình tự thi công, nghiệm thu theo đúng qui trình thi công nghiệm thu hiện hành của Nhà nước.

Trong quá trình thi công phải có biện pháp đảm giao thông, đảm bảo an toàn lao động cho người và các máy móc thi công, thi công hạng mục mặt đường BTXM phải bố trí khe co, khe giãn đúng theo hồ sơ thiết kế.

Trong quá trình thi công có gì vướng mắc cần báo ngay cho đơn vị thiết kế biết để giải quyết kịp thời.

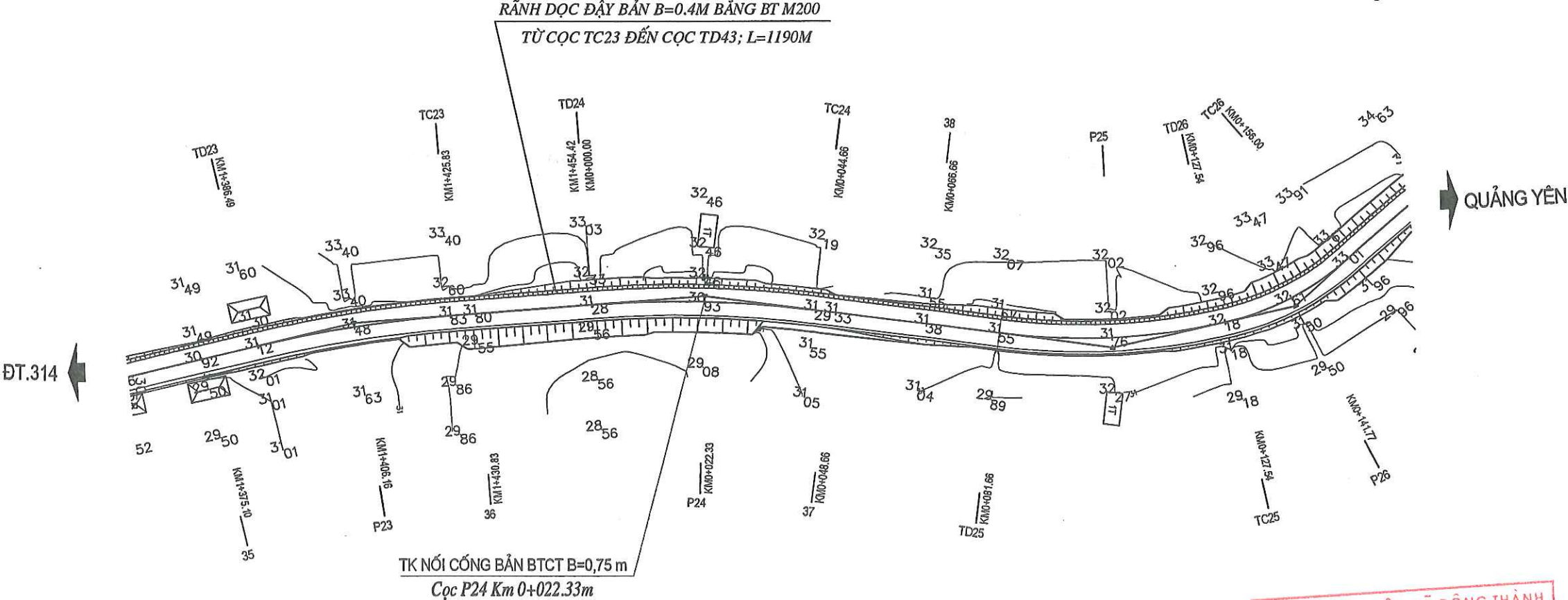
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XD HÀ THÀNH



CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Đạt

BẢNG YẾU TỐ CÔNG										
TT	TÊN CỌC	R	A	T	P	K	L1	L2	ISC	H
24	D24	219.96	168D22'0.0"	22.41	1.14	44.66	7.50	7.50	IT1=-2.00%,IP1=2.00%	

- KÝ HIỆU
- ĐIỂM GPS
 - MỐC CAO ĐỘ
 - CỐNG
 - ĐỈNH TUYẾN
 - CỌC KM
 - ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN
 - NHÀ BẰNG 1 TẦNG
 - NHÀ NGÔI
 - NHÀ CAO TẦNG
 - NHÀ LÁ, NHÀ TRANH
 - TƯỜNG XÂY
 - RUỘNG LỬA
 - ĐỒI CÂY



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

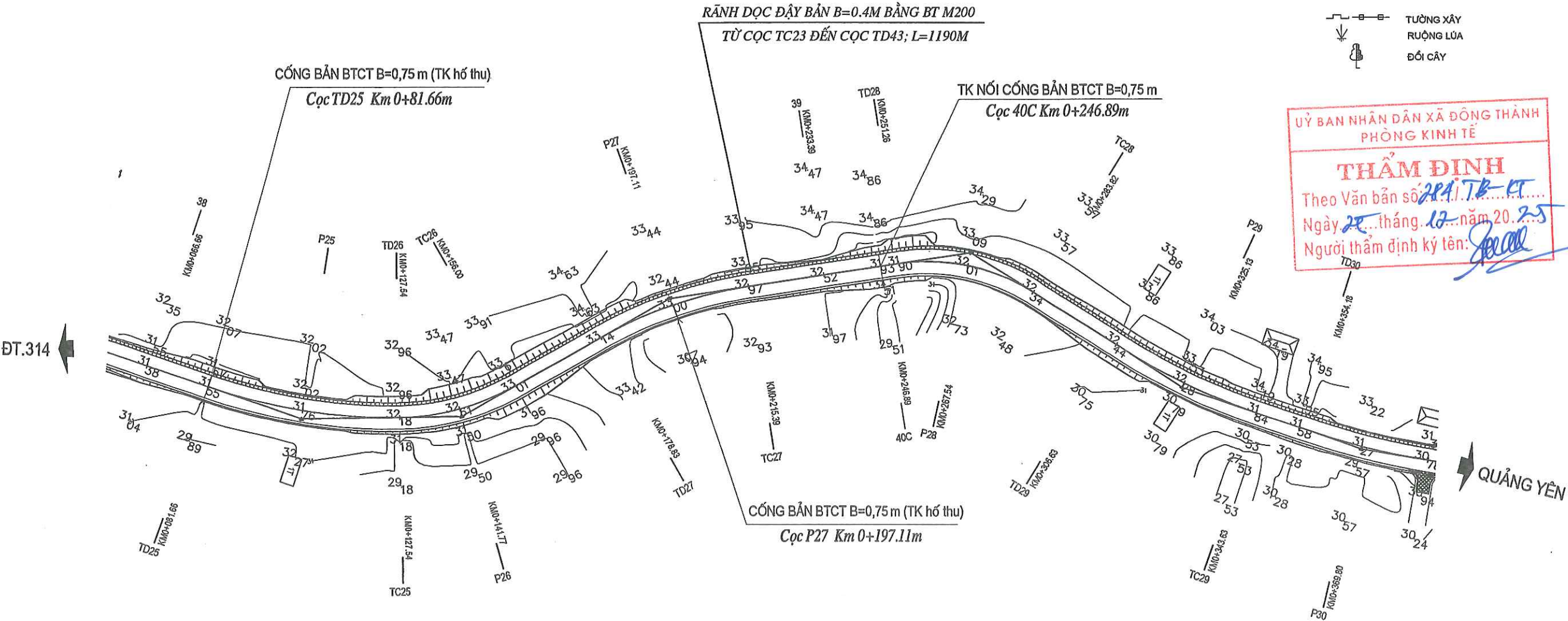
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-KT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		CÔNG TY CƠ PHÂN PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 XÁM ĐỌC HÀ THÀNH TRÍ - T. PHÚ THỌ	TỶ LỆ: 1/1000
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	BẢN VẼ SỐ:
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			LẦN XUẤT BẢN: 01
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		

BẢNG YẾU TỐ CÔNG										
TT	TÊN CỌC	R	A	T	P	K	L1	L2	ISC	H
25	D25	130.03	159D47'0.0"	23.18	2.05	45.88	10.00	10.00	IT1=2.50%,IP1=-2.50%	
26	D26	57.02	151D24'0.0"	14.53	1.82	28.46	12.50	12.50	IT1=4.00%,IP1=-4.00%	
27	D27	100.07	159D4'0.0"	18.49	1.69	36.56	10.00	10.00	IT1=-2.50%,IP1=2.50%	
28	D28	45.12	138D39'0.0"	17.03	3.11	32.56	15.00	15.00	IT1=-5.00%,IP1=5.00%	
29	D29	150.00	165D52'0.0"	18.59	1.15	37.00	10.00	10.00	IT1=2.50%,IP1=-2.50%	
30	D30	199.99	171D3'0.0"	15.65	0.61	31.24	7.50	7.50	IT1=2.00%,IP1=-2.00%	

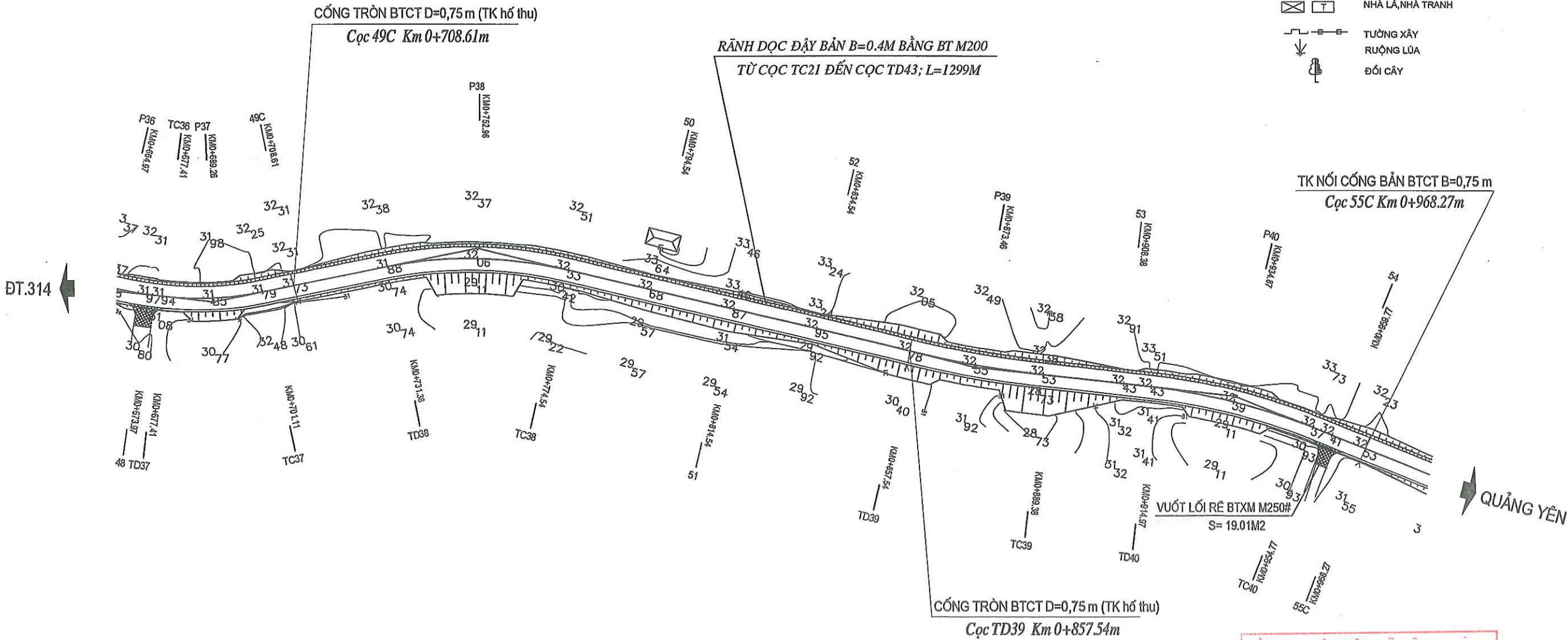
- KÝ HIỆU
- ĐIỂM GPS
 - MỐC CAO ĐỘ
 - CỐNG
 - ĐỈNH TUYẾN
 - CỌC KM
 - ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN
 - NHÀ BẰNG 1 TẦNG
 - NHÀ NGỒI
 - NHÀ CAO TẮNG
 - NHÀ LÁ, NHÀ TRẠNG
 - TƯỜNG XÂY
 - RUỘNG LỬA
 - ĐỐI CÂY



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		CÔNG TY PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH TR. T. PHÚ THỌ	TỶ LỆ: 1/1000
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			

BẢNG YẾU TỐ CÔNG										
TT	TÊN CỌC	R	A	T	P	K	L1	L2	ISC	H
37	D37	75.30	161D58'0.0"	11.95	0.94	23.70	10.00	10.00	IT1=2.50%,IP1=-2.50%	
38	D38	99.98	155D16'0.0"	21.92	2.37	43.16	10.00	10.00	IT1=-2.50%,IP1=2.50%	
39	D39	259.99	172D59'0.0"	15.94	0.49	31.84	7.50	7.50	IT1=2.00%,IP1=-2.00%	
40	D40	150.02	164D48'0.0"	20.02	1.33	39.80	7.50	7.50	IT1=-2.00%,IP1=2.00%	

- KÝ HIỆU
- ĐIỂM GPS
 - MỐC CAO ĐỘ
 - CỐNG
 - ĐỈNH TUYẾN
 - CỌC KM
 - ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN
 - NHÀ BẢNG 1 TẦNG
 - NHÀ NGÓI
 - NHÀ CAO TẦNG
 - NHÀ LÁ, NHÀ TRANH
 - TƯỜNG XÂY
 - RUỘNG LỬA
 - ĐỐI CÂY



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-CT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *Phan*

PHỤ THOẠI THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ
HÀ THÀNH

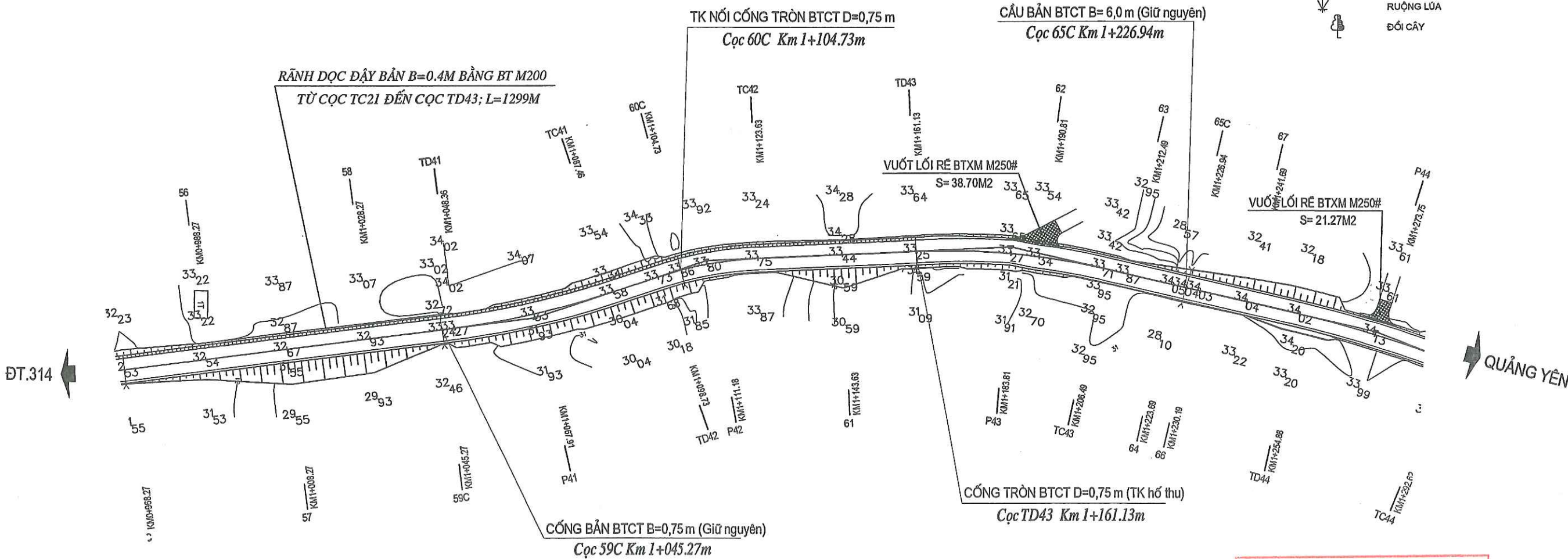
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		TỶ LỆ: 1/1000
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>	
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>	BẢN VẼ SỐ:
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		LẦN XUẤT BẢN: 01
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>	

BẢNG YẾU TỐ CONG										
TT	TÊN CỌC	R	A	T	P	K	L1	L2	ISC	H
41	D41	200.02	168D48'0.0"	19.61	0.96	39.10	7.50	7.50	IT1=2.00%,IP1=2.00%	
42	D42	90.01	164D9'0.0"	12.53	0.87	24.90	10.00	10.00	IT1=-2.50%,IP1=2.50%	
43	D43	168.03	164D32'0.0"	22.82	1.54	45.36	7.50	7.50	IT1=-2.00%,IP1=2.00%	
44	D44	249.98	171D21'0.0"	18.91	0.71	37.74	7.50	7.50	IT1=-2.00%,IP1=2.00%	

KÝ HIỆU

- ĐIỂM GPS
- MỐC CAO ĐỘ
- CỐNG
- ĐỈNH TUYẾN
- CỌC KM
- ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN
- NHÀ BĂNG 1 TẦNG
- NHÀ NGÓI
- NHÀ CAO TẦNG
- NHÀ LÁ, NHÀ TRANH
- TƯỜNG XÂY
- RUỘNG LỬA
- ĐỐI CÂY



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/TB-CT
Ngày 25 tháng 10 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

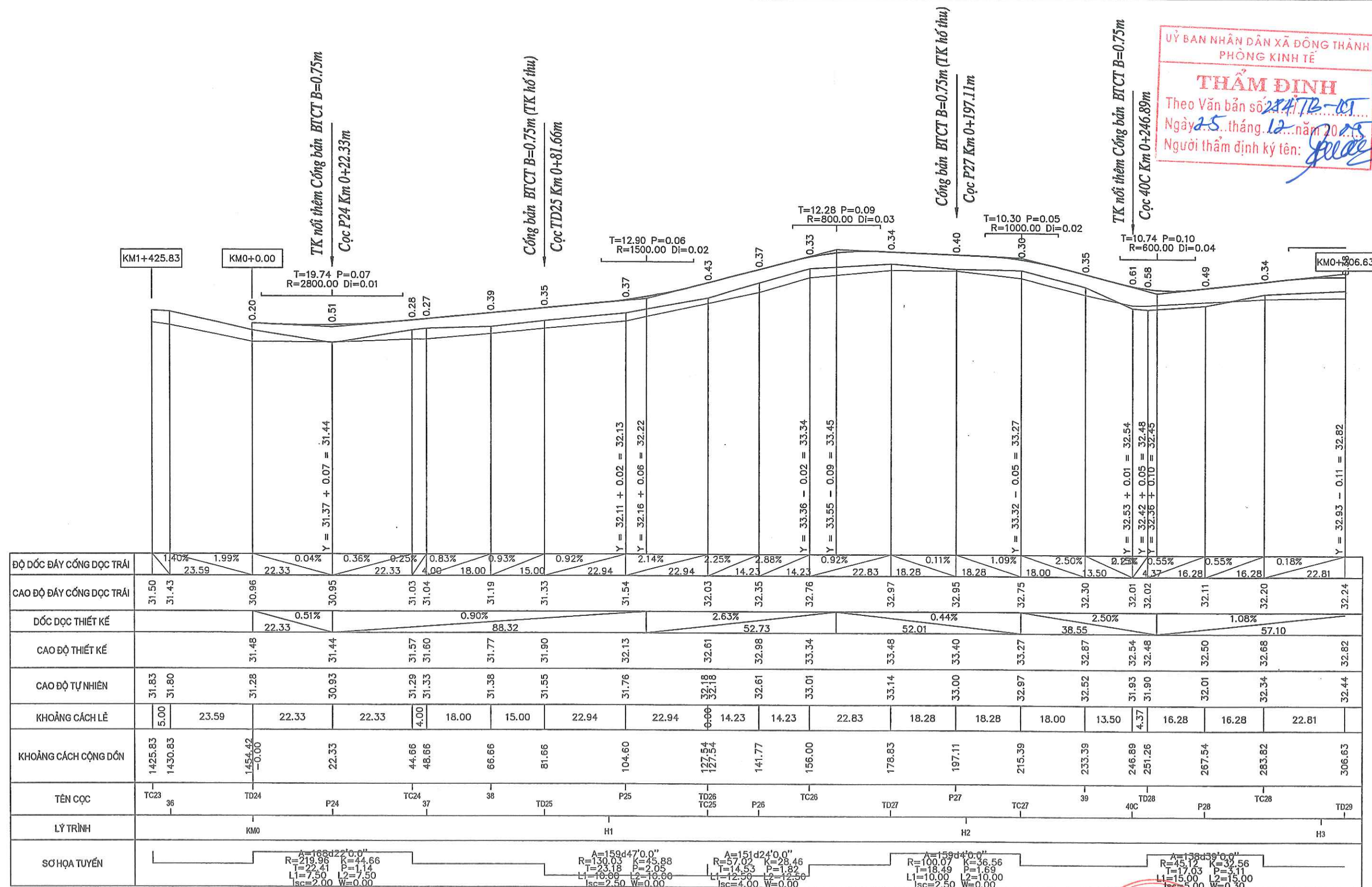


SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐỒNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		PHÚ THỌ, THÁNG 10 NĂM 2025 GIÁM ĐỐC HÀ THÀNH	TỶ LỆ: 1/1000
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	BẢN VẼ SỐ:
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			LẦN XUẤT BẢN: 01
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-ĐT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (Tuyến Khu 2 Khải Xuân đi Cầu Vuông 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i> CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH PHÚ THỌ	TỶ LỆ: 1/1000; 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC DỌC THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	BẢN VẼ SỐ:
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

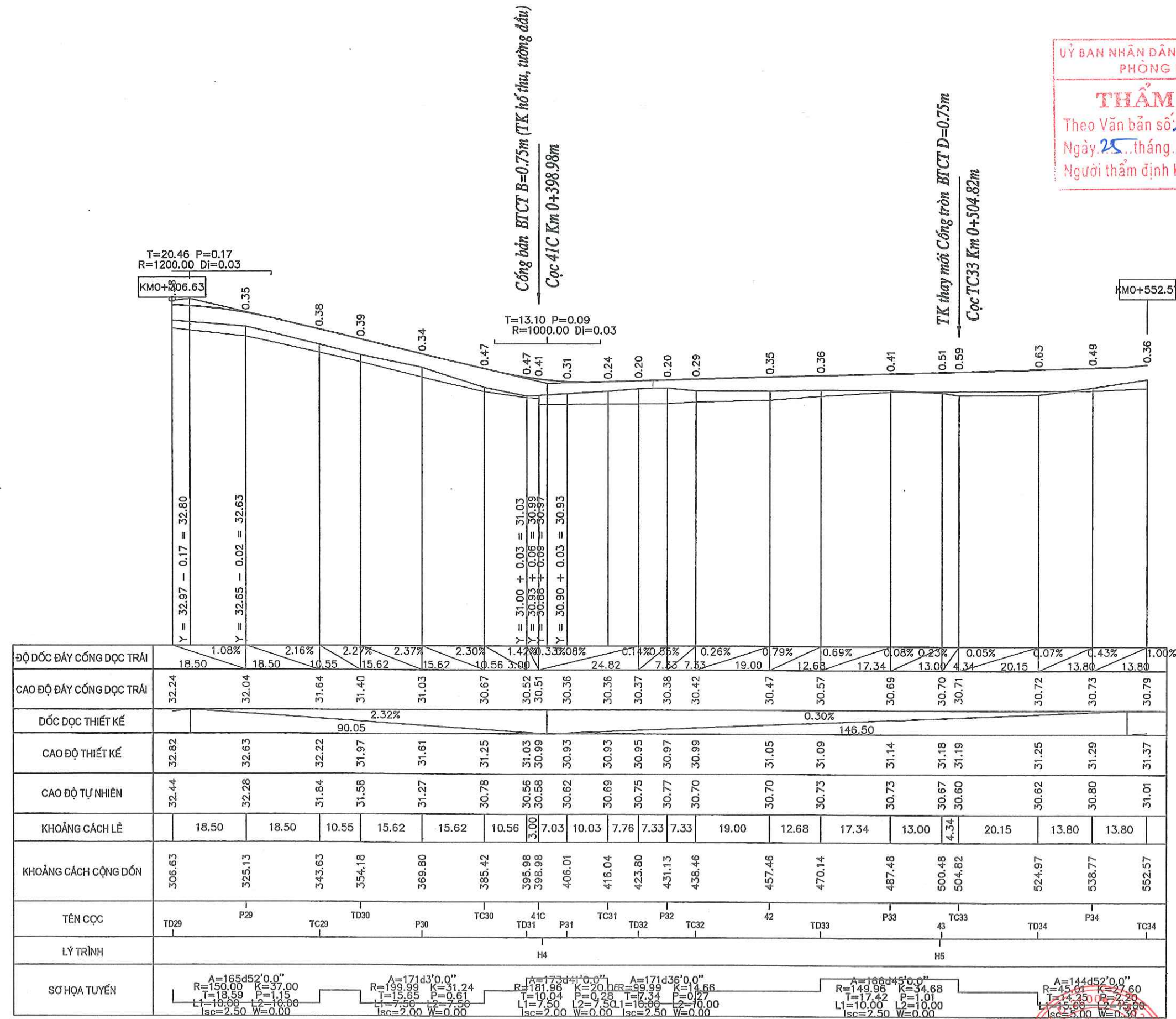
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-ST

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Người thẩm định ký tên:



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐỒNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025	TỶ LỆ: 1/1000; 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC DẠC THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	BẢN VẼ SỐ:
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

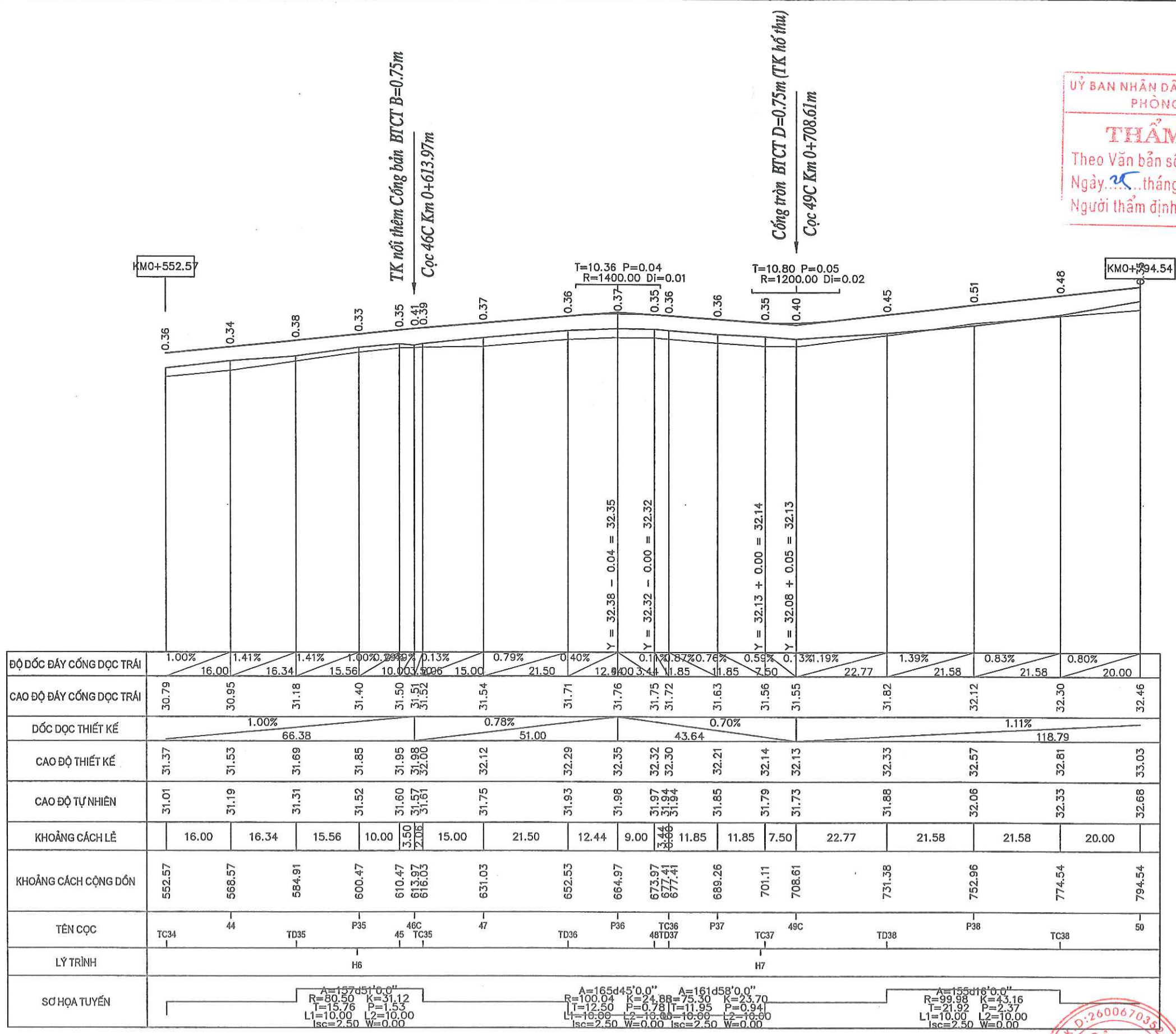
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

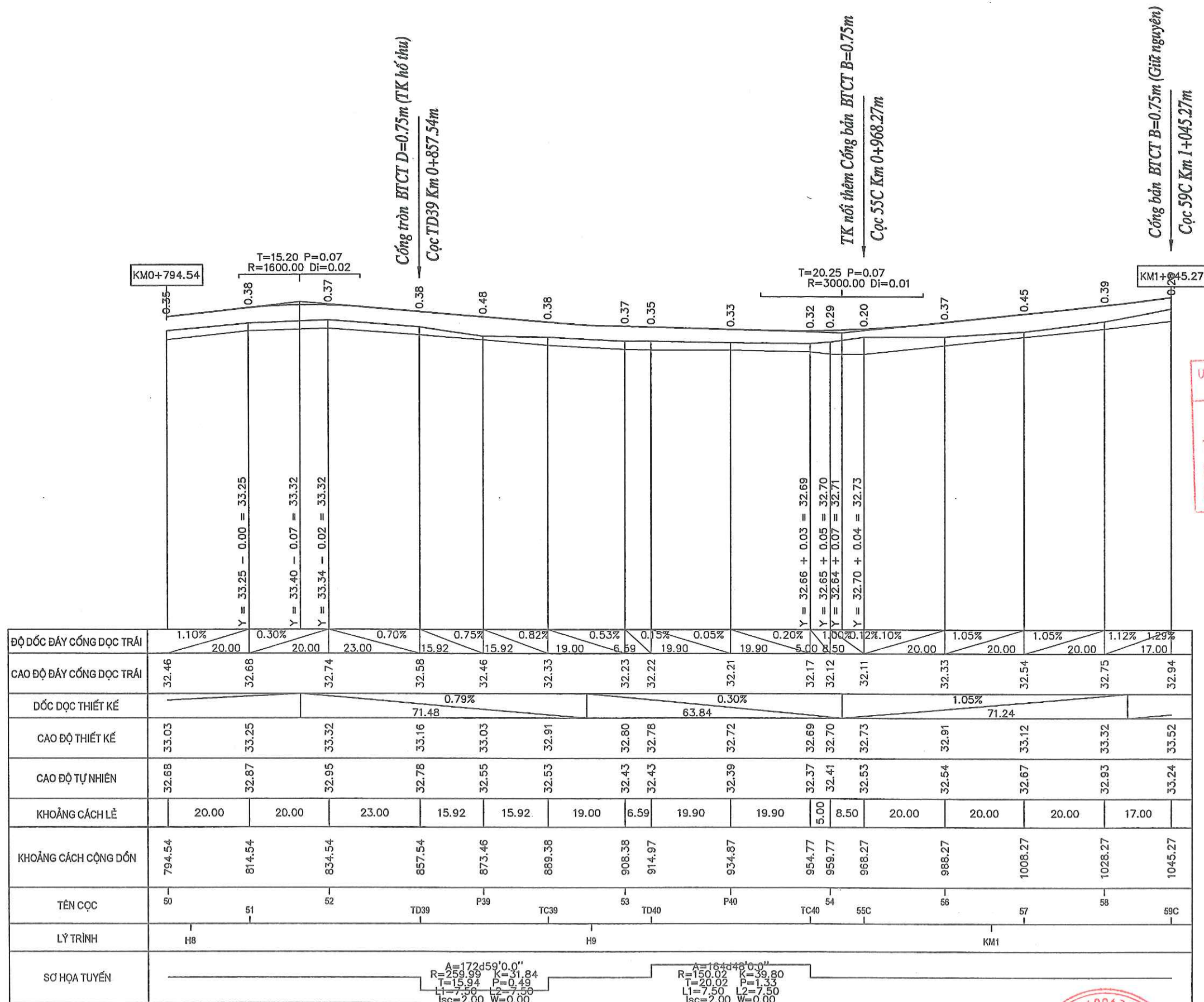
Theo Văn bản số 204/TB-CT

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 GIÁM ĐỐC HÀ THÀNH NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/1000; 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC DỌC THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	BẢN VẼ SỐ:	LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

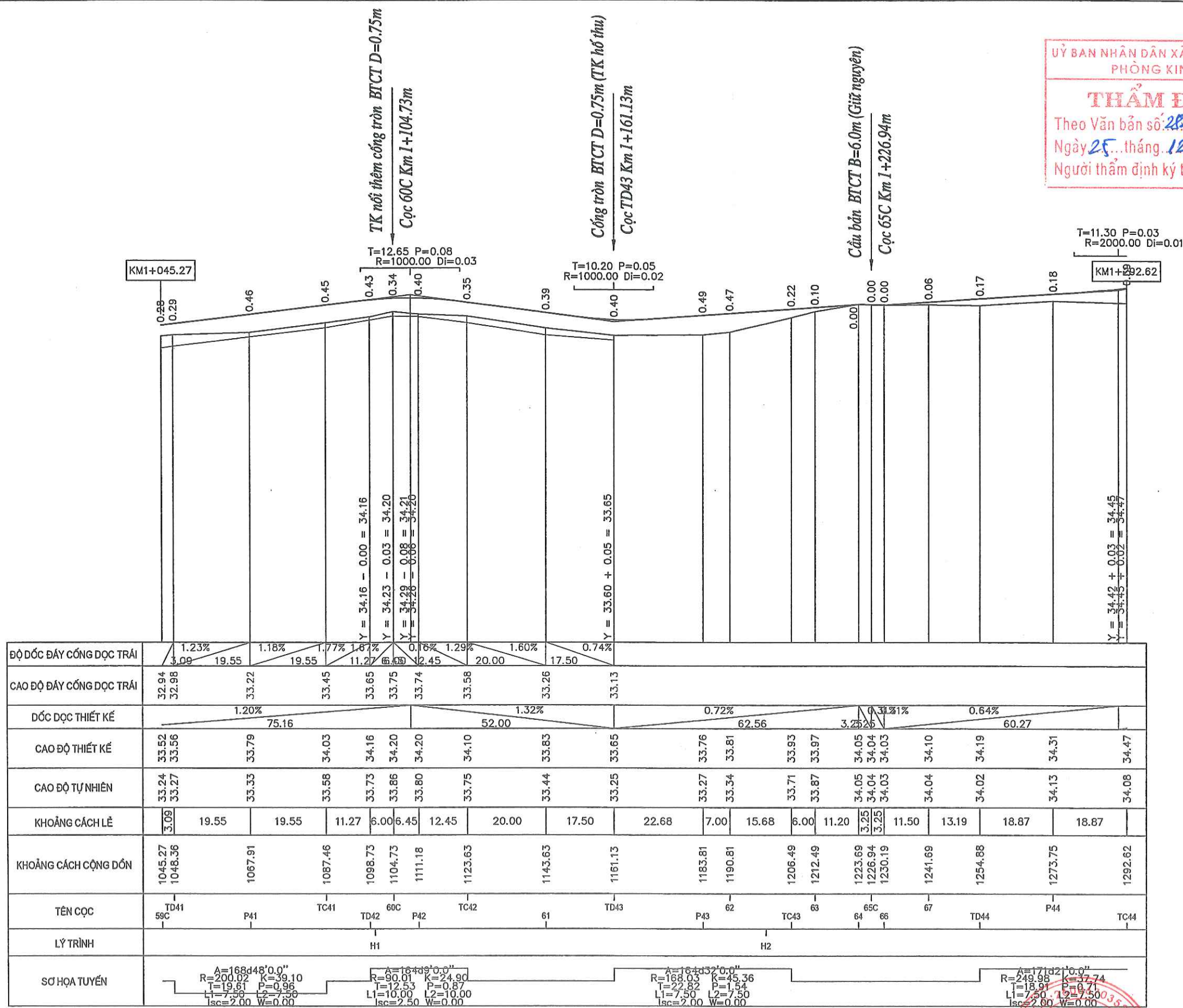
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TĐ-CT
Ngày: 28 tháng 12 năm 2023
Người thẩm định ký tên:

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 	TỶ LỆ: 1/1000; 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC DỌC THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		NGUYỄN XUÂN ĐẠT	BẢN VẼ SỐ:
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			LẦN XUẤT BẢN: 01
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/TB-KT...
Ngày 25...tháng 12...năm 20...
Người thẩm định ký tên: [Signature]



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHỤ THO: THÁNG 12 NĂM 2023 GIÁM ĐỐC NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/1000; 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC DỌC THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

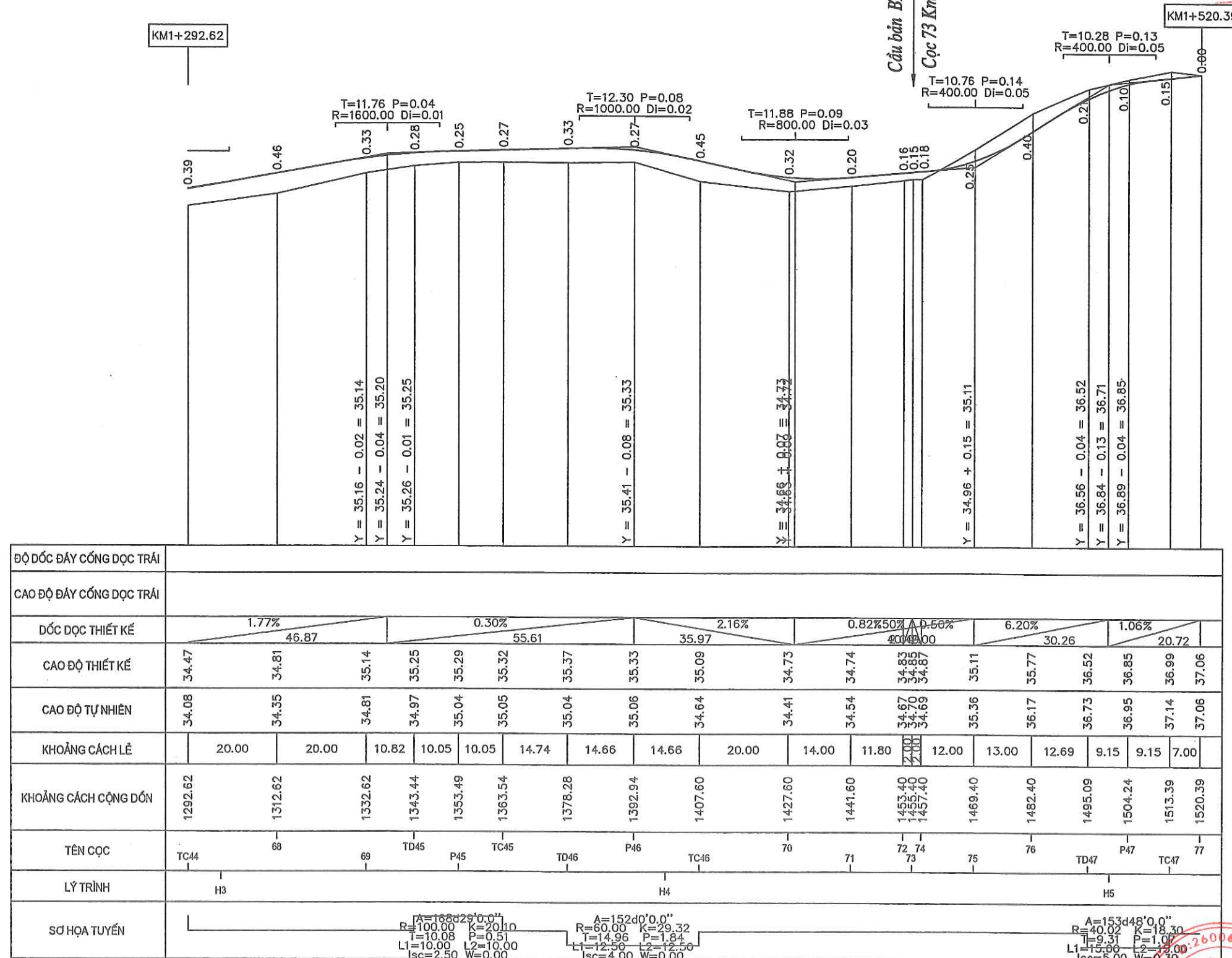
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 184/72-CT

Ngày 28 tháng 12 năm 2025

Người thẩm định ký tên: [Signature]



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		CÔNG PHÁN PHÚ THỌ, THÁNG 06/ NĂM 2025 GIÁM ĐỐC HÀ THÀNH PHÚ THỌ </
--	--	--------	------------	--	---

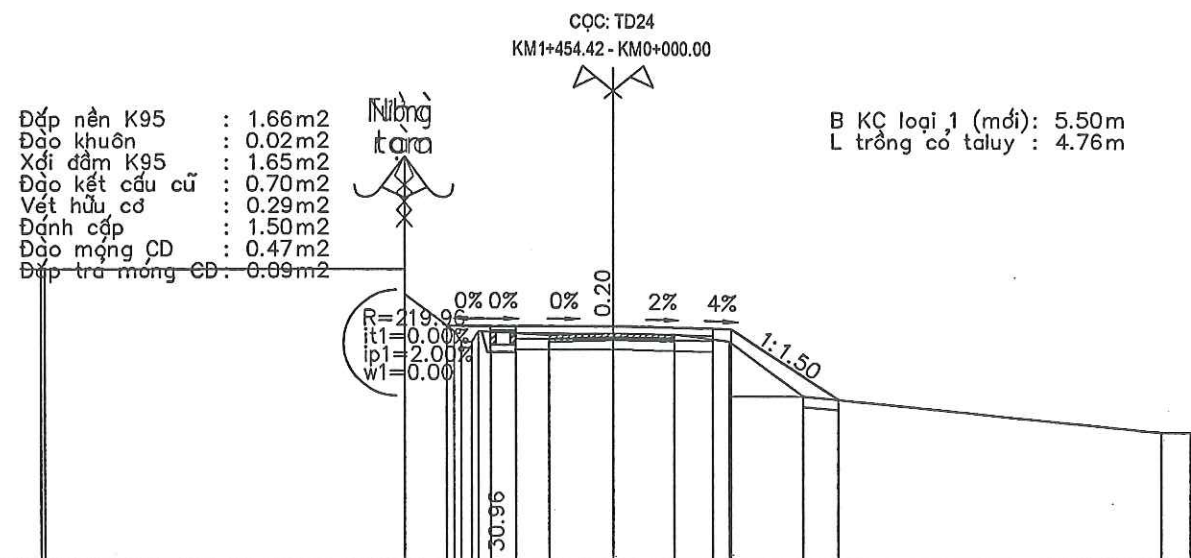
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TB-CT...

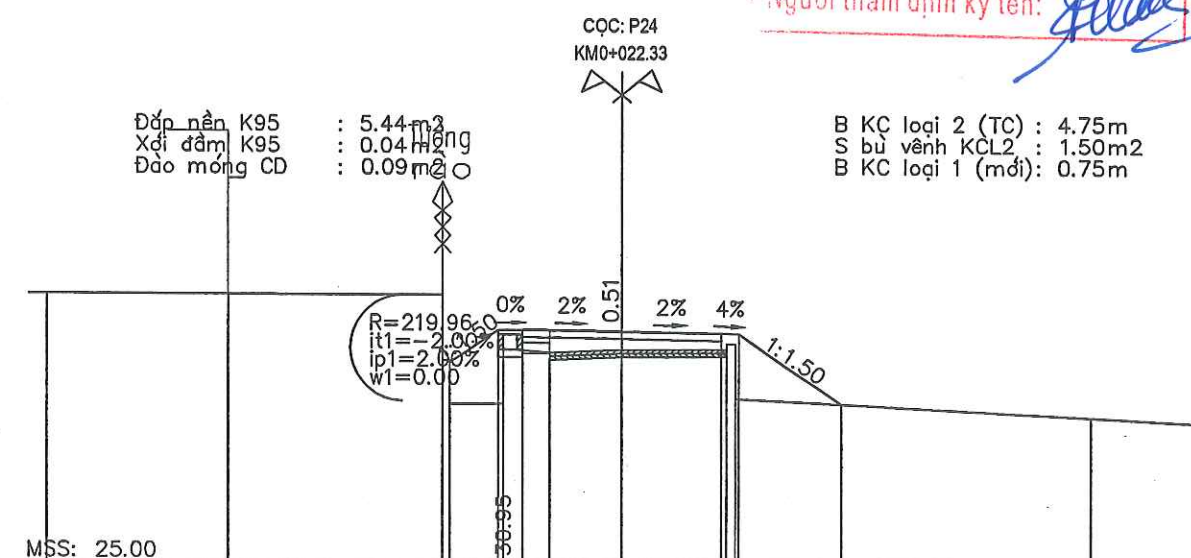
Ngày 25...tháng...12 năm 2025

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*



MSS: 25.00

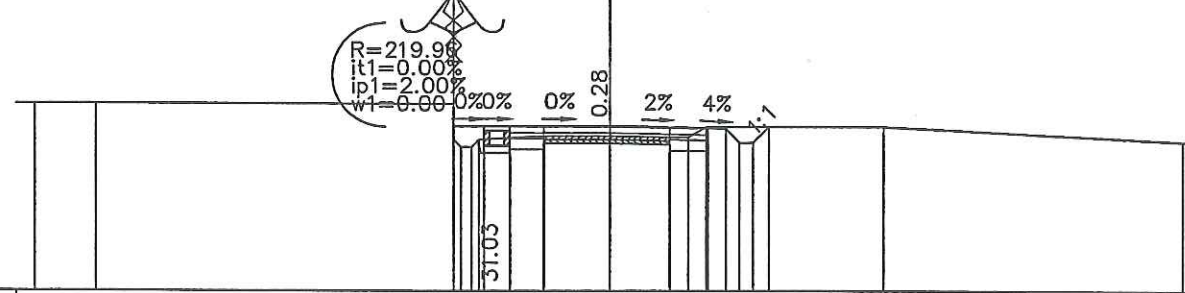
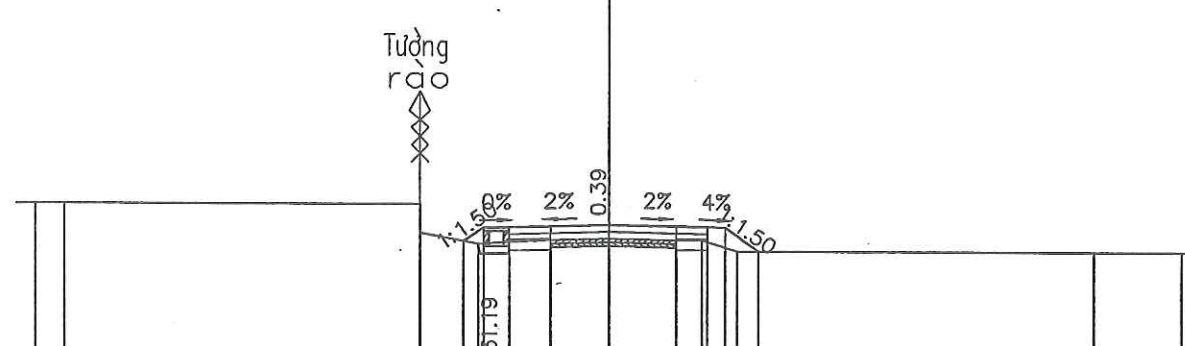
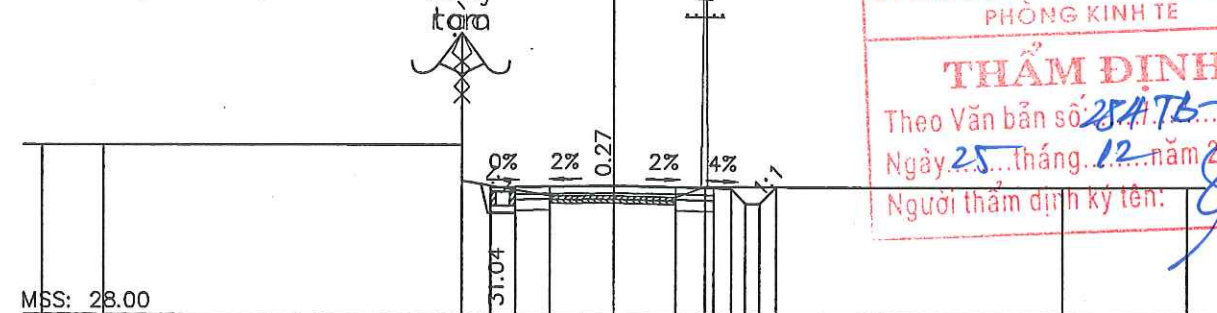
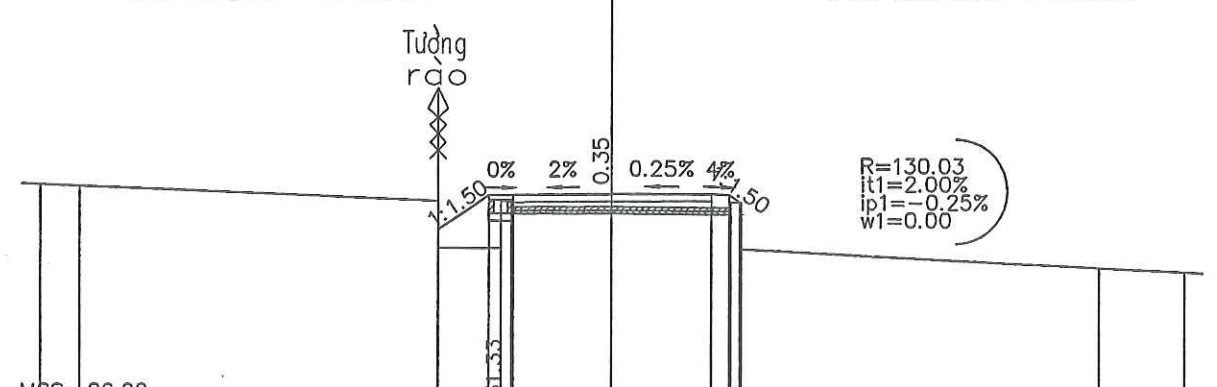
CAO ĐỘ THIẾT KẾ		31.48	31.48	31.48	31.48	31.43	31.41	29.46	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.26	0.70	2.75	2.75	0.50	2.91		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.03	33.03	32.33	31.33	31.03	31.23	31.28	31.26	28.56
KHOẢNG CÁCH MIA	0.10	10.00	1.40	0.20	2.00	1.80	1.70	1.50	2.00



MSS: 25.00

		30.59	31.49	31.49	31.44	31.38	31.36	29.43	
		1.35	0.70	2.75	2.75	0.50	2.90		
	32.46	32.46	32.46	30.66	29.46	30.96	30.86	30.93	29.08
	5.00	6.00	0.20	1.50	1.30	2.00	2.90	10.00	2.85

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THỌ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THÀNH TRỤ SỞ: T. PHÚ THỌ	TỶ LỆ: 1/200
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>		
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>		
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN: 01

[illegible][illegible][illegible][illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

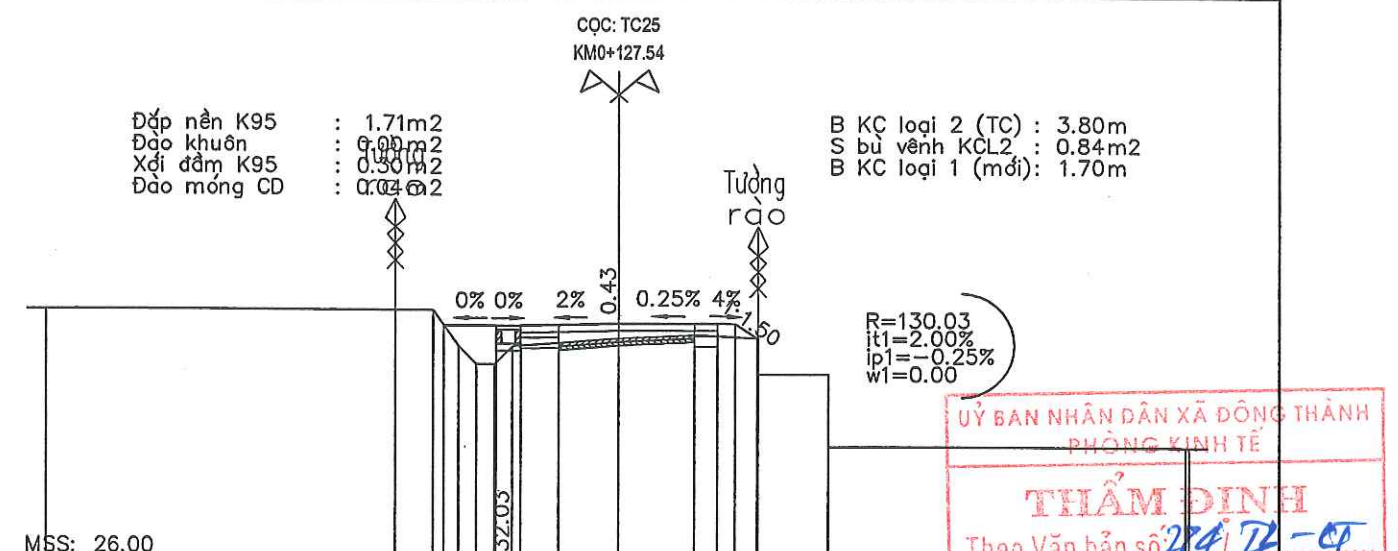
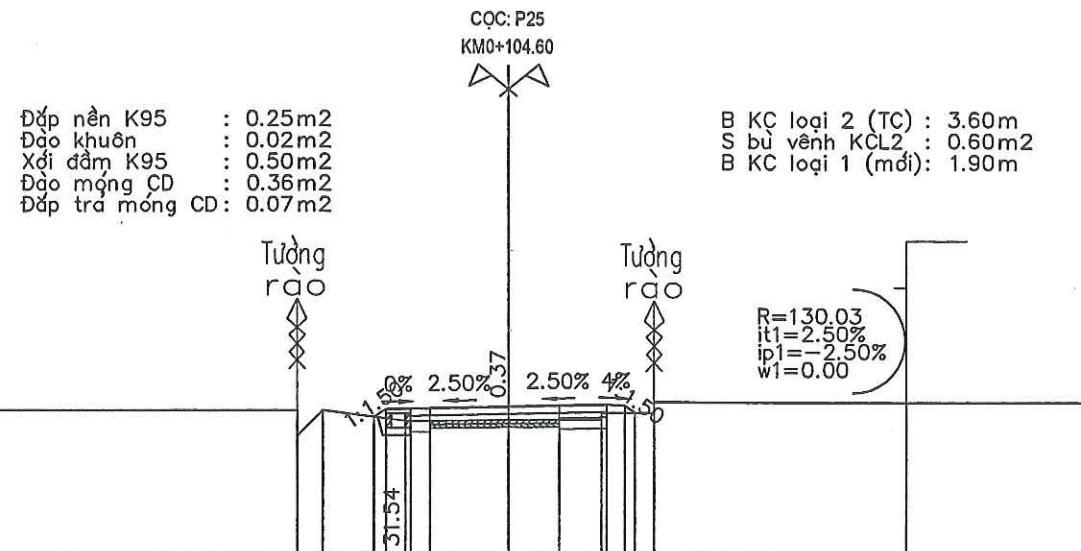
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TB-ST...

Ngày 25... tháng 12... năm 2025

Người thẩm định ký tên: [Signature]

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐOẠC	PHÒNG KSTK		 NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/200
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			BẢN VẼ SỐ:
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN			LẦN XUẤT BẢN: 01
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	K.C.S	VŨ VĂN QUANG			
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 24/ĐĐ-CT

Ngày 25 tháng 12 năm 2021

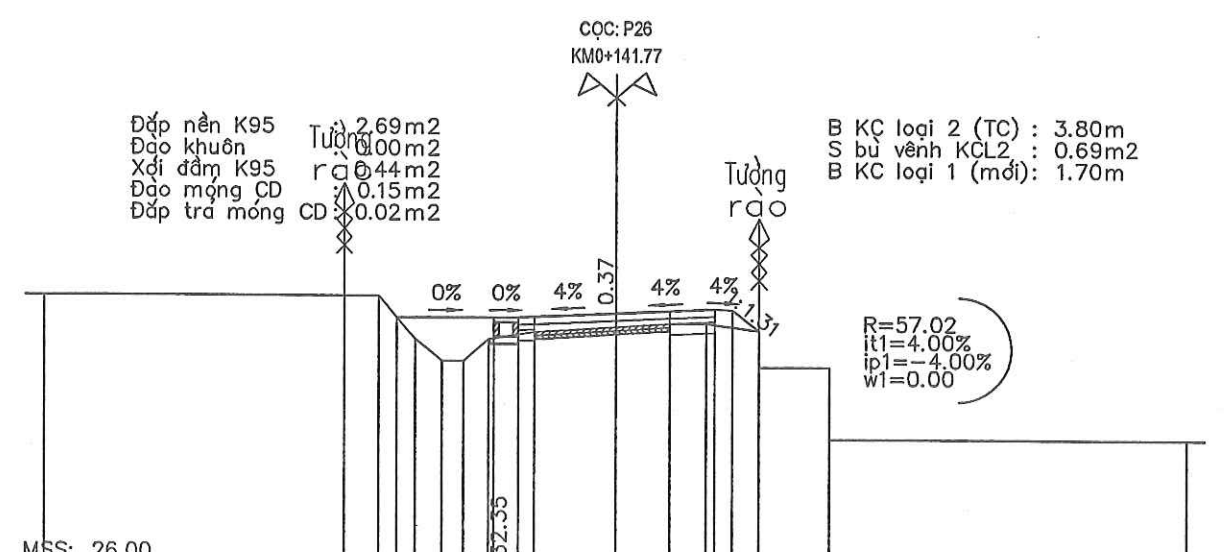
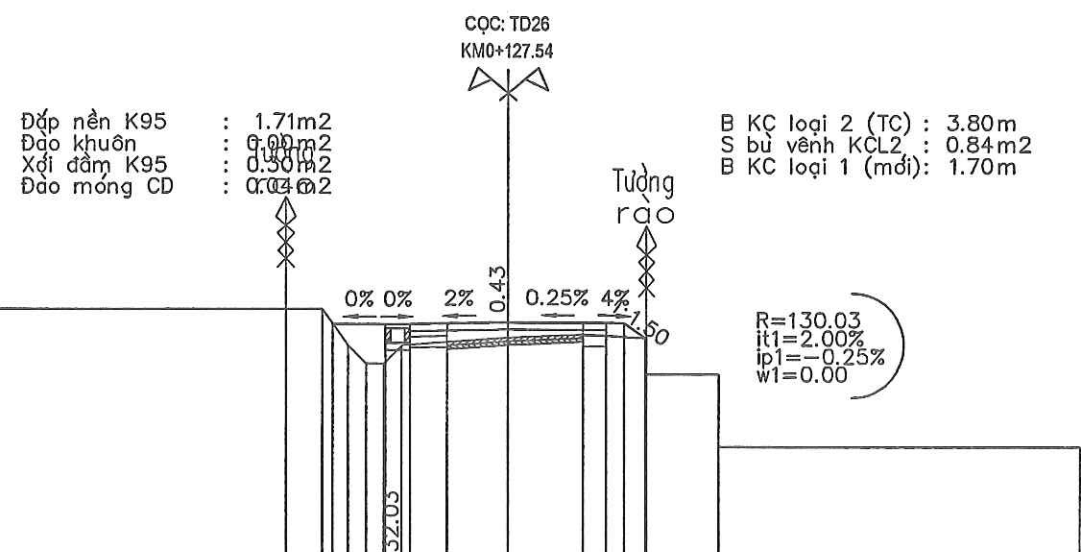
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		31.84	32.06	32.13	32.19	32.27	32.27
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.33	0.70	2.75	2.75	0.50	0.33
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.02	32.02	31.72	31.72	31.76	31.77	32.27
KHOẢNG CÁCH MIA	0+0	10.00	0.70	2.30	0.70	2.20	1.40

MSS: 26.00

	32.55	32.55	32.61	32.61	32.59	32.18	32.18
	1.47	0.70	2.75	2.75	0.50	0.62	0.33
	32.96	32.96	31.96	31.96	32.06	32.18	32.18
	9.80	1.00	0.70	0.50	1.30	1.70	2.10



MSS: 26.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		32.55	32.55	32.61	32.61	32.59	32.18
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.47	0.70	2.75	2.75	0.50	0.62
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.96	32.96	31.96	31.96	32.06	32.18	32.18
KHOẢNG CÁCH MIA	9.80	1.00	0.70	0.50	1.30	1.70	2.10

MSS: 26.00

	32.87	32.87	32.98	32.98	33.09	33.07	32.50
	2.65	0.70	2.75	2.75	0.50	0.75	0.33
	33.47	33.47	32.27	31.67	32.27	32.47	32.61
	8.40	1.00	0.70	0.60	0.70	1.30	2.30

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025	TỶ LỆ: 1/200
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 0.36m2
Đào khuôn : 0.07m2
Xới đầm K95 : 1.61m2
Đào móng CD : 0.49m2
Đắp trả móng CD : 0.11m2

B KC loại 1 (mới): 5.50m

Đắp nền K95 : 5.06m2
Xới đầm K95 : 0.06m2
Đào móng CD : 0.04m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 1.40m2
B KC loại 1 (mới): 2.06m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TĐ-CT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.71	32.82	32.87	32.82	32.59		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.70	2.75	2.75	0.50	0.60		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	34.47	34.47	33.77	32.47	32.52	32.47	32.37	31.97	31.97
KHOẢNG CÁCH MIA	1.40	10.00	0.50	2.50	1.60	1.90	2.50	10.00	1.60

MSS: 26.00

			31.58	32.53	32.53	32.54	32.49	31.37	
			1.42	0.70	2.78	2.78	0.50	1.65	
	34.86	34.86	31.86	30.66	31.86	31.96	31.93	31.91	29.51
	5.10	6.00	1.50	1.40	2.00	1.50	1.60	0.20	7.00

Đắp nền K95 : 4.16m2
Xới đầm K95 : 0.07m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 1.34m2
B KC loại 1 (mới): 2.15m

Đắp nền K95 : 0.31m2
Đào khuôn : 0.00m2
Xới đầm K95 : 0.49m2
Đào móng CD : 0.43m2
Đắp trả móng CD : 0.10m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 1.03m2
B KC loại 1 (mới): 2.30m

MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.24	32.52	32.52	32.48	32.42	31.53	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			2.48	0.70	2.82	2.82	0.50	1.07	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	34.24	34.24	32.24	31.24	31.94	31.94	31.90	31.83	28.33
KHOẢNG CÁCH MIA	5.00	5.00	1.00	2.00	0.70	0.70	1.60	1.90	8.60

MSS: 28.00

			32.50	32.65	32.65	32.50	32.36	32.32	
			0.70	2.90	2.90	0.50	0.50	0.50	
	34.19	33.09	32.09	32.01	31.93	31.93	32.73	32.73	32.73
	9.20	5.00	1.80	1.70	1.00	1.50	10.00	1.80	

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.B.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY
PHÚ THỌ THẮNG
KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG
T. PHÚ THỌ
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 0.70m²
Đào khuôn : 0.00m²
Xới đầm K95 : 0.48m²
Đào móng CD : 0.13m²
Đắp trả móng CD : 0.01m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.51m²
B KC loại 1 (mới) : 2.15m

R=45.12
it1=-1.50%
ip1=2.00%
w1=0.15

MSS: 29.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.16	32.72	32.72	32.68	32.68	32.48		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.85	0.70	2.82	2.82	0.50	0.50		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.57	33.57	32.07	32.37	32.34	32.28	32.08	32.48	32.48	32.48
KHOẢNG CÁCH MIA	2.20	10.00	2.00	1.80	1.70	1.50	0.20	10.00	2.60	

Đắp nền K95 : 1.27m²
Xới đầm K95 : 0.49m²
Đánh cấp : 0.38m²
Đào móng CD : 0.21m²
Đắp trả móng CD : 0.03m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.66m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

R=150.00
it1=2.00%
ip1=-0.25%
w1=0.00

MSS: 27.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.76	32.76	32.76	32.82	32.83	32.81	31.94	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			1.25	0.70	2.75	2.75	0.50	1.29		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.86	33.86	33.36	32.36	32.36	32.44	32.45	32.45	31.95	30.75
KHOẢNG CÁCH MIA	1.30	10.00	2.20	1.00	1.50	2.00	1.00	1.50	10.00	1.50

Đắp nền K95 : 1.03m²
Đào khuôn : 0.00m²
Xới đầm K95 : 0.47m²
Đào móng CD : 0.29m²
Đắp trả móng CD : 0.03m²

B KC loại 2 (TC) : 3.70m
S bù vênh KCL2 : 0.59m²
B KC loại 1 (mới) : 1.80m

R=150.00
it1=2.50%
ip1=-2.50%
w1=0.00

MSS: 27.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.56	32.56	32.56	32.63	32.70	32.68		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			1.23	0.70	2.75	2.75	0.50	0.50		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	34.03	34.03	34.03	33.53	32.23	31.93	32.23	32.23	32.28	32.29
KHOẢNG CÁCH MIA	0+0	10.00	0.70	0.70	0.40	0.40	1.40	1.90	1.80	1.70

Đắp nền K95 : 1.37m²
Xới đầm K95 : 0.41m²
Đào móng CD : 0.20m²
Đắp trả móng CD : 0.02m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.64m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

R=150.00
it1=2.00%
ip1=-0.25%
w1=0.00

MSS: 24.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.16	32.16	32.16	32.22	32.22	32.20		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.95	0.70	2.75	2.75	0.50	0.50		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	34.19	34.19	34.19	31.69	31.39	31.69	31.79	31.84	31.83	31.53
KHOẢNG CÁCH MIA	0.40	10.00	1.20	0.40	1.60	1.80	1.70	1.90	3.00	6.00

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

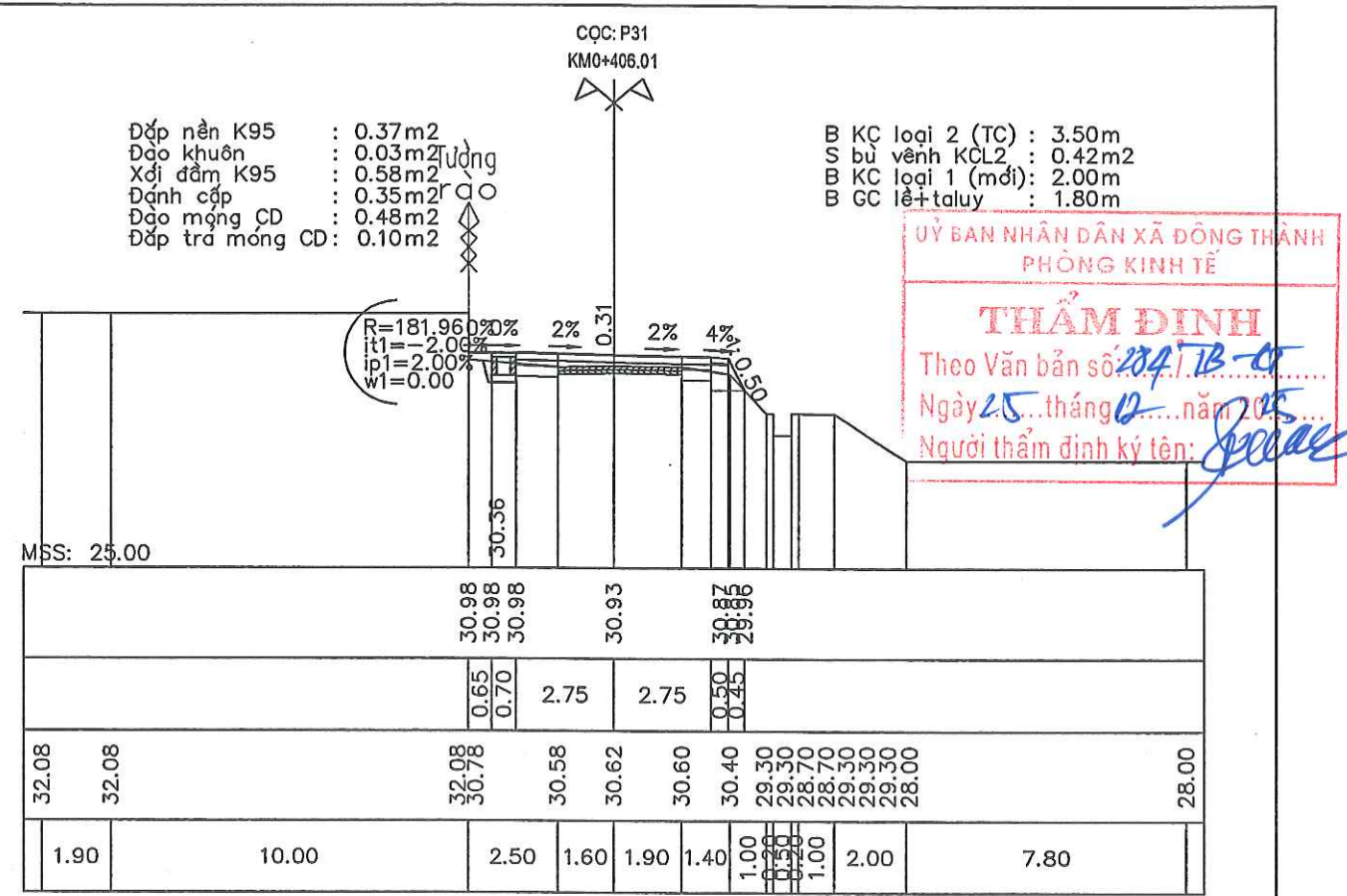
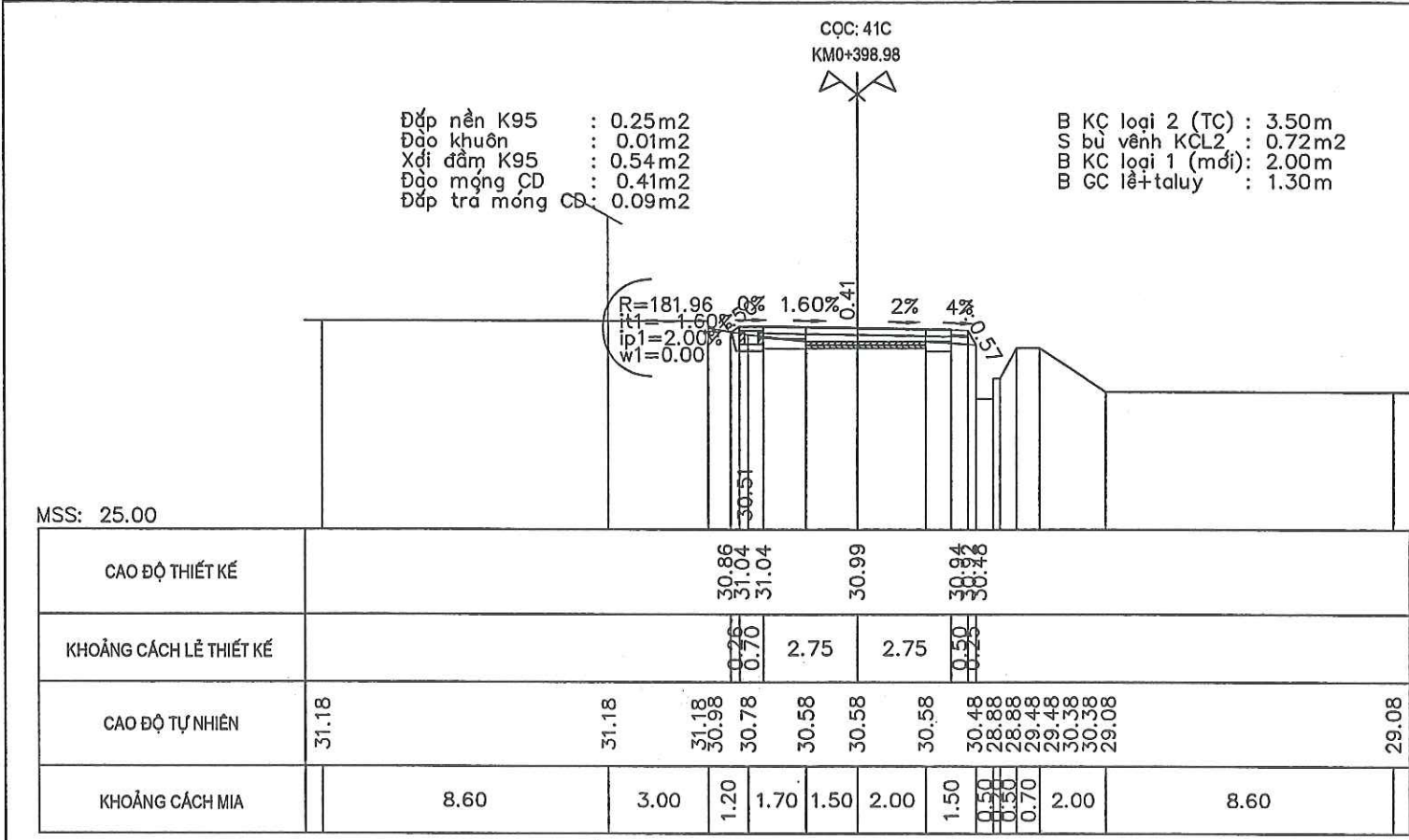
ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>

CÔNG TY
PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025
KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HÀ THÀNH
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ : 1/200

BẢN VẼ SỐ :

LẦN XUẤT BẢN : 01



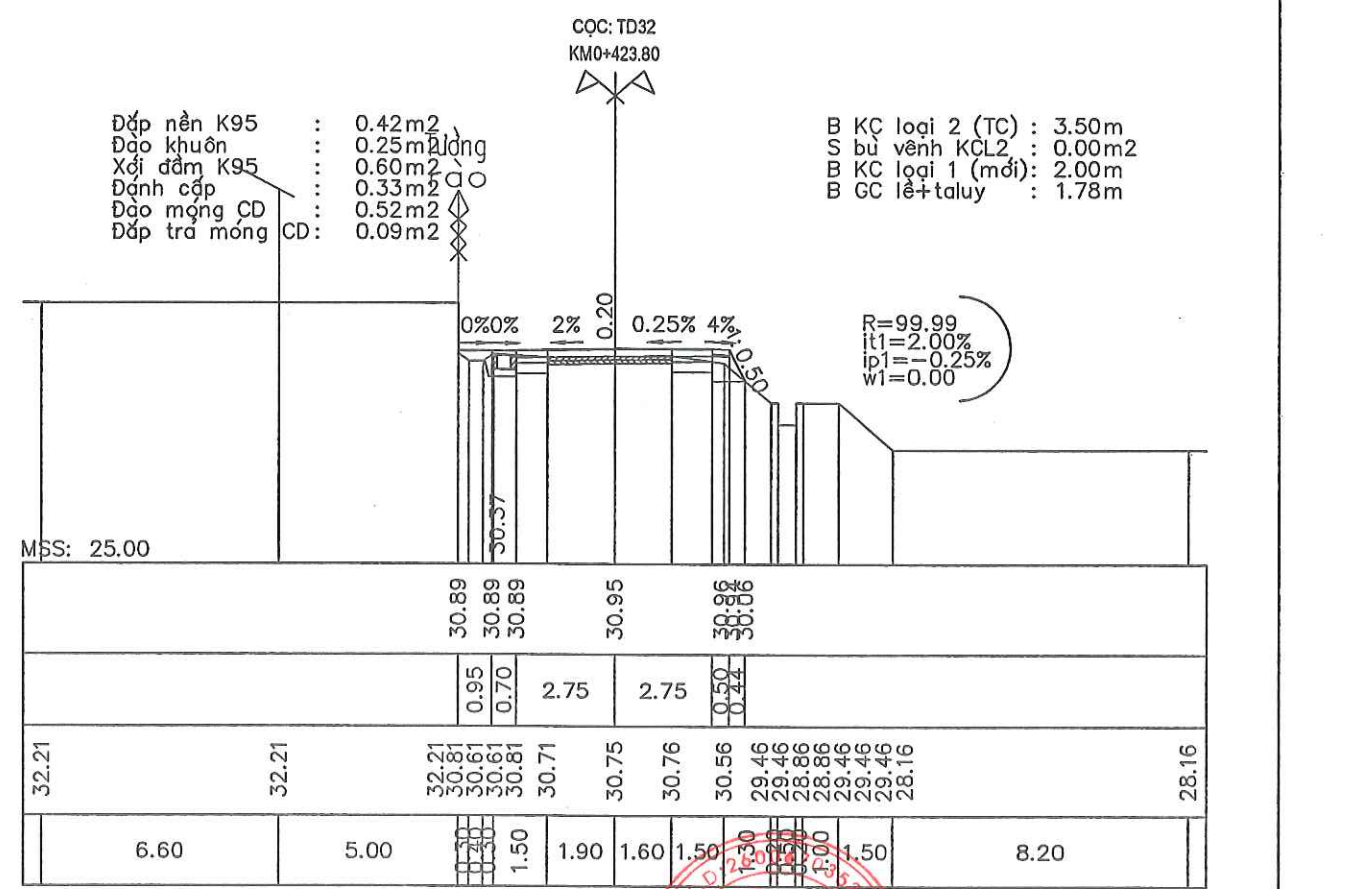
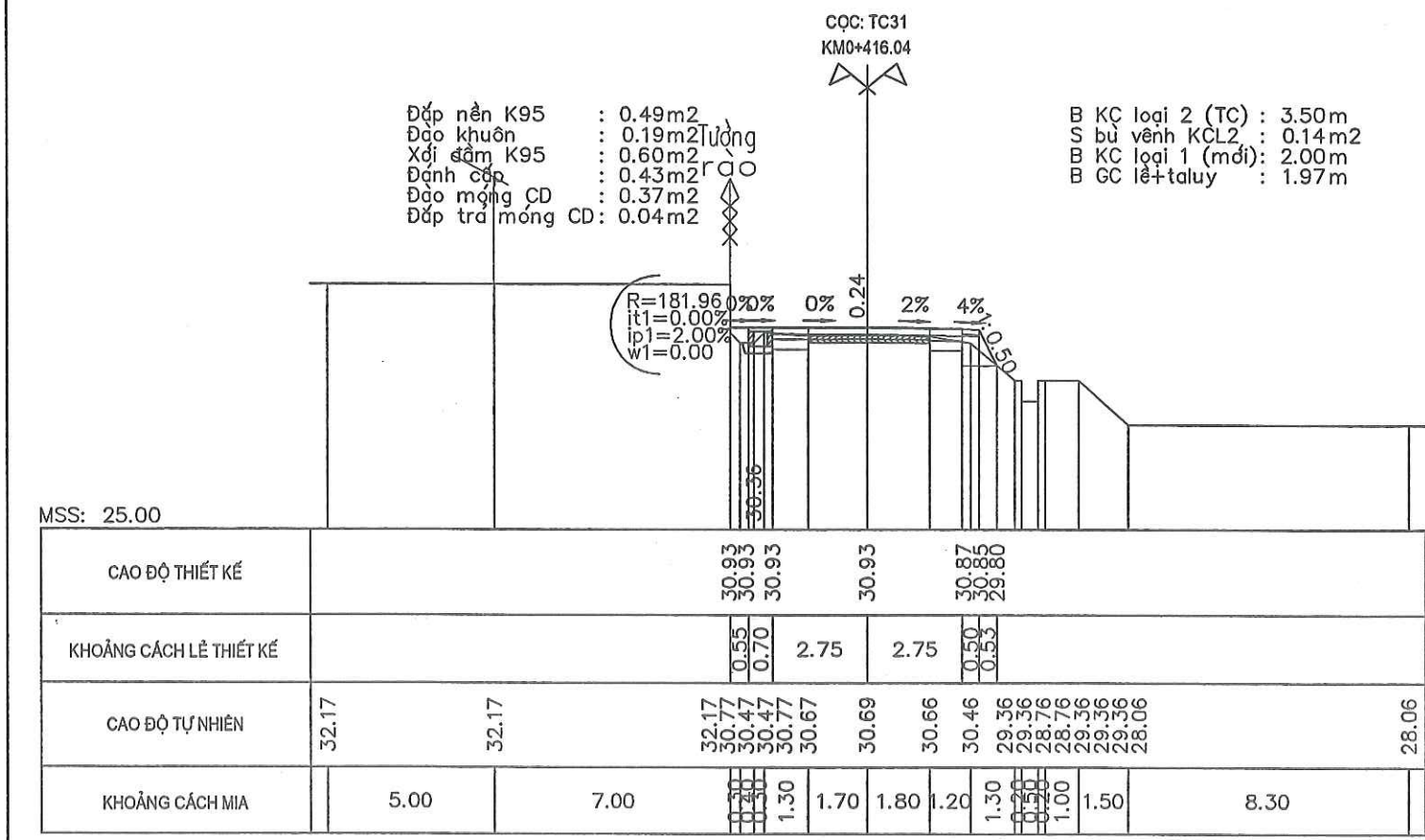
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 204/13-Đ

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Người thẩm định ký tên: [Signature]



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH PHÚ THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, NĂM 2025 NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/200
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		BẢN VẼ SỐ:
					LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 0.26m²
Đào nền : 0.04m²
Đào khuôn : 0.27m²
Xới đầm K95 : 0.59m²
Đánh cấp : 0.42m²
Đào móng CD : 0.67m²
Đắp trả móng CD : 0.17m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.04m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
B GC lề+taluy : 1.93m

R=99.99
it1=2.50%
ip1=-2.50%
w1=0.00

MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			31.03 30.90 30.90	30.97	31.04 31.02 30.01					
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.42 0.70	2.75	2.75	0.50 0.51				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.78	32.23	31.23	30.73	30.77	30.77	30.57	29.37	28.77	28.07
KHOẢNG CÁCH MIA	4.20	7.00	3.00	1.80	1.70	1.50	1.20	0.20	0.20	8.20

Đắp nền K95 : 0.29m²
Đào khuôn : 0.08m²
Xới đầm K95 : 0.56m²
Đánh cấp : 0.38m²
Đào móng CD : 0.53m²
Đắp trả móng CD : 0.12m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.50m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
B GC lề+taluy : 2.50m

CQC: 42
KM0+457.46

MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			30.92 30.99 30.99	31.05	31.00 30.98 29.45					
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.42 0.70	3.05	2.45	0.50 0.75				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.00	32.00	32.00 31.30 31.00	30.70	30.70	30.65	29.45	28.85	28.45	28.15
KHOẢNG CÁCH MIA	2.90	8.00	0.80	1.80	2.00	1.50	1.50	0.70	0.50	9.20

Đắp nền K95 : 0.24m²
Đào khuôn : 0.18m²
Xới đầm K95 : 0.59m²
Đánh cấp : 0.06m²
Đào móng CD : 0.59m²
Đắp trả móng CD : 0.13m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.31m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
B GC lề+taluy : 1.54m

Đắp nền K95 : 0.98m²
Xới đầm K95 : 0.39m²
Đánh cấp : 0.08m²
Đào móng CD : 0.04m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.76m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
B GC lề+taluy : 1.74m

Đắp nền K95 : 0.16m²
Đào nền : 0.24m²
Đào rãnh : 0.32m²
Đào khuôn : 0.07m²
Xới đầm K95 : 0.53m²
Đào móng CD : 0.37m²
Đắp trả móng CD : 0.07m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 1.11m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-CT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			31.21	31.21	31.14	31.07	31.05	30.48	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.65	0.70	2.75	2.75	0.50	0.75	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	31.23	31.23	31.23	30.73	30.73	30.73	30.68	29.48	28.38
KHOẢNG CÁCH MIA	1.90	10.00	0.50	0.50	1.20	1.50	2.00	2.00	8.90

MSS: 26.00

			30.99	31.24	31.18	31.12	31.10	31.06	
			0.38	0.70	2.75	2.75	0.50	0.40	
	31.96	31.65	30.85	30.65	30.67	30.66	30.96	31.46	29.96
	3.90	10.00	0.30	1.80	1.70	1.00	2.00	5.00	5.00

Đắp nền K95 : 4.43m²
Xới đầm K95 : 0.08m²
Đào móng CD : 0.13m²
Đắp trả móng CD : 0.02m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 1.38m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

Đắp nền K95 : 2.10m²
Xới đầm K95 : 0.19m²

B KC loại 2 (TC) : 3.60m
S bù vênh KCL2 : 1.60m²
B KC loại 1 (mới) : 2.05m

MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			29.98	31.20	31.20	31.19	31.14	29.31	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			1.82	0.70	2.75	2.75	0.50	2.71	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	30.40	30.40	29.90	30.70	30.60	30.60	30.56	28.96	28.81
KHOẢNG CÁCH MIA	2.40	10.00	1.60	2.00	1.50	1.50	10.00	3.00	

MSS: 24.00

			31.20	31.20	31.20	31.25	31.29	30.84	
			1.18	0.70	2.82	2.82	0.50	0.48	
	30.94	30.94	30.94	30.44	30.04	30.44	30.54	30.62	27.84
	1.30	10.00	0.50	0.50	1.50	1.80	1.80	10.00	0.90

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

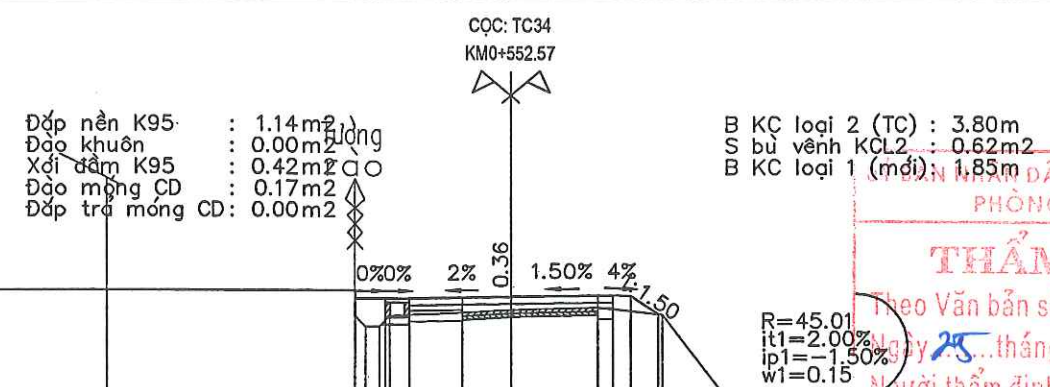
ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025
XÂY DỰNG HÀ THÀNH
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

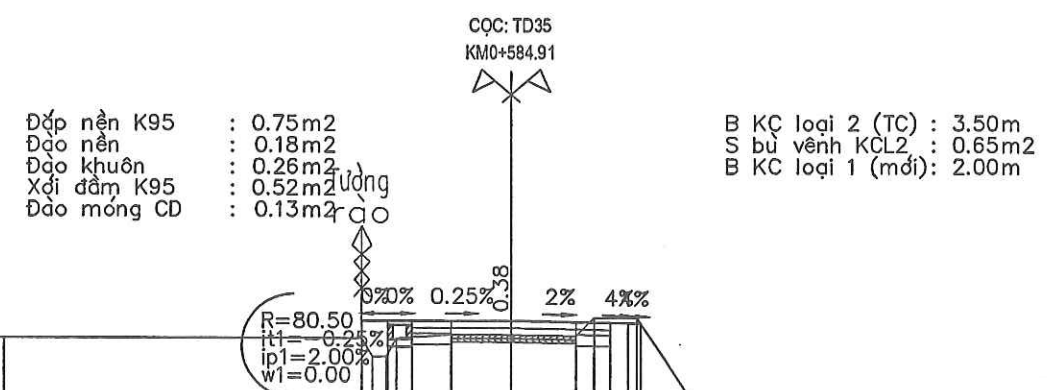
TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

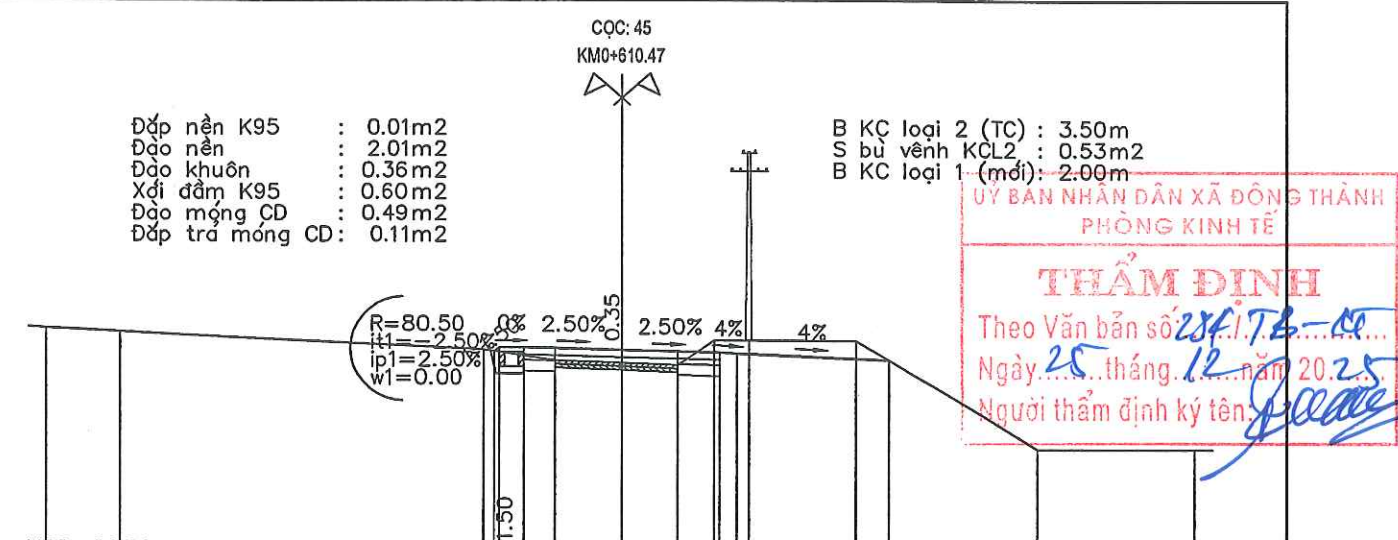
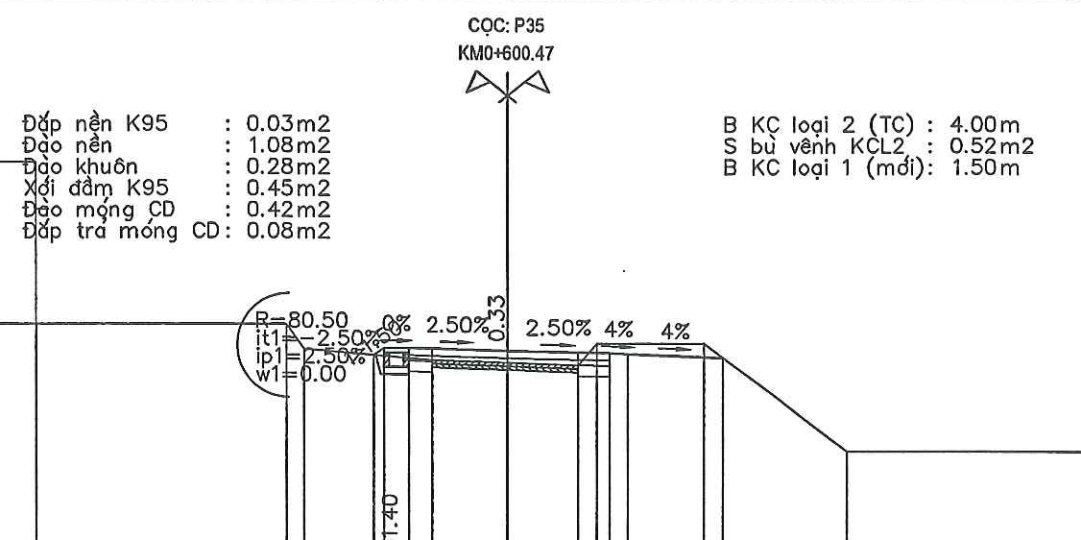
LẦN XUẤT BẢN: 01



R=45.01
it1=2.00%
ip1=-1.50%
w1=0.15

[illegible][illegible]

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢ XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		PHỤNG THỌ THÀNH PHÚ THỌ THÀNH GIÁM ĐỐC HÀ THÀNH PHỤNG THỌ THÀNH
--	---	--------	------------	--	--



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

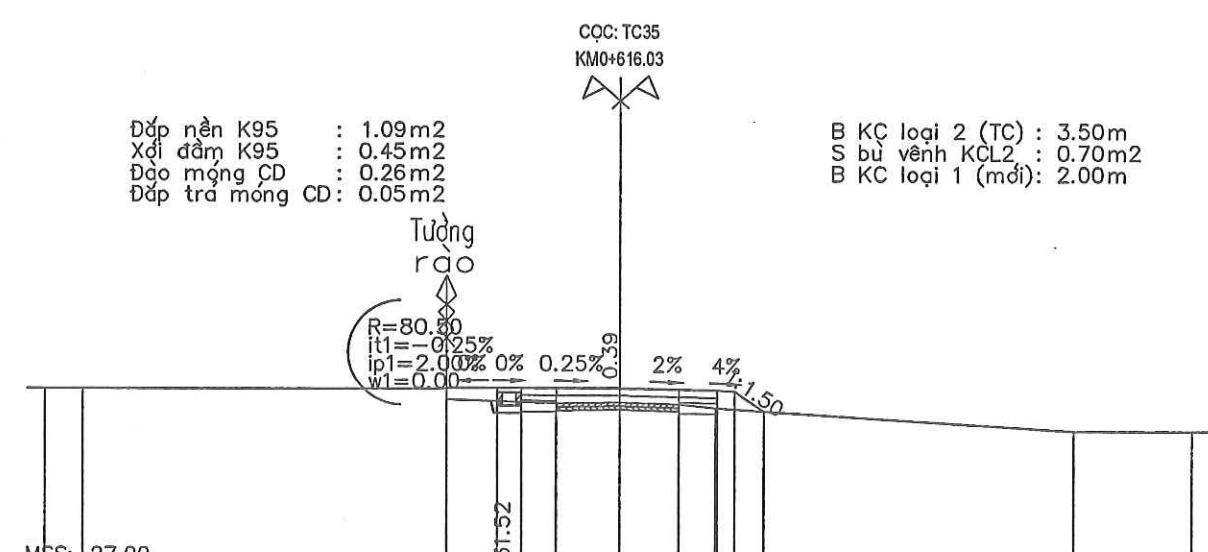
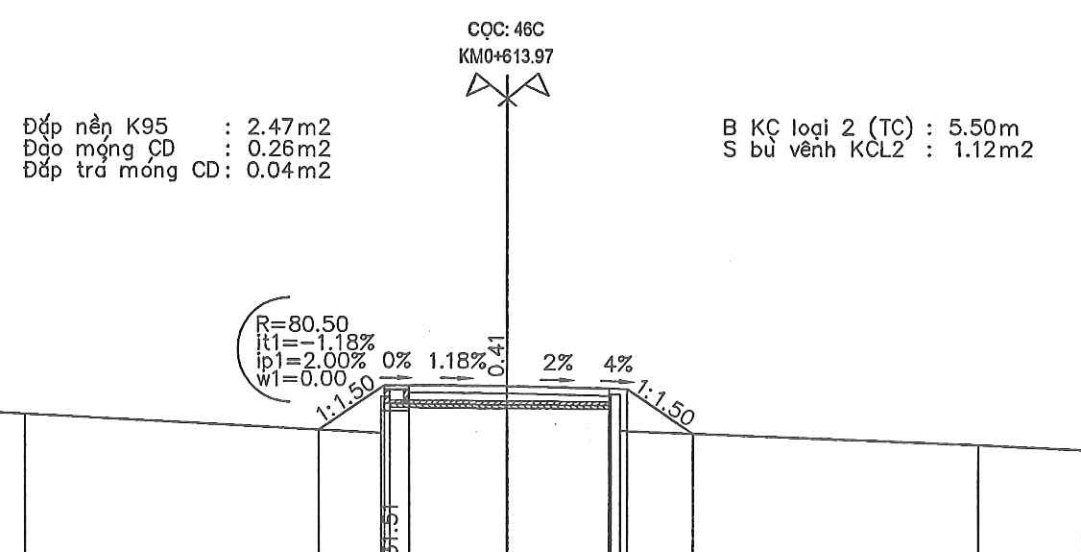
Theo Văn bản số 284/TĐ-CP
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

MSS: 26.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			31.73	31.92	31.85	31.78	31.65		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.29	2.75	2.75	0.50	2.68		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.59	32.59	32.59	31.89	31.59	31.52	31.45	32.05	29.05
KHOẢNG CÁCH MIA	2.80	7.00	0.50	3.60	2.10	1.90	0.50	3.00	4.00

MSS: 26.00

			31.92	32.02	31.95	31.88	31.69		
			0.45	2.75	2.75	0.50	4.25		
	32.56	32.46	31.96	31.66	31.60	31.53	32.23	32.23	29.23
	2.10	10.00	2.00	1.90	1.60	1.00	1.00	3.00	5.00



MSS: 27.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			30.79	32.02	31.98	31.93	30.68		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			1.84	0.70	2.75	2.75	0.50	1.85	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	31.32	31.20	30.70	31.70	31.60	31.57	31.56	30.36	30.24
KHOẢNG CÁCH MIA	2.45	10.00	0.25	3.30	2.80	0.25	10.00	2.95	

MSS: 27.00

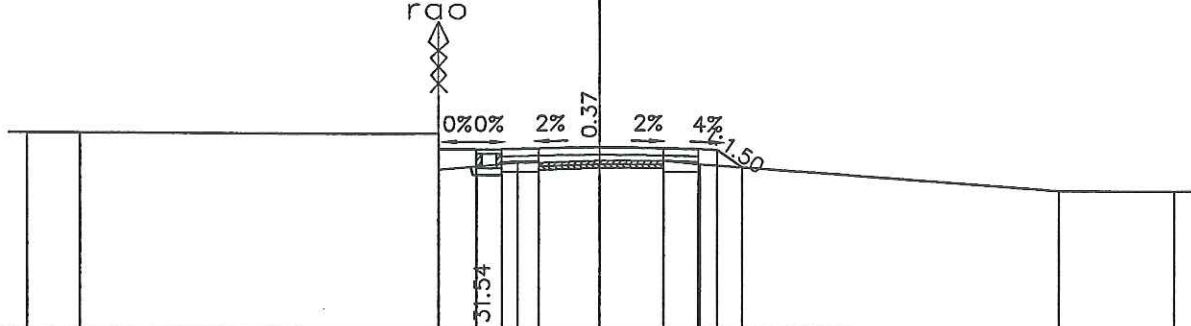
			32.01	32.01	32.00	31.94	31.38		
			1.45	0.70	2.75	2.75	0.50	0.82	
	31.99	31.99	31.99	31.69	31.59	31.61	31.56	30.86	30.86
	1.10	10.00	3.10	1.80	1.70	1.00	10.00	3.30	

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		TỶ LỆ: 1/200
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	C.N.B.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN: 01

CQC: 47
KM0+631.03

Đắp nền K95 : 0.99m²
Đào khuôn : 0.00m²
Xới đầm K95 : 0.53m²
Đào móng CD : 0.23m²
Đắp trả móng CD : 0.03m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.58m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m



MSS: 27.00

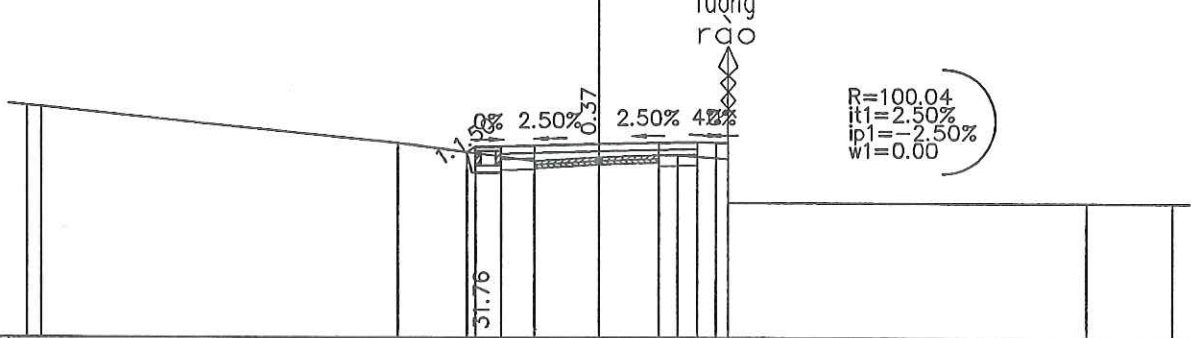
CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.06	32.06	32.06	32.12	32.06	32.04	31.56		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			1.05	0.70	2.75	2.75	0.50	0.73			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.49	32.49	32.49	31.49	31.69	31.75	31.74	31.64		30.94	30.94
KHOẢNG CÁCH MIA	1.50		10.00	2.20	0.60	1.70	1.80	1.00	10.00	3.20	

CQC: P36
KM0+664.97

Đắp nền K95 : 0.45m²
Đào khuôn : 0.02m²
Xới đầm K95 : 0.55m²
Đào móng CD : 0.43m²
Đắp trả móng CD : 0.09m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.63m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

R=100.04
it1=2.50%
ip1=-2.50%
w1=0.00



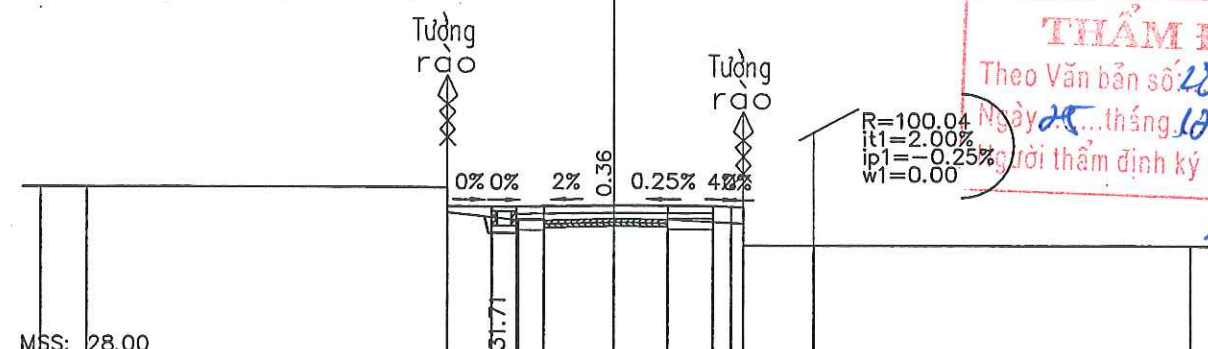
MSS: 27.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.12	32.28	32.28	32.35	32.41	32.39		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.70	2.75	2.75	0.50	0.55			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.41	32.37	32.37	31.87	31.98	32.03	31.93	30.73	30.73	
KHOẢNG CÁCH MIA	0.40		10.00	3.80	1.80	1.70	0.50	1.40	10.00	2.40

CQC: TD36
KM0+652.53

Đắp nền K95 : 0.77m²
Xới đầm K95 : 0.50m²
Đào móng CD : 0.34m²
Đắp trả móng CD : 0.07m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.59m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m



MSS: 28.00

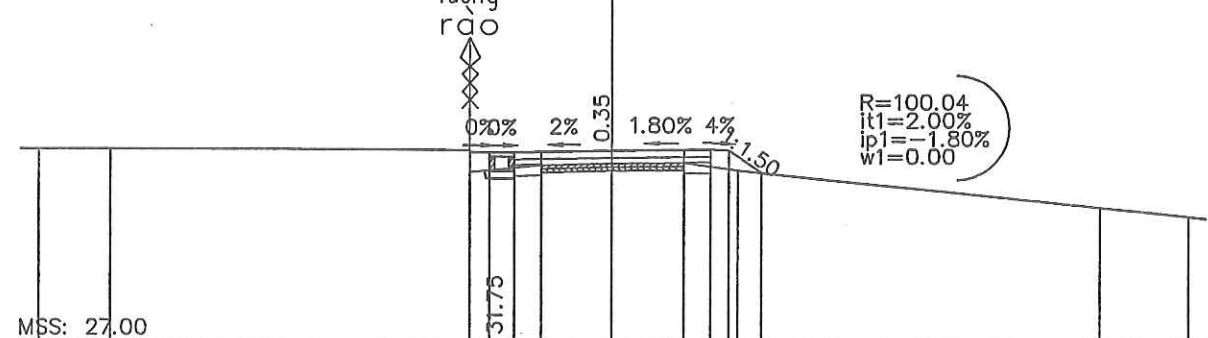
			32.23	32.23	32.23	32.29	32.29	32.27		
			1.25	0.70	2.75	2.75	0.50	0.35		
	32.76	32.76	32.76	32.06	31.86	31.86	31.93	31.91	31.81	31.21
	1.30		10.00	2.00	0.70	2.00	1.50	2.10	2.00	10.40

CQC: 48
KM0+673.97

Đắp nền K95 : 0.86m²
Xới đầm K95 : 0.37m²
Đào móng CD : 0.20m²
Đắp trả móng CD : 0.03m²

B KC loại 2 (TC) : 4.00m
S bù vênh KCL2 : 0.63m²
B KC loại 1 (mới) : 1.50m

R=100.04
it1=2.00%
ip1=-1.80%
w1=0.00



MSS: 27.00

			32.27	32.27	32.27	32.32	32.37	32.35	31.73	
			0.55	0.70	2.75	2.75	0.50	0.93		
	32.31	32.31	32.31	31.71	31.91	31.97	32.00	31.80	30.80	30.55
	2.00		10.00	2.00	2.00	2.00	1.50	10.00	2.50	

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

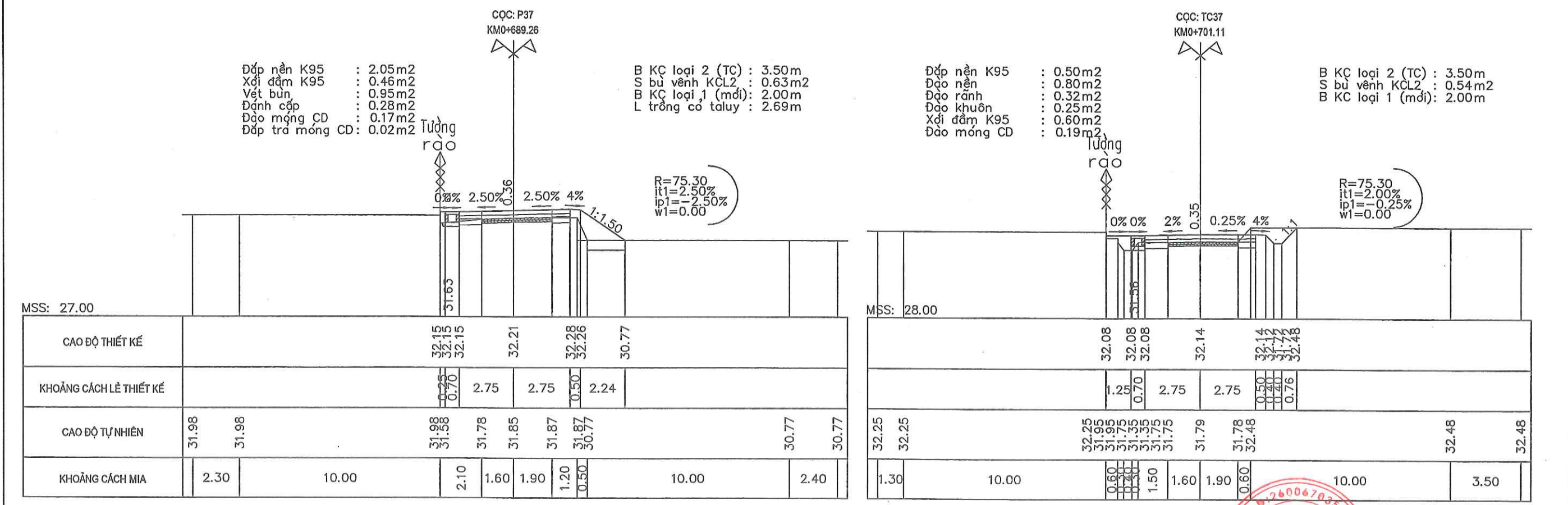
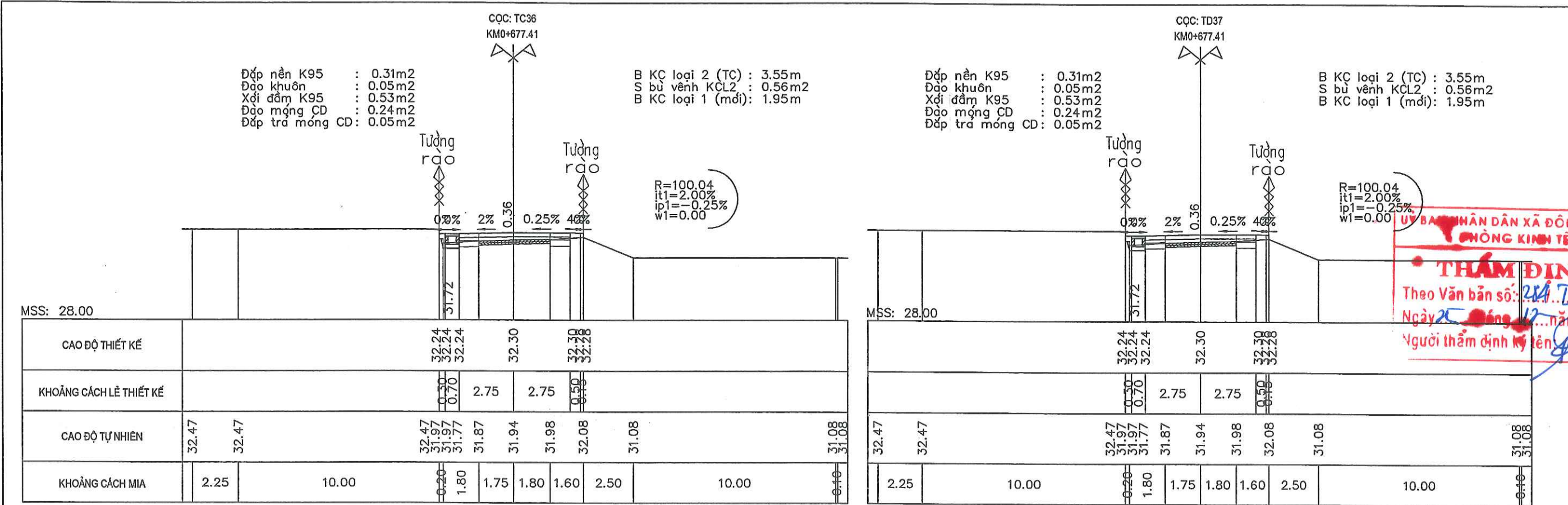
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	

CÔNG TY
CƠ PHÂN
PHÚ THỌ THÁNG 10 NĂM 2025
XÂY DỰNG
HÀ THÀNH
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200
BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN: 01

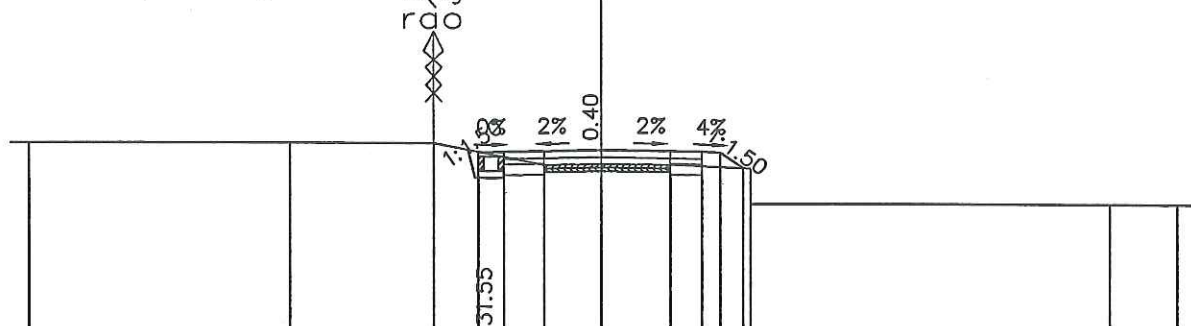


SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		TỶ LỆ: 1/200
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		BẢN VẼ SỐ:
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	K.C.S	VŨ VĂN QUANG	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN : 01
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

CQC: 49C
KM0+708.61

Đắp nền K95 : 0.37m²
Đào khuôn : 0.10m²
Xới đầm K95 : 0.56m²
Đào móng CD : 0.60m²
Đắp trả móng CD : 0.14m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.67m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m



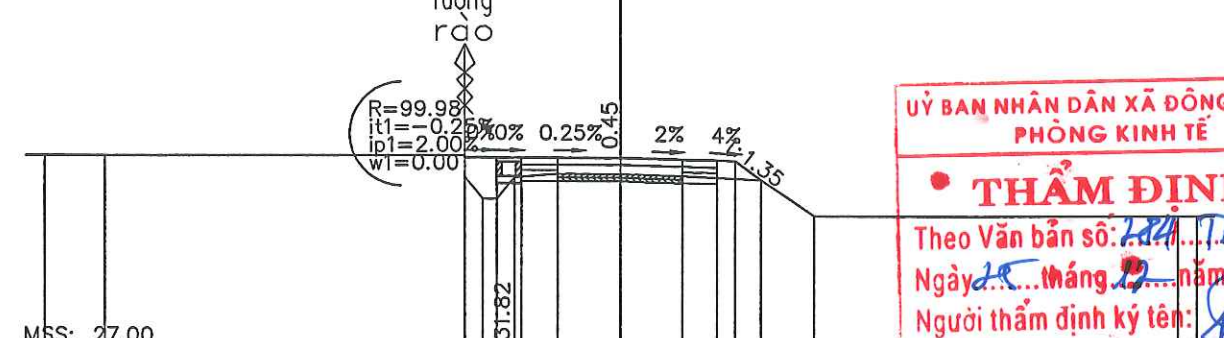
MSS: 27.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.07	32.07	32.13	32.07	32.07	31.62		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.90	2.75	2.75	0.50	0.65			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.31	32.31	32.31	31.71	31.73	31.71	31.61	30.61	30.61	
KHOẢNG CÁCH MIA	7.30	4.00	3.10	1.60	1.90	2.20	10.00	1.90		

CQC: TD38
KM0+731.38

Đắp nền K95 : 1.65m²
Xới đầm K95 : 0.33m²
Đào móng CD : 0.04m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.89m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 0.87m



MSS: 27.00

			32.34	32.34	32.34	32.33	32.28	31.74		
			0.90	0.70	2.75	2.75	0.50	0.70		
	32.38	32.38	32.38	31.78	31.78	31.88	31.88	31.74	30.74	
	1.65	10.00	0.50	0.50	1.20	1.75	1.75	2.20	1.50	10.00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

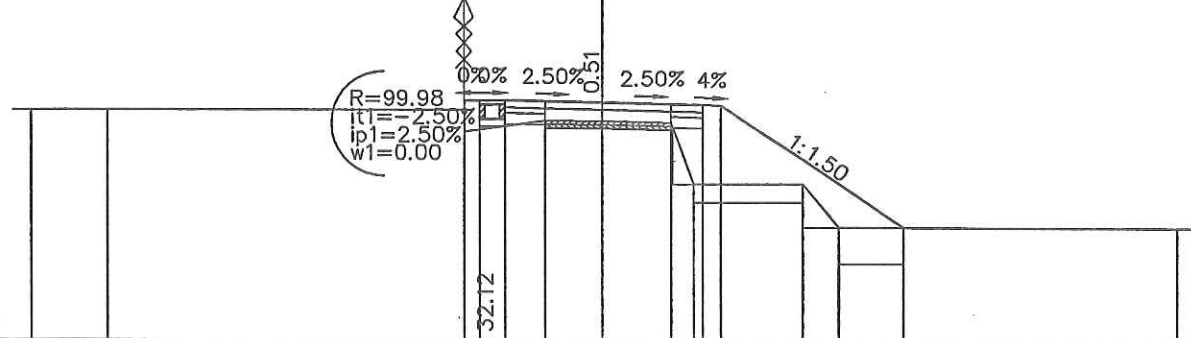
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TB-CT
Ngày 28 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

CQC: P38
KM0+752.96

Đắp nền K95 : 8.12m²
Xới đầm K95 : 0.04m²
Vết bùn : 1.81m²
Vết hữu cơ : 1.50m²
Đánh cấp : 1.03m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 1.11m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 6.08m



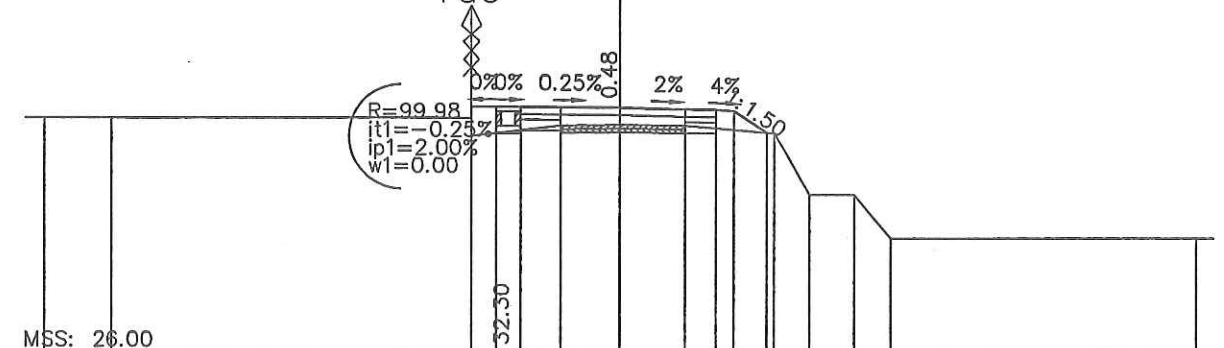
MSS: 26.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.64	32.64	32.57	32.50	32.48	29.11		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.45	0.70	2.75	2.75	0.50	5.06		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.37	32.37	32.37	31.77	32.07	32.06	32.01	30.31	30.31	29.11
KHOẢNG CÁCH MIA	2.10	10.00	2.30	1.60	1.90	0.60	3.00	1.00	9.50	

CQC: TC38
KM0+774.54

Đắp nền K95 : 1.39m²
Xới đầm K95 : 0.24m²
Đào móng CD : 0.03m²

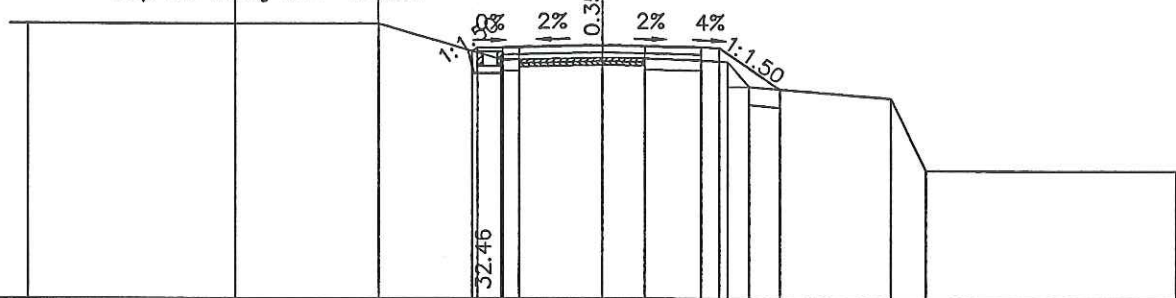
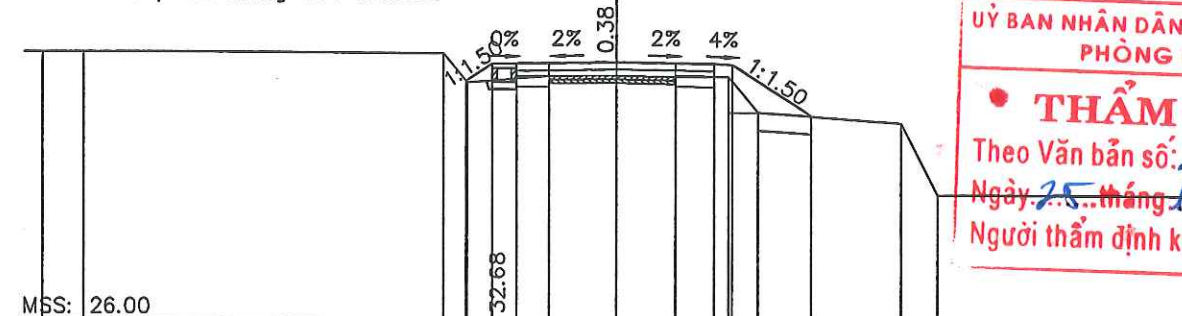
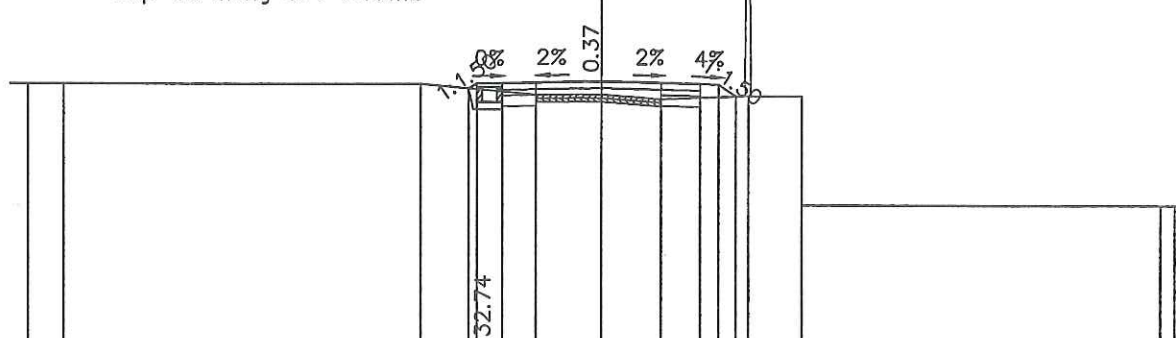
B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.97m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 1.08m



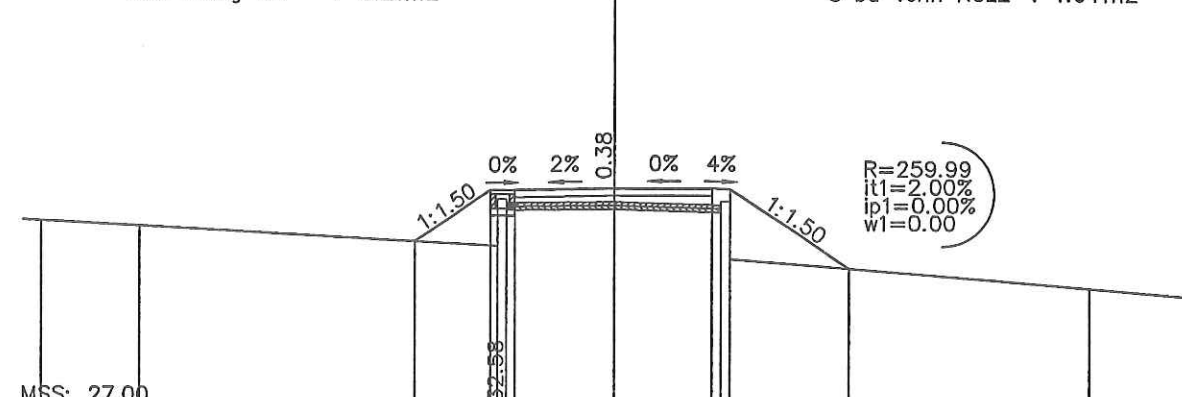
MSS: 26.00

			32.82	32.82	32.82	32.81	32.75	32.14		
			0.70	0.70	2.75	2.75	0.50	0.90		
	32.51	32.51	32.51	32.01	32.31	32.33	32.32	32.12	30.42	29.22
	1.85	10.00	2.50	1.65	1.85	2.50	1.00	1.30	1.00	8.35

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/200
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

[illegible][illegible]

KHOẢNG CÁCH MIA	1.00	10.00	3.20	1.80	1.70	2.40	1.50	10.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.24 33.24		33.24	32.94	32.95	32.82	32.92	26.92 26.92
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				2.75	2.75			
CAO ĐỘ THIẾT KẾ				33.12 33.26 33.26	33.32		33.26 33.24 32.91	



32.19	32.05	31.55 32.85 32.85 32.75	31.67 33.10 33.10	2.15	2.75	2.75	0.50	3.30	30.94	33.16 33.14	31.67 33.10 33.10
2.75	10.00	3.00	3.00	10.00	2.75	30.40					

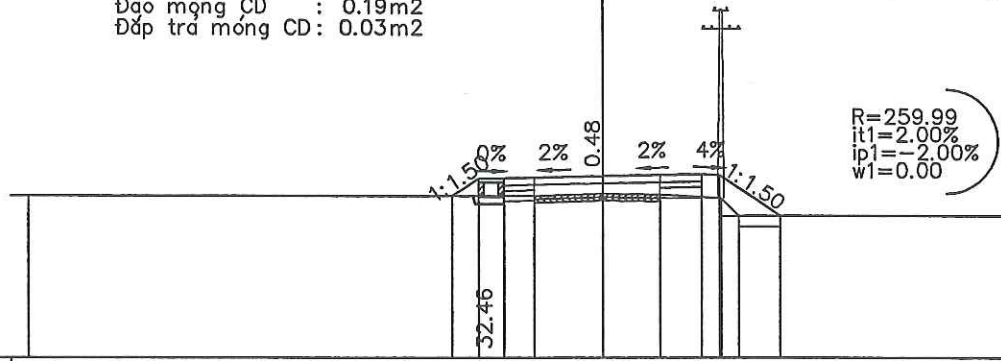
LẦN XUẤT BẢN : 01

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

CQC: P39
KM0+873.46

Đắp nền K95 : 1.73m²
Xới đầm K95 : 0.20m²
Vết hữu cơ : 0.35m²
Định cấp : 0.13m²
Đào móng CD : 0.19m²
Đắp trả móng CD : 0.03m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 1.05m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 2.07m



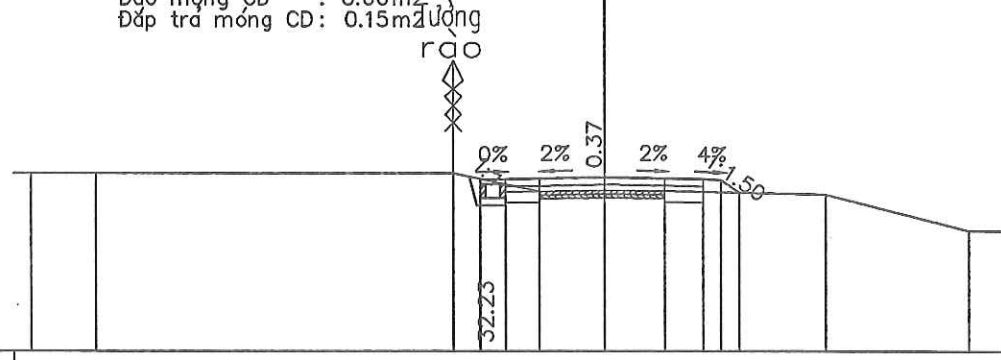
MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	32.49	32.98	33.03	33.09	31.92	31.92
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.73	0.70	2.75	2.75	0.50	1.72
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.49	32.49	32.55	32.52	32.42	31.92
KHOẢNG CÁCH MIA	14.10	1.90	1.60	1.70	0.50	10.00

CQC: 53
KM0+908.38

Đắp nền K95 : 0.27m²
Đào nền : 0.14m²
Đào khuôn : 0.10m²
Xới đầm K95 : 0.60m²
Đào móng CD : 0.60m²
Đắp trả móng CD : 0.15m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.57m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m



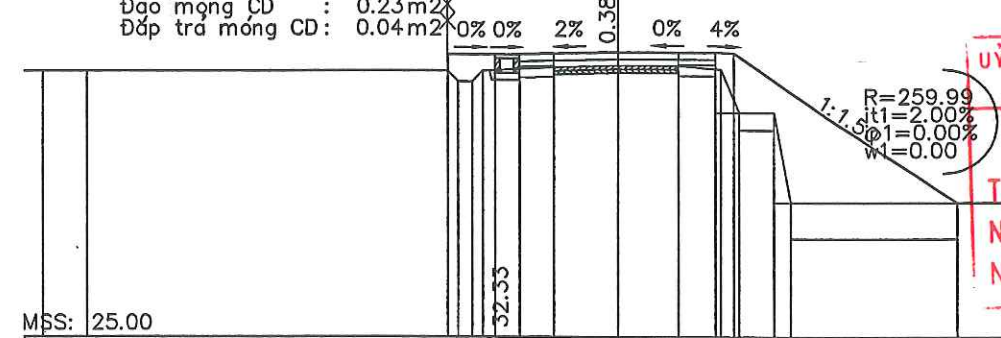
MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	32.76	32.75	32.80	32.75	32.57	31.32
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.91	0.70	2.75	2.75	0.50	0.53
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.91	32.91	32.91	32.41	32.43	32.42
KHOẢNG CÁCH MIA	1.80	10.00	2.40	1.80	1.70	4.50

CQC: TC39
KM0+889.38

Đắp nền K95 : 10.76m²
Xới đầm K95 : 0.48m²
Vết hữu cơ : 4.58m²
Định cấp : 0.50m²
Đào móng CD : 1.11m²
Đắp trả móng CD : 0.23m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.63m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 7.49m



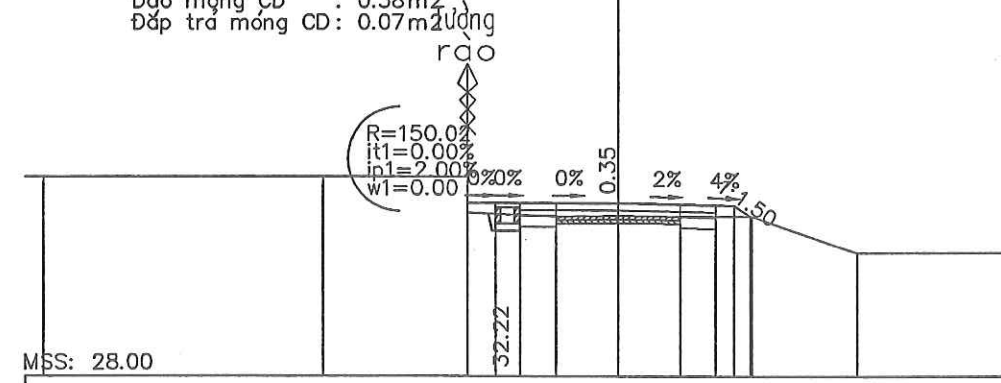
MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	32.85	32.85	32.91	32.91	28.73	28.73
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	1.35	0.70	2.75	2.75	0.50	6.23
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.38	32.38	32.48	32.53	32.53	28.73
KHOẢNG CÁCH MIA	1.20	10.00	2.00	1.80	1.70	1.10

CQC: TD40
KM0+914.97

Đắp nền K95 : 0.46m²
Đào nền : 0.03m²
Đào khuôn : 0.59m²
Xới đầm K95 : 0.38m²
Đào móng CD : 0.07m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.54m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m



MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	32.78	32.78	32.78	32.78	32.73	31.41
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.80	0.70	2.75	2.75	0.50	0.45
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.51	33.51	32.41	32.43	32.41	31.41
KHOẢNG CÁCH MIA	7.75	4.00	2.50	1.75	1.75	2.00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 241/B-CT

Ngày: 25 tháng 12 năm 2023

Người thẩm định ký tên: [Signature]

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHÚ THỌ, THÁNG 07/2025	TỶ LỆ: 1/200
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	GIÁM ĐỐC	BẢN VẼ SỐ:
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 2.00m²
Đào khuôn : 0.00m²
Xới đầm K95 : 0.42m²
Đánh cấp : 0.78m²
Đào móng CD : 0.38m²
Đắp trả móng CD : 0.07m²

B KC loại 2 (TC) : 3.80m
S bù vênh KCL2 : 0.56m²
B KC loại 1 (mới) : 1.70m
L trồng cỏ taluy : 2.92m

Đắp nền K95 : 0.17m²
Đào khuôn : 0.09m²
Xới đầm K95 : 0.60m²
Đào móng CD : 0.47m²
Đắp trả móng CD : 0.11m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.44m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 184/TC-CT

Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 26.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		32.78	32.78	32.78	32.72	32.67	32.65	30.91	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.15	0.70	2.75	2.75	0.50	2.35		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.52	32.52	32.42	32.39	32.31	32.21	31.41	30.91	29.11
KHOẢNG CÁCH MIA	11.40	2.20	2.40	1.40	1.50	0.70	2.00	1.00	9.40

MSS: 27.00

		32.60	32.69	32.69	32.63	32.40			
		0.45	0.70	2.75	2.75	0.50			
	33.73	32.73	32.43	32.33	32.37	32.33	32.43	30.93	30.93
	1.90	10.00	1.20	1.40	1.50	2.00	2.40	1.50	10.00

Đắp nền K95 : 0.44m²
Đào khuôn : 0.23m²
Xới đầm K95 : 0.60m²
Đào móng CD : 0.35m²
Đắp trả móng CD : 0.03m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.25m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

Đắp nền K95 : 0.88m²
Đào móng CD : 0.21m²

B KC loại 2 (TC) : 5.50m
S bù vênh KCL2 : 0.00m²

MSS: 29.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		32.64	32.64	32.64	32.70	32.64	32.56		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.75	0.70	2.75	2.75	0.50	0.35		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.18	32.48	32.18	32.48	32.38	32.41	32.42	32.14	32.14
KHOẢNG CÁCH MIA	1.80	10.00	0.40	0.40	1.50	1.50	2.00		14.00

MSS: 28.00

		31.74	32.68	32.68	32.73	32.68	32.68		
		1.41	0.70	2.75	2.75	0.50	0.35		
	32.41	32.23	31.63	32.63	32.53	32.55	32.65	31.55	31.55
	2.95	10.00	0.25	0.25	2.80	3.20	10.00		2.55

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>



NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

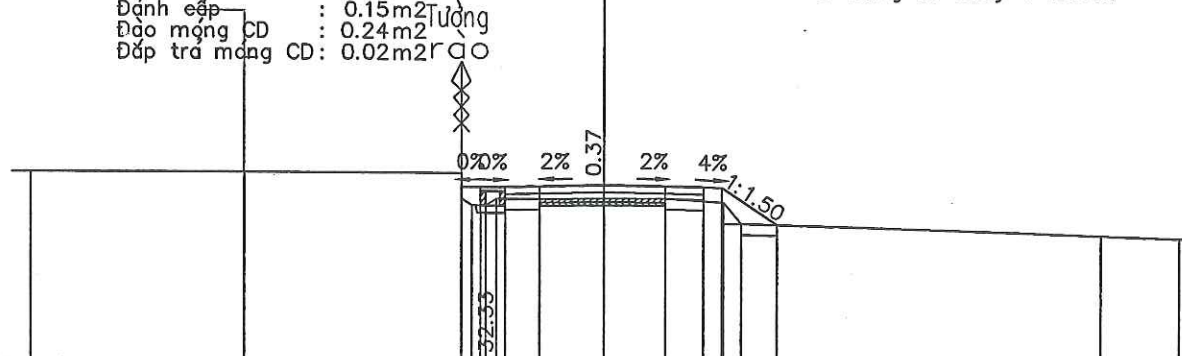
BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

CQC: 56
KM0+988.27

Đắp nền K95 : 1.06m2
Đào khuôn : 0.01m2
Xới đầm K95 : 0.58m2
Vết hữu cơ : 0.30m2
Đánh cấp : 0.15m2
Đào móng CD : 0.24m2
Đắp trả móng CD : 0.02m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.55m2
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 1.86m



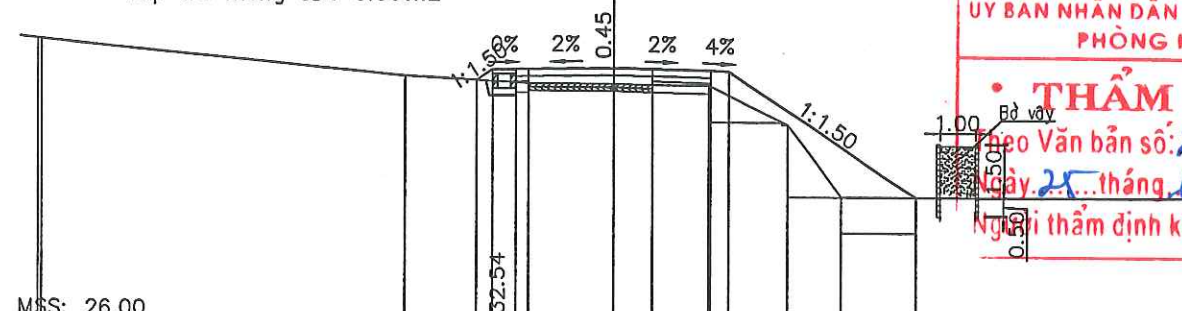
MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	32.85	32.85	32.91	32.85	31.80
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.55	0.70	2.75	2.75	1.55
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.22	33.22	32.52	32.52	31.53
KHOẢNG CÁCH MIA	6.00	6.00	1.20	1.80	1.70

CQC: 57
KM1+008.27

Đắp nền K95 : 4.14m2
Xới đầm K95 : 0.46m2
Vết hữu cơ : 2.09m2
Đánh cấp : 2.51m2
Đào móng CD : 0.32m2
Đắp trả móng CD : 0.06m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.80m2
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 6.29m



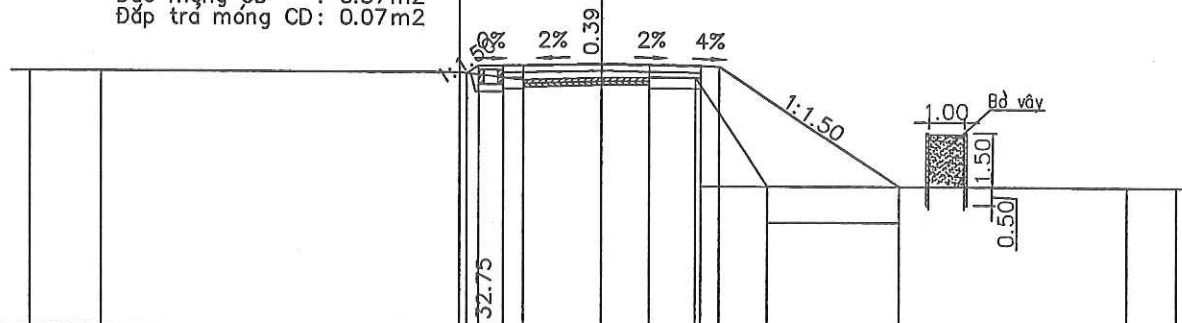
MSS: 26.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	32.76	32.76	33.12	33.06	29.55
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.46	0.70	2.75	2.75	5.24
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.87	33.87	32.67	32.65	31.55
KHOẢNG CÁCH MIA	10.00	3.50	2.40	1.10	1.60

CQC: 58
KM1+028.27

Đắp nền K95 : 7.44m2
Đào khuôn : 0.00m2
Xới đầm K95 : 0.56m2
Vết hữu cơ : 3.63m2
Đánh cấp : 2.57m2
Đào móng CD : 0.37m2
Đắp trả móng CD : 0.07m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.68m2
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 5.98m



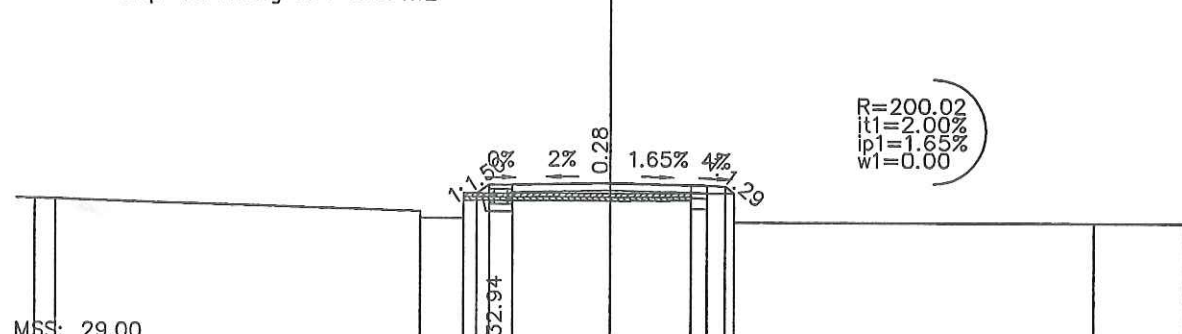
MSS: 26.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	33.05	33.05	33.32	33.27	29.93
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.55	0.70	2.75	2.75	4.98
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.07	33.07	32.87	32.93	29.93
KHOẢNG CÁCH MIA	2.00	10.00	1.80	2.20	1.30

CQC: 59C
KM1+045.27

Đắp nền K95 : 0.17m2
Đào khuôn : 0.06m2
Xới đầm K95 : 0.13m2
Đào móng CD : 0.41m2
Đắp trả móng CD : 0.07m2

B KC loại 2 (TC) : 5.05m
S bù vênh KCL2 : 0.28m2
B KC loại 1 (mới) : 0.45m



MSS: 29.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	33.22	33.22	33.52	33.47	32.46
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.36	0.70	2.75	2.75	2.50
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.04	33.02	32.72	32.52	32.46
KHOẢNG CÁCH MIA	10.00	1.20	4.20	2.30	1.20

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

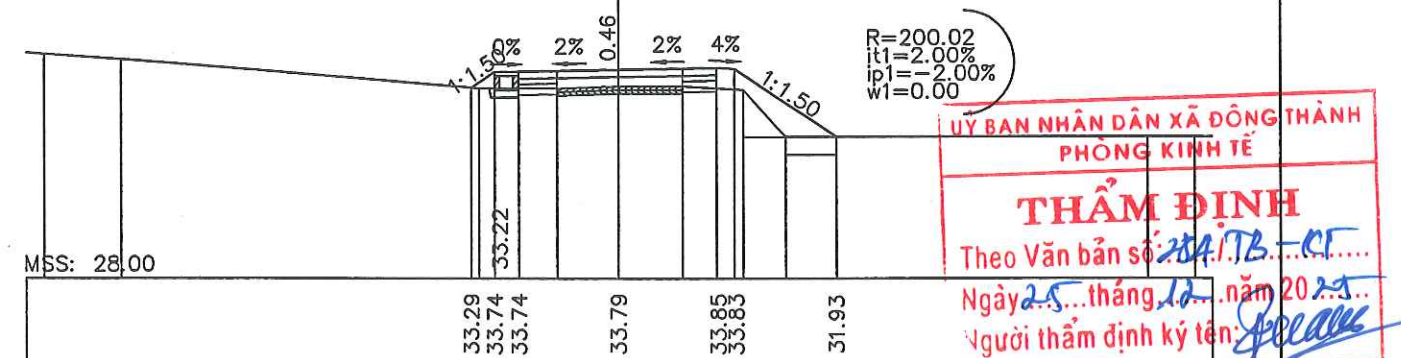
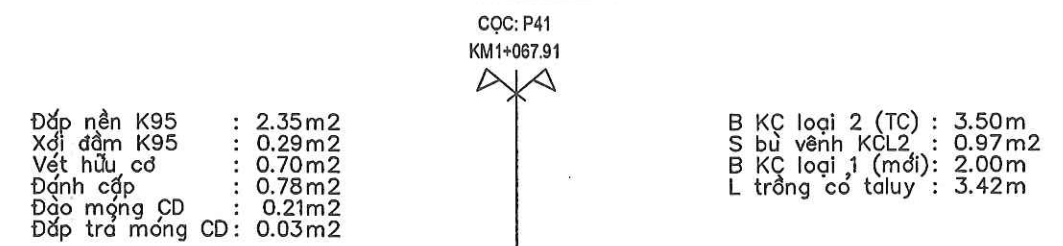
ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	



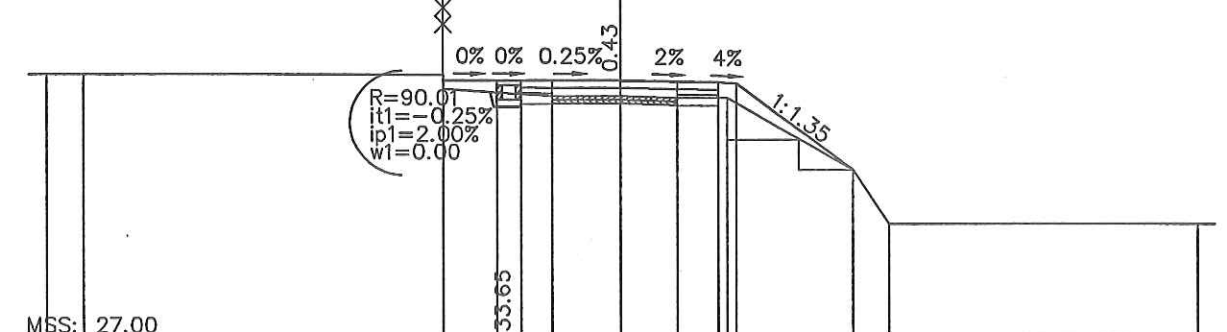
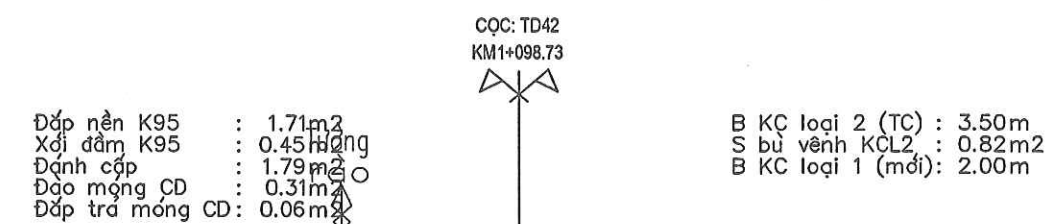
TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

MSS: 28.00

2.10	10.00	2.20	1.70	1.80	1.70	1.20	10.00	1.30
34.24	34.07	33.27	33.27	33.33	33.33	33.23	31.93	31.93
		0.67	2.75	2.75	0.50	2.85		
		0.70						
		33.29	33.74	33.74	33.79	33.85	31.93	
		33.74				33.83		
		33.74						

MSS: 27.00

1.00	10.00	3.10	1.90	1.60	1.40	3.50	1.00	8.50	34.33 34.33	34.33 33.93	1.55 0.70	2.75	2.75	0.50	3.25	34.17 34.17 34.17	34.16	34.11 34.09	31.68	30.18
------	-------	------	------	------	------	------	------	------	----------------	----------------	--------------	------	------	------	------	-------------------------	-------	----------------	-------	-------

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

PHỤ THẠM GIÁM ĐỐC
CÔNG TY KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG
VIỆT TRÍ - T. PHÚ THỌ
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

LẦN XUẤT BẢN : 01

Đắp nền K95 : 3.05m²
Xới đầm K95 : 0.49m²
Đào móng CD : 0.27m²
Đắp trả móng CD : 0.04m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.58m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

Đắp nền K95 : 0.68m²
Xới đầm K95 : 0.42m²
Đào móng CD : 0.29m²
Đắp trả móng CD : 0.05m²

B KC loại 2 (TC) : 3.70m
S bù vênh KCL2 : 0.80m²
B KC loại 1 (mới) : 1.80m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 214/TB-CT.....
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			33.87 34.27 34.27	34.20	34.13 34.11	32.20	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.60 0.70	2.75	2.75	0.50 2.86	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.31 33.27		32.77 33.67	33.87	33.86	33.75 33.65 32.35	31.85 31.71
KHOẢNG CÁCH MIA	0.70	10.00	3.60	1.70	1.80	1.40	10.00 2.80

MSS: 30.00

			34.27 34.27 34.27	34.20	34.14 34.12	33.72	
			0.65 0.70	2.75	2.75	0.50 0.59	
	33.92 33.92		33.92	33.82	33.80	33.72	33.72
	1.90	10.00	2.50	1.60	2.10		10.00 3.90

Đắp nền K95 : 0.57m²
Đào khuôn : 0.03m²
Xới đầm K95 : 0.47m²
Đào móng CD : 0.24m²
Đắp trả móng CD : 0.03m²

B KC loại 2 (TC) : 3.80m
S bù vênh KCL2 : 0.61m²
B KC loại 1 (mới) : 1.70m

Đắp nền K95 : 3.31m²
Đào khuôn : 0.05m²
Xới đầm K95 : 0.47m²
Vết hữu cơ : 0.52m²
Đánh cấp : 2.70m²
Đào móng CD : 0.47m²
Đắp trả móng CD : 0.10m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.60m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

MSS: 30.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			34.10 34.10 34.10	34.10	34.04 34.04	33.87	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.55 0.70	2.75	2.75	0.50 0.23	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.24 33.24		33.24 33.64 33.74	33.75	33.67	33.87	33.87
KHOẢNG CÁCH MIA	2.00	10.00	0.40 1.80	1.80	2.00	1.20	10.00 2.80

MSS: 27.00

			33.65 33.78 33.78	33.83	33.76	30.59	
			0.60 0.70	2.75	2.75	0.50 4.75	
	34.28 34.28		34.28 33.78	33.48	33.44	33.39	30.59
	1.25	10.00	2.60	2.15	1.35	1.60	4.00 9.05

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>

PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
XÂY DỰNG
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 1.90m2
Xới đầm K95 : 0.36m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.74m2
B KC loại 1 (mới): 2.00m

Đắp nền K95 : 0.93m2
Xới đầm K95 : 0.26m2

B KC loại 2 (TC) : 3.70m
S bù vênh KCL2 : 1.07m2
B KC loại 1 (mới): 1.80m
B GC lề+taluy : 1.58m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 204/TĐ-CT

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			33.39	33.65	33.65	33.60	33.10		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.40	0.70	2.75	2.75	0.50	0.71	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.64	33.64	33.64	32.14	33.14	33.24	33.25	33.19	33.09
KHOẢNG CÁCH MIA	2.15	10.00	1.30	0.80	1.75	1.75	2.50	1.00	10.00

MSS: 28.00

			33.43	33.84	33.76	33.73	33.01		
			0.57	0.50	3.65	1.85	0.50	0.56	
	33.65	33.65	33.65	33.45	33.35	33.27	33.21	33.01	31.21
	0.90	10.00	2.50	2.60	1.10	1.60	0.70	3.00	9.10

Đắp nền K95 : 0.74m2
Xới đầm K95 : 0.33m2

B KC loại 2 (TC) : 4.00m
S bù vênh KCL2 : 1.04m2
B KC loại 1 (mới): 1.50m

Đắp nền K95 : 0.26m2
Đạo khuôn : 0.18m2
Xới đầm K95 : 0.42m2

B KC loại 2 (TC) : 4.10m
S bù vênh KCL2 : 0.07m2
B KC loại 1 (mới): 1.40m

MSS: 29.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			33.48	33.85	33.81	33.76	33.28		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.56	0.50	2.75	2.75	0.50	0.68	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.54	33.54	33.54	33.44	33.34	33.30	33.40	33.20	32.70
KHOẢNG CÁCH MIA	0.20	10.00	3.20	2.60	1.40	1.60	1.60	10.00	1.40

MSS: 29.00

			33.81	33.93	33.87	33.77			
			0.44	0.50	2.75	2.75	0.50	0.59	
	33.42	33.42	33.42	33.72	33.71	33.65	33.95	33.95	32.95
	1.10	8.00	5.00	1.90	2.20	3.00	2.00	4.00	4.80

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>



PHÚ THỌ, THANG KIỂM TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 0.02m2
Đào nền : 0.02m2
Đào khuôn : 0.70m2
Xới đầm K95 : 1.65m2
Đào kết cấu cũ : 0.80m2

CỌC: 63
KM1+212.49

B KC loại 1 (mới): 5.50m

CỌC: 64
KM1+223.69

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TB-CV
Ngày 25 tháng 10 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Xuân Đạt*

MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	33.89 33.91 33.97 33.91 33.86										
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.50 2.75 2.75 0.50										
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.95	32.95	31.45 32.45	33.95	33.85	33.87	33.86	33.86	33.86	33.86	33.86
KHOẢNG CÁCH MIA	4.80	3.00	1.00	4.00	1.20	2.00	2.00	1.20	10.00	2.80	

MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ											
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ											
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	28.57	28.57		28.57	34.57	34.27	34.02	34.05	34.05	34.30	34.60
KHOẢNG CÁCH MIA	2.45	10.00		3.00	3.00		10.00			2.45	

MSS: 24.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ											
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ											
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	28.58	28.58		28.58	34.58	34.28	34.03	34.04	34.04	34.28	27.79
KHOẢNG CÁCH MIA	2.45	10.00		3.00	3.00		10.00			2.45	

MSS: 25.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ											
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ											
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	28.55	28.55		28.55	34.55	34.25	34.00	34.03	34.03	34.28	28.08
KHOẢNG CÁCH MIA	2.45	10.00		3.00	3.00		10.00			2.45	

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>Ru</i>



NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 0.82m2
Đào khuôn : 0.82m2
Xới đầm K95 : 1.65m2
Đào kết cấu cũ : 0.80m2
Vết bùn : 0.44m2
Đánh cấp : 1.13m2

B KC loại 1 (mới): 5.50m
L trồng cỏ taluy : 2.92m

Đắp nền K95 : 1.86m2
Đào nền : 0.11m2
Đào rãnh : 0.32m2
Đào khuôn : 0.27m2
Xới đầm K95 : 1.65m2
Đào kết cấu cũ : 0.71m2
Vết bùn : 0.72m2
Đánh cấp : 1.20m2

B KC loại 1 (mới): 5.50m
L trồng cỏ taluy : 3.58m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 224/TĐ-CT

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Người thẩm định ký tên: [Signature]

MSS: 29.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			32.41	34.03	34.05	34.10	34.05	34.02		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			2.43	0.50	2.75	2.75	0.50	0.50		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	32.41	32.41	32.41	33.91	34.01	34.04	34.02	34.02	33.22	33.00
KHOẢNG CÁCH MIA	1.20	10.00	1.50	1.30	2.00	2.00	1.30	10.00	2.70	

MSS: 29.00

			32.18	34.17	34.19	34.19	34.13	34.17	34.20	
			2.98	0.50	2.75	2.75	0.50	0.49	0.49	
32.18	32.18		32.18	33.78	33.98	34.02	34.00	34.20	34.20	33.20
1.20	10.00		1.50	1.40	1.90	1.65	2.00	4.00	8.00	0.35

Đắp nền K95 : 0.35m2
Đào khuôn : -0.04m2
Xới đầm K95 : 1.65m2
Đào kết cấu cũ : 0.83m2

B KC loại 1 (mới): 5.50m

Đắp nền K95 : 1.31m2
Xới đầm K95 : 0.45m2
Vết bùn : 0.51m2
Đánh cấp : 0.13m2

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.66m2
B KC loại 1 (mới): 2.00m

MSS: 30.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			34.05	34.36	34.31	34.25	34.25	33.99		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.44	0.50	2.75	2.75	0.50	0.30		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.61	33.61	34.11	34.13	34.09	33.99	33.99	33.99	33.99	33.99
KHOẢNG CÁCH MIA	5.30	8.00	2.70	1.45	2.00	10.00	2.55			

MSS: 30.00

			33.47	34.45	34.47	34.47	34.42	34.36		
			1.48	0.50	2.75	2.75	0.50	0.45		
33.47	33.47		33.47	33.97	34.07	34.08	34.06	33.96	33.96	33.96
2.30	10.00		0.50	1.80	1.40	2.10	0.50	10.00	1.70	

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]

PHÚ THỌ THÁNG 12 NĂM 2025

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 0.97m2
Xới đầm K95 : 0.42m2

B KC loại 2 (TC) : 3.60m
S bù vênh KCL2 : 0.92m2
B KC loại 1 (mới): 1.90m

Đắp nền K95 : 0.65m2
Đào khuôn : 0.12m2
Xới đầm K95 : 0.52m2

B KC loại 2 (TC) : 3.70m
S bù vênh KCL2 : 0.47m2
B KC loại 1 (mới): 1.80m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 24/TB-ST

Ngày: 25 tháng 12 năm 2015

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 30.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		34.23	34.73	34.81	34.75	34.42	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.76	0.50	2.75	2.75	0.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.61	33.61	34.11	34.31	34.35	34.42	34.42
KHOẢNG CÁCH MIA	8.60	0.50	5.00	1.90	1.70	1.30	8.40

MSS: 31.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		34.56	35.07	35.14	35.09	34.92	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.77	0.50	2.75	2.75	0.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	34.46	34.46	34.46	34.76	34.81	34.82	34.92
KHOẢNG CÁCH MIA	1.00	10.00	3.00	2.00	1.70	1.10	2.60

Đắp nền K95 : 0.58m2
Đào khuôn : 0.06m2
Xới đầm K95 : 0.54m2

B KC loại 2 (TC) : 3.70m
S bù vênh KCL2 : 0.35m2
B KC loại 1 (mới): 1.80m

Đắp nền K95 : 0.48m2
Đào khuôn : 0.12m2
Xới đầm K95 : 0.57m2

B KC loại 2 (TC) : 3.60m
S bù vênh KCL2 : 0.24m2
B KC loại 1 (mới): 1.90m

MSS: 31.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		34.95	35.26	35.25	35.20	34.81	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.43	0.50	2.75	2.75	0.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	34.95	34.95	34.95	34.97	34.81	34.81	34.81
KHOẢNG CÁCH MIA	4.10	10.00	1.90	1.80	1.40	0.60	1.80

MSS: 30.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		35.12	35.36	35.29	35.22	34.84	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.32	0.50	2.75	2.75	0.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.94	33.94	33.94	35.04	35.04	34.88	34.88
KHOẢNG CÁCH MIA	1.10	10.00	1.00	2.10	1.80	1.60	2.10

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY
PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2015
KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

Đắp nền K95 : 2.48m²
Đào khuôn : 0.10m²
Xới đầm K95 : 0.59m²
Vết bùn : 1.12m²
Đánh cấp : 0.33m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.30m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 3.04m

Đắp nền K95 : 0.36m²
Đào khuôn : 0.04m²
Xới đầm K95 : 0.59m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.46m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

MSS: 31.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			33.62	35.31	35.32	35.27	35.09	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			2.53	0.50	2.90	2.60	0.50	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	33.62	33.62	33.62	34.92	35.02	35.05	35.08	35.09
KHOẢNG CÁCH MIA	2.30	10.00	0.50	1.50	1.70	1.80	0.80	8.80

MSS: 29.00

			34.97	35.31	35.37	35.39	35.37	
			0.48	0.50	2.75	2.75	0.50	
	32.47	32.47	34.97	35.04	35.07	35.27	35.37	35.37
	7.70	2.00	5.00	1.30	2.20	1.30	10.00	1.70

Đắp nền K95 : 0.34m²
Đào khuôn : 0.18m²
Xới đầm K95 : 0.60m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.33m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

Đắp nền K95 : 1.57m²
Xới đầm K95 : 0.27m²
Vết hữu cơ : 0.35m²
Đánh cấp : 0.23m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.92m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m

MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ			35.09	35.22	35.33	35.44	35.10	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			0.50	2.75	2.75	0.50	0.48	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	31.61	31.61	35.11	35.01	35.06	35.07	35.35	35.35
KHOẢNG CÁCH MIA	2.00	5.00	5.00	2.60	1.40	2.10	13.90	

MSS: 29.00

			34.61	35.02	35.09	35.12	34.40	
			0.61	0.50	2.75	2.75	0.50	
	32.11	32.11	34.61	34.64	34.61	34.41	34.41	34.41
	9.10	1.50	3.50	1.90	1.60	1.70	10.00	1.70

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	

PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

Đắp nền K95 : 3.19m²
Đào khuôn : 0.10m²
Xới đầm K95 : 0.60m²
Vết bùn : 0.70m²
Vết hữu cơ : 0.27m²
Đánh cấp : 2.16m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.40m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 4.99m

Đắp nền K95 : 3.88m²
Đào khuôn : 0.21m²
Xới đầm K95 : 0.60m²
Vết bùn : 0.84m²
Vết hữu cơ : 0.26m²
Đánh cấp : 2.12m²

B KC loại 2 (TC) : 3.50m
S bù vênh KCL2 : 0.03m²
B KC loại 1 (mới) : 2.00m
L trồng cỏ taluy : 4.96m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/TĐ-CT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

MSS: 28.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		31.89		34.68	34.73	34.68	34.13		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		4.15	0.50	2.75	2.75	0.50	0.79		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	31.89	31.89	34.39	34.39	34.41	34.39	34.39	35.19	35.19
KHOẢNG CÁCH MIA	10.00	3.00	1.20	1.80	1.70	1.40	0.40	10.00	1.10

MSS: 28.00

		31.91		34.68	34.74	34.68	34.08		
		4.13	0.50	2.75	2.75	0.50	0.87		
	31.91	31.91	34.41	34.51	34.54	34.46	34.36	35.36	35.36
	10.00	3.00	1.20	1.50	2.00	1.20	0.40	10.00	0.60

Đắp nền K95 : 0.93m²

B KC loại 3 : 6.27m
S bù vênh KCL3 : 0.02m²

Đắp nền K95 : 0.87m²

B KC loại 3 : 6.27m

MSS: 27.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		34.80	34.83	34.80		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		3.14	3.13			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	30.91	30.91	34.91	34.66	34.67	30.72
KHOẢNG CÁCH MIA	2.45	10.00	3.00	3.00	10.00	2.45

MSS: 27.00

		34.82	34.85	34.82		
		3.13	3.14			
	30.94	30.94	34.94	34.69	34.70	30.73
	2.45	10.00	3.00	3.00	10.00	2.45

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH
(TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

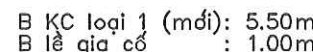
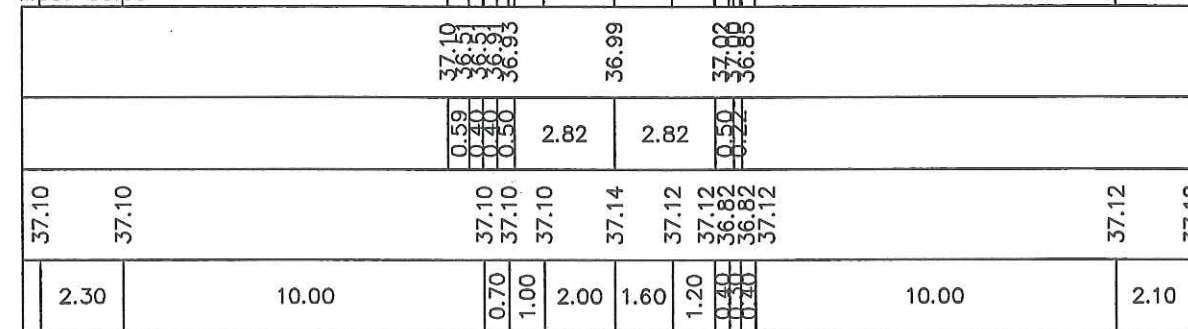
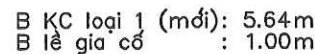
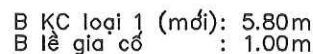
ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	<i>[Signature]</i>
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>



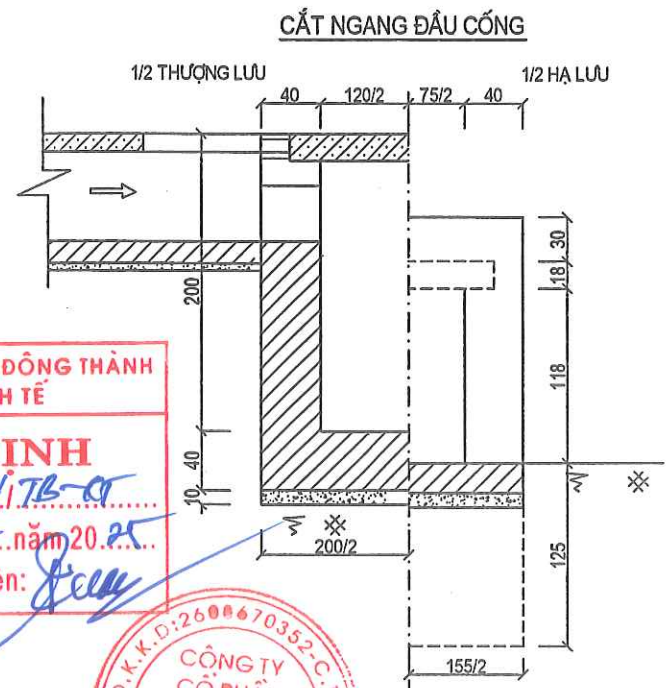
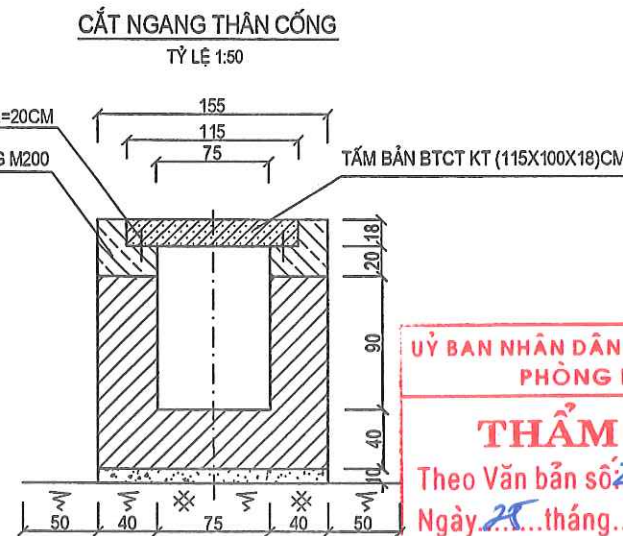
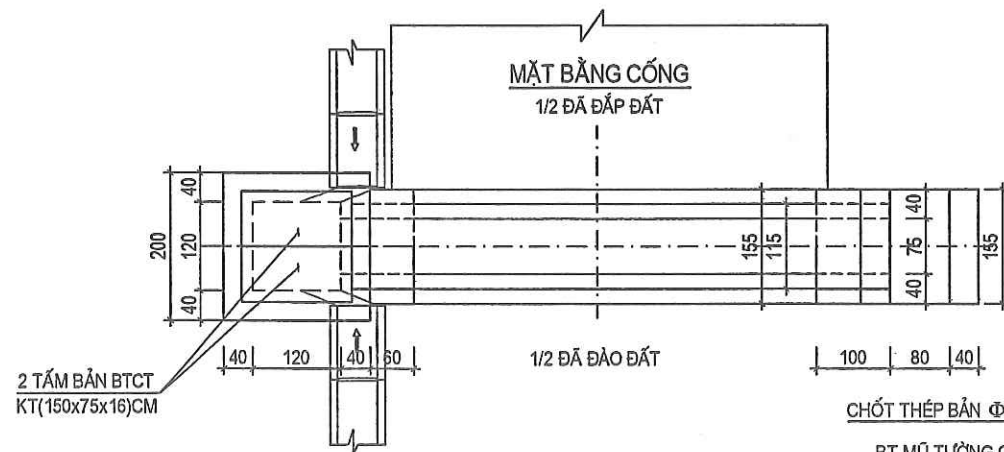
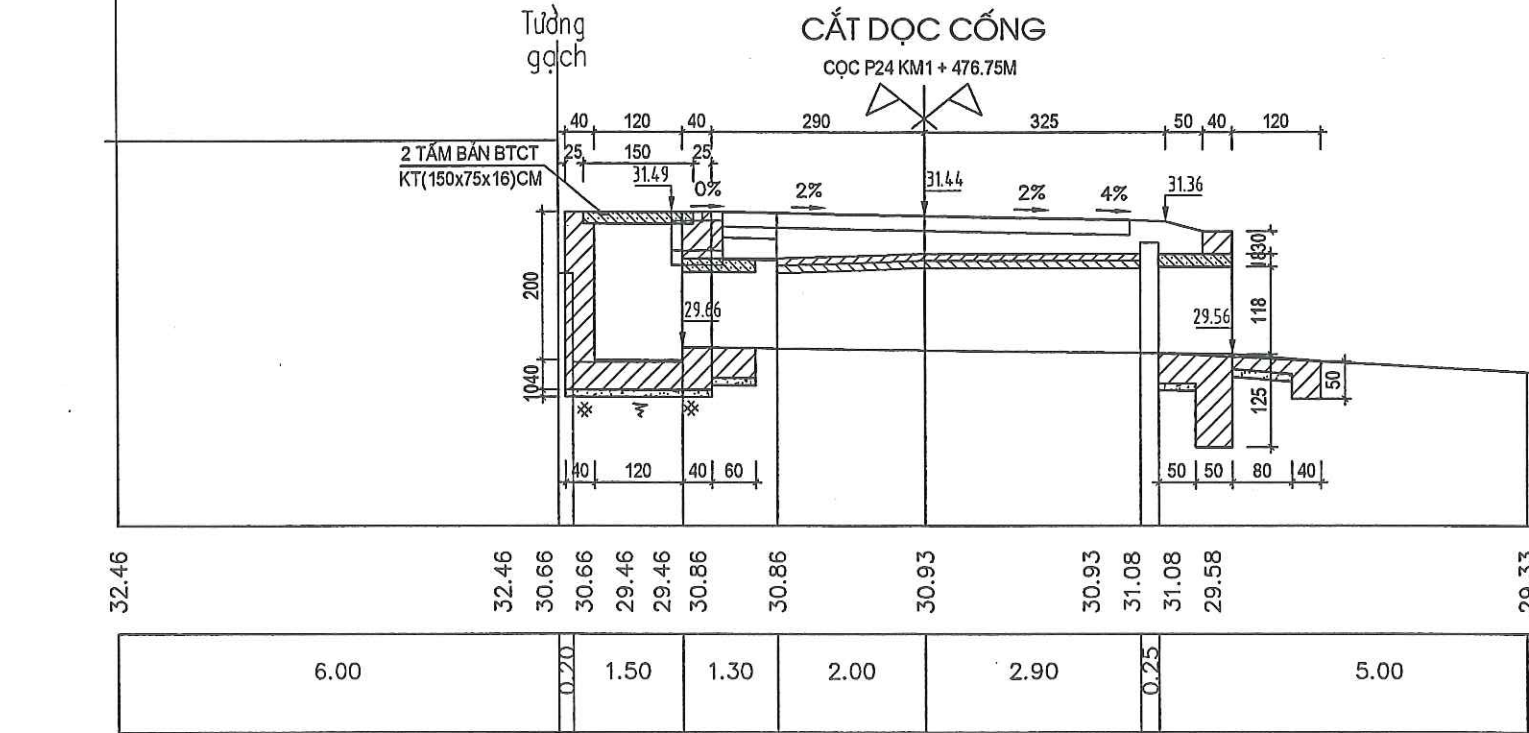
TỶ LỆ: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		TỶ LỆ: 1/200	
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			BẢN VẼ SỐ:
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG THIẾT KẾ	K.C.S	VŨ VĂN QUANG		LẦN XUẤT BẢN: 01	
		C.N.B.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			



STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁN+ HỐ THU	M3	BTXM M200	6.04
2	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BTXM M200	3.25
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.56
4	CÁT SÀN LẤP LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÂY 10CM	0.69
5	- TẤM BÀN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẤM		2.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.39
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Φ6-Φ8	KG	CT3	10.56
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Φ10-Φ12	KG	CT5	24.62
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		2.0
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.36
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Φ6-Φ8	KG	CT3	21.9
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Φ12	KG	CT5	12.8
6	- KHỚP NỐI TẤM BÀN	KHỚP		2.0
	- BÊ TÔNG LẤP KHỚP NỐI TẤM BÀN	M3	M250	0.05
	- CỐT THÉP Φ4 LẤP KHỚP NỐI TẤM BÀN	KG	CT3	0.74
	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.37
7	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Φ6 - Φ8	KG	CT3	7.65
	- BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BÀN	M3	M250	0.00
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BÀN	M2		2.99
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		36.65
11	- VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÔNG CÁC LOẠI	M2		10.55
	- ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	7.32
	- ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	4.88
	- PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
14	- PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	- XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	- TRÁT TƯỜNG RÀO DÂY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	- PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		5.36
16	THẢO DỠ ỐNG CỐNG D75 CŨ	M		0.00

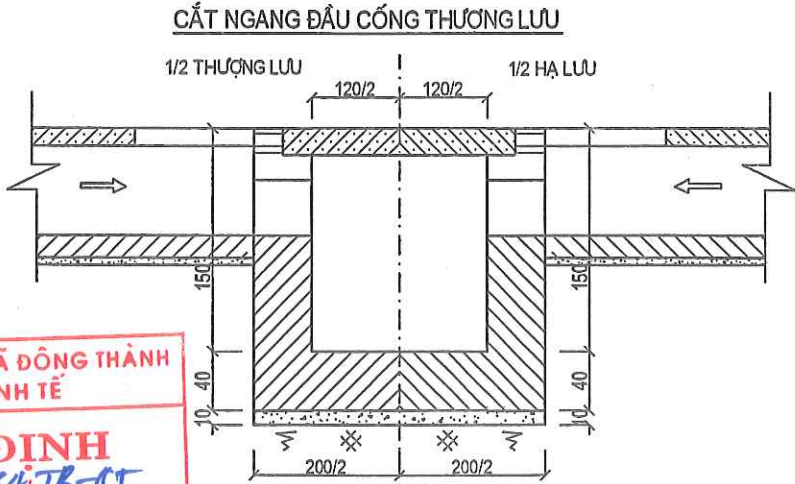
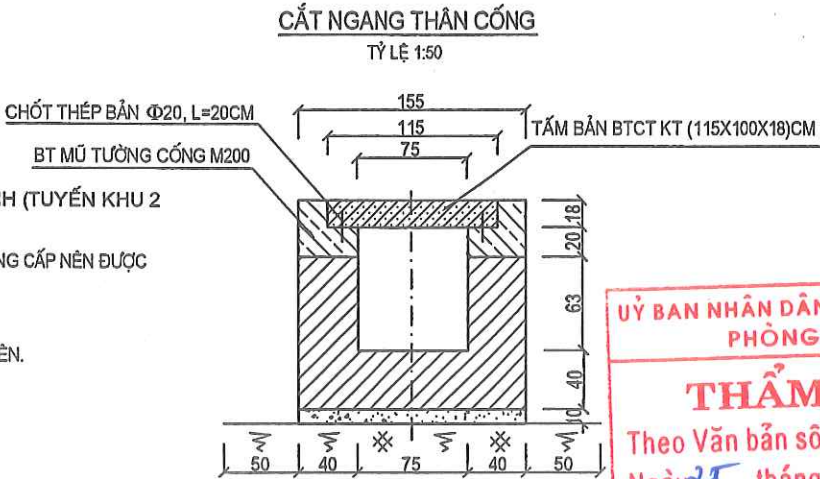
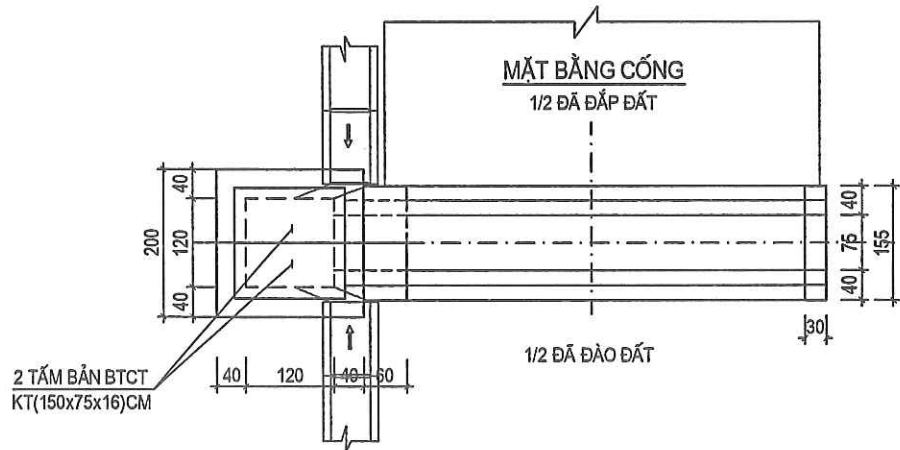
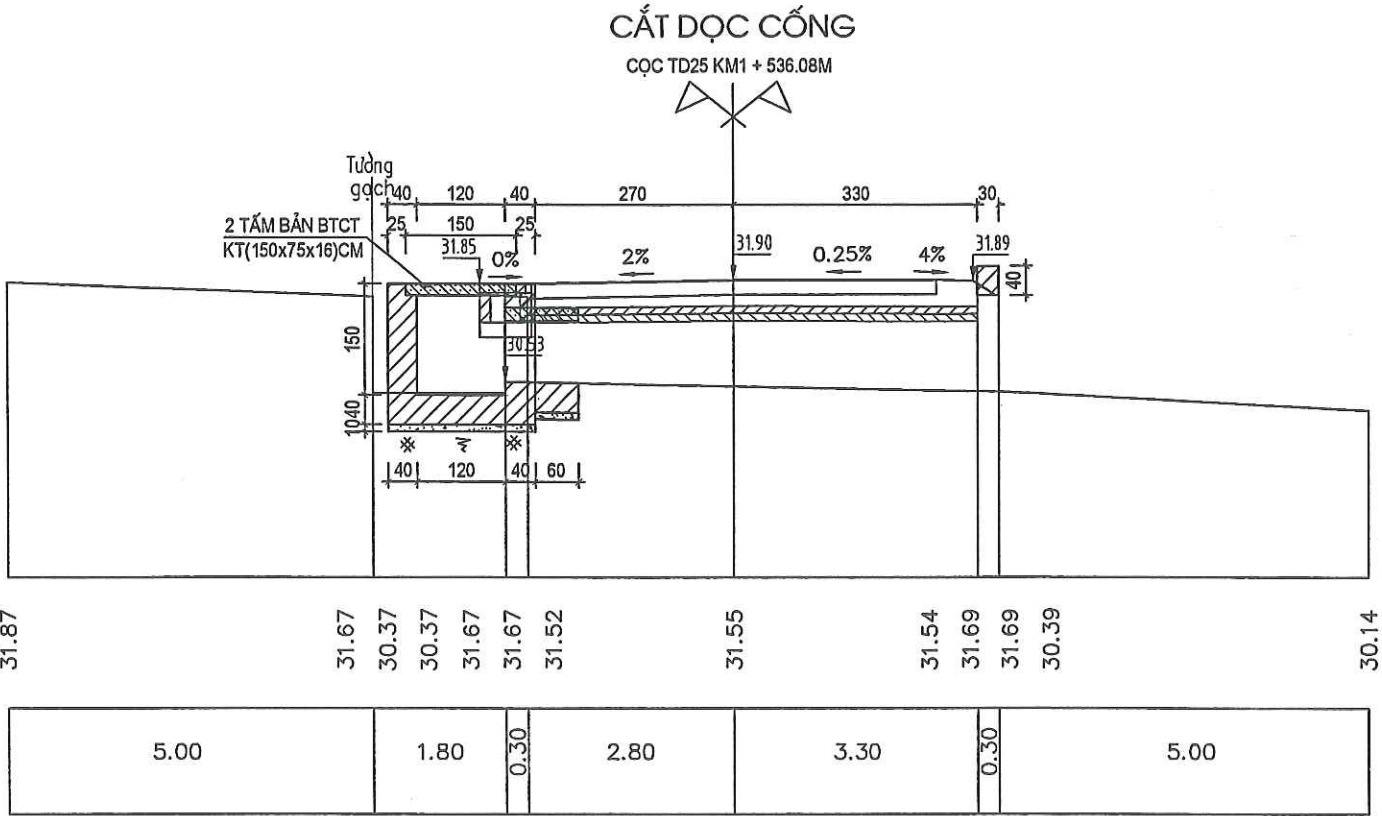
THUYẾT MINH:
CỐNG CQC P24 KM1+476.75M; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG BÀN B= 0.75M THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẪM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- TẤM BÀN BTCT KT(115X100X18)CM, BÊ TÔNG TẤM BÀN M250.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ HỐ THU, HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG ĐẦU ĐỔ BTXM M200.
- SÀN CỐNG PHÍA HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BTXM M200 DÂY 20CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÂY 10CM.
- MÔNG, THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÂY 40CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÂY 10CM ĐÁM CHẶT.
+ GHI CHÚ:
- CHI TIẾT TẤM BÀN, KHỚP NỐI+ MŨ TƯỜNG CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 204/TB-CĐ
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 XÁM ĐỐC HÀ THÀNH TR. VIỆT TRÍ - PHÚ THỌ	TỶ LỆ: 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG BÀN B75CM CQC P24 KM1+476.75M	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.B.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁCH+ HỒ THU	M3	BTXM M200	3.97
2	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BTXM M200	1.97
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.00
4	CÁT SẠN LẤP LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DẦY 10CM	0.49
5	- TẦM BÀN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẦM		1.00
	- BÊ TÔNG TẦM BÀN	M3	M250	0.39
	- CỐT THÉP TẦM BÀN Φ6-Φ8	KG	CT3	5.28
	- CỐT THÉP TẦM BÀN Φ10-Φ12	KG	CT5	12.31
8	- TẦM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẦM		2.0
	- BÊ TÔNG TẦM BÀN	M3	M250	0.36
	- CỐT THÉP TẦM BÀN Φ6-Φ8	KG	CT3	21.9
	- CỐT THÉP TẦM BÀN Φ12	KG	CT5	12.8
6	- KHỚP NỐI TẦM BÀN	KHỚP		1.0
	- BÊ TÔNG LẮM KHỚP NỐI TẦM BÀN	M3	M250	0.03
	- CỐT THÉP Φ4 LẮM KHỚP NỐI TẦM BÀN	KG	CT3	0.37
7	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.14
	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Φ6 - Φ8	KG	CT3	2.87
8	BÊ TÔNG BẢO VỆ TẦM BÀN	M3	M250	0.00
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẦM BÀN	M2		2.21
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		25.27
11	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÔNG CÁC LOẠI	M2		3.68
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	4.00
13	ĐÁP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	2.67
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DẦY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		4.41
16	THẢO DỠ ỐNG CỐNG D75 CŨ	M		0.00



THUYẾT MINH:

- CỐNG CỌC TD25 KM1+536.08M; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG TRÒN BTCT D75CM THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẪM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ỐNG CỐNG BTCT Φ75 DẦY 8CM, BÊ TÔNG ỐNG CỐNG M200 (ĐỊNH HÌNH SỐ:78 - 02X).
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ MỚI HỒ THU ĐỔ BTXM MẮC 200# VÀ ĐẦY TẦM BÀN BTCT M250#. HẠ LƯU GIỮ NGUYÊN.
- MÔNG THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DẦY 30CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DẦY 10CM ĐÁM CHẶT.
- + GHI CHÚ:
- CHI TIẾT ỐNG CỐNG BTCT Φ 75 CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-CT

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Người thẩm định ký tên: [Signature]

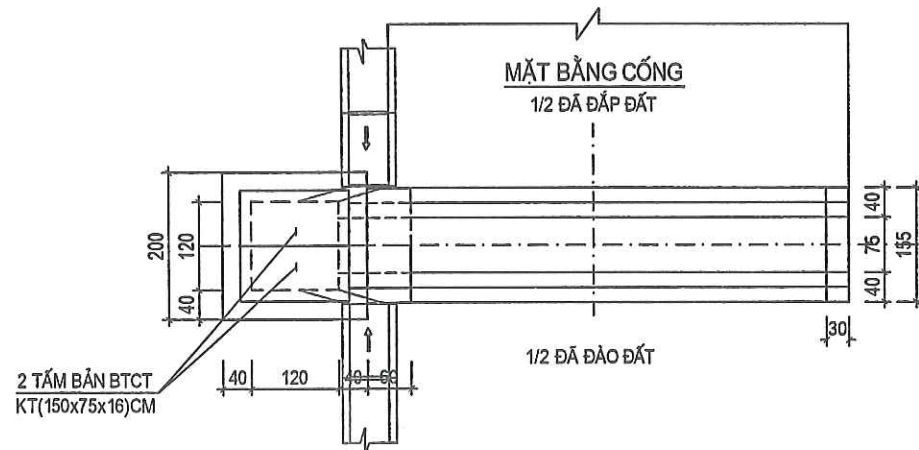
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

PHỤ THO, THÁNG 12 NĂM 2025

NGUYỄN XUÂN ĐẠT

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK			TỶ LỆ : 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		BẢN VẼ SỐ :
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		LẦN XUẤT BẢN : 01

CQC P27 KM1 + 651.53M

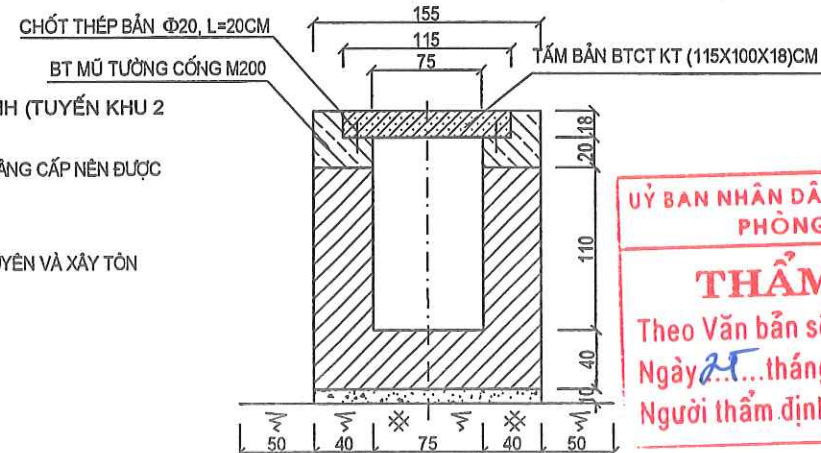


- CỐNG CỌC 23C KM0+871.83M ; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐỒNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG TRÒN BTCT D75CM THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẦM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ỐNG CỐNG BTCT Ø75 DÂY 8CM, BÊ TÔNG ỚNG CỐNG M200 (ĐỊNH HÌNH SỐ:78 - 02X).
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ MŨI HỔ THU ĐỔ BTXM MẮC 200# VÀ ĐẬY TẮM BẢN BTCT M250#. HẠ LƯU GIỮ NGUYÊN VÀ XÂY TÒN CAO TƯỜNG ĐẦU.
- MÓNG THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 30CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÀY 10CM ĐẦM CHẶT.

+ GHI CHÚ:

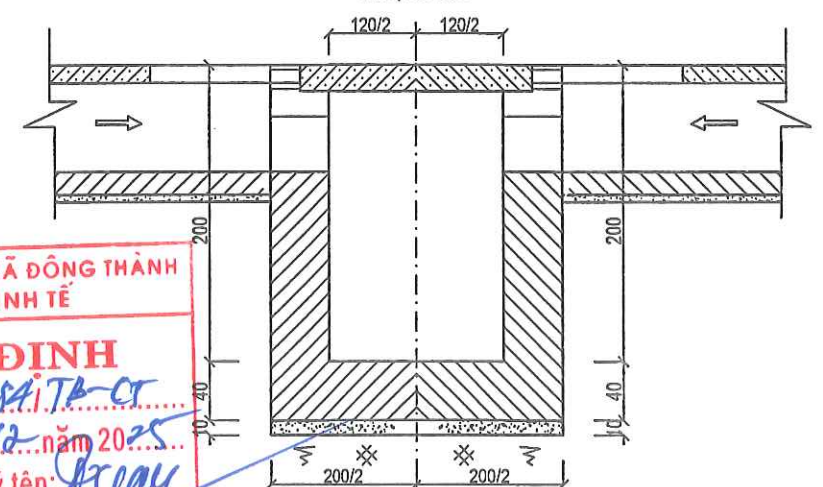
- CHI TIẾT ỚNG CỐNG BTCT Ø 75 CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

TỶ LỆ 1:50



STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CẢNH+ HỒ THU	M3	BTXM M200	5.50
2	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BTXM M200	1.97
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.00
4	CÁT SẠN LÀM LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DẦY 10CM	0.49
5	- TẤM BÀN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẤM		1.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.39
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	5.28
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø10-Ø12	KG	CT5	12.31
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		2.0
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.36
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	21.9
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø12	KG	CT5	12.8
6	- KHỚP NỐI TẤM BÀN	KHỚP		1.0
	- BÊ TÔNG LÂM KHỚP NỐI TẤM BÀN	M3	M250	0.03
	- CỐT THÉP Ø4 LÂM KHỚP NỐI TẤM BÀN	KG	CT3	0.37
7	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.14
	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Ø6 - Ø8	KG	CT3	2.87
8	BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BÀN	M3	M250	0.00
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BÀN	M2		2.21
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		31.48
11	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÓNG CÁC LOẠI	M2		3.68
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	8.8
13	ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	5.87
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DẦY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CỤ	M3		0.00
16	THÁO DỠ ỐNG CỐNG D75 CỤ	M		0.00

THƯƠNG LƯU



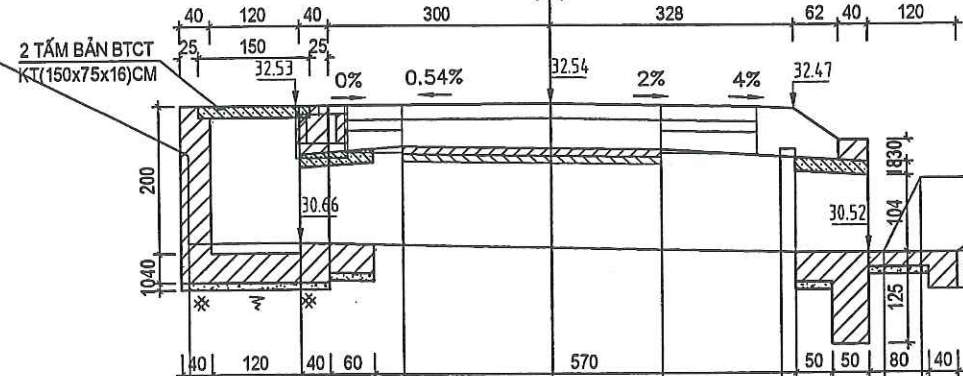
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

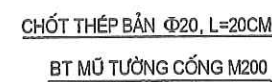
Theo Văn bản số: 284/TĐ-CT.....
Ngày 25... tháng 12... năm 2025
Người thẩm định ký tên: Freay

SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		TỶ LỆ: 1/100	
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			BẢN VẼ SỐ :
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG TRÒN BTCT D75CM CQC 23C KM0+871.83M	K.C.S	VŨ VĂN QUANG		LẦN XUẤT BẢN : 01	
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			

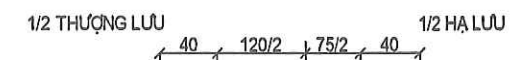
CQC 40C KM1 + 701.31M



TỶ LỆ 1:50



1/2 THƯỢNG LƯU 1/2 HẠ LƯU



CÔNG CỘT 40C KM1+701.31M; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).

- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG BẮN B= 0.75M THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẪM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
 - TẤM BẮN BTCT KT(115X100X18)CM, BÊ TÔNG TẤM BẮN M250.
 - ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ HỐ THU, HẠ LƯU THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG ĐẦU ĐỔ BTXM M200.
 - SÀN CỐNG PHỤ HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BTXM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÀY 10CM.
 - MÓNG, THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 40CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÀY 10CM ĐẦM CHẶT.
- + GHI CHÚ:**
- CHI TIẾT TẤM BẮN, KHỚP NỐI+ MŨI TƯỜNG CỐ BẮN VẼ RIÊNG.
 - KÍCH THƯỚC BẮN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

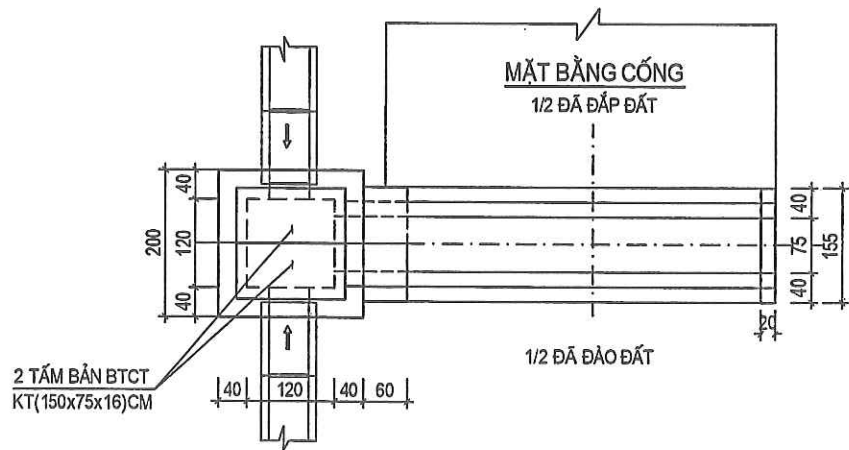
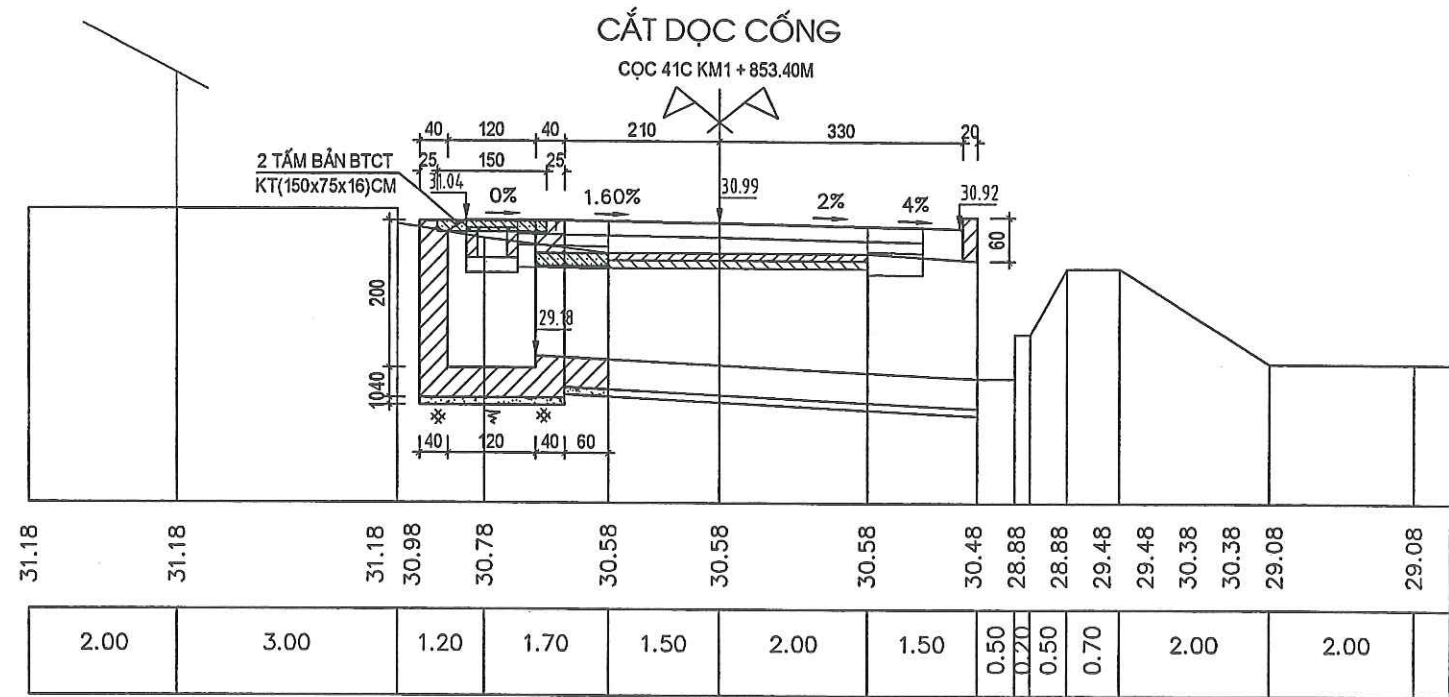
Theo Văn bản số: 289/TB-KT.....

Ngày 25 tháng 12 năm 2025.....

Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn A*

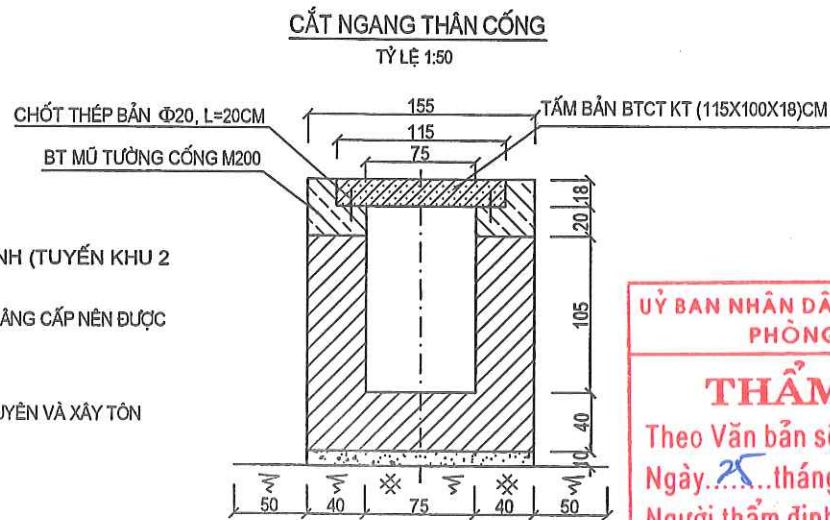
STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁN+ HỖ THU	M3	BTXM M200	6.00
2	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BTXM M200	3.25
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.56
4	CÁT SẠN LẦM LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÂY 10CM	0.69
5	- TẤM BÀN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẤM		2.00
	- BÊ TÔNG TẤM BẢN	M3	M250	0.39
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø6-Ø8	KG	CT3	10.56
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø10-Ø12	KG	CT5	24.62
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		2.0
	- BÊ TÔNG TẤM BẢN	M3	M250	0.36
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø6-Ø8	KG	CT3	21.9
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø12	KG	CT5	12.8
6	- KHỚP NỐI TẤM BẢN	KHỚP		2.0
	- BÊ TÔNG LẦM KHỚP NỐI TẤM BẢN	M3	M250	0.05
	- CỐT THÉP Ø4 LẦM KHỚP NỐI TẤM BẢN	KG	CT3	0.74
7	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.37
	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Ø6 - Ø8	KG	CT3	7.65
8	BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BẢN	M3	M250	0.00
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BẢN	M2		2.99
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		36.46
11	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÓNG CÁC LOẠI	M2		10.55
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	9.35
13	ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	6.23
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DÂY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		5.36
16	THẢO DỠ ỐNG CỐNG D75 CŨ	M		0.00

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		TỶ LỆ: 1/100	
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			BẢN VẼ SỐ:
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG BẮN B75CM CỘC 40C KM1+701.31M	K.C.S	VŨ VĂN QUANG		LẦN XUẤT BẢN : 01	
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			



THUYẾT MINH:

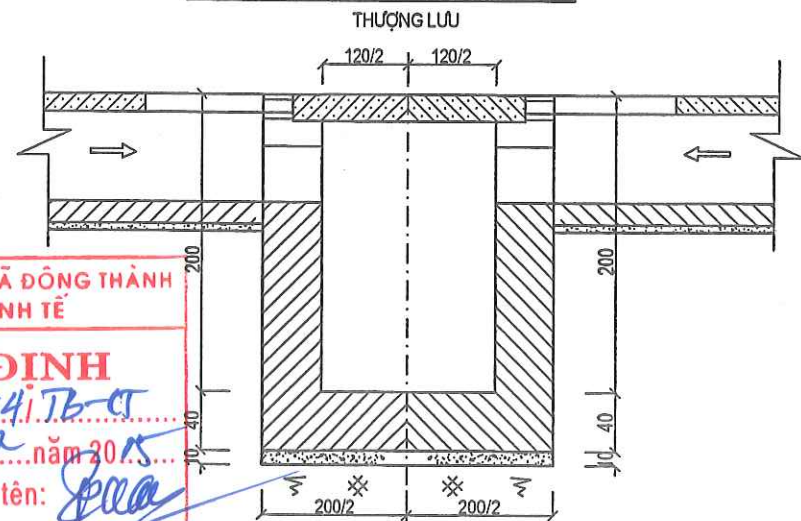
- CỐNG CQC 41C KM1+853.40M ; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG TRÒN BTCT D75CM THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẦM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ỐNG CỐNG BTCT Ø75 DÂY 8CM, BÊ TÔNG ỐNG CỐNG M200 (ĐỊNH HÌNH SỐ: 78 - 02X).
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ MÓI HỐ THU ĐỔ BTXM MÁC 200# VÀ ĐẶT TẤM BÀN BTCT M250#. HẠ LƯU GIỮ NGUYÊN VÀ XÂY TÒN CAO TƯỜNG ĐẦU.
- MÓNG THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÂY 30CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÂY 10CM ĐÁM CHẶT.
- + GHI CHÚ:
- CHI TIẾT ỐNG CỐNG BTCT Ø 75 CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁN+ HỐ THU	M3	BTXM M200	5.33
2	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BTXM M200	1.97
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.00
4	CÁT SÀN LẤP LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÂY 10CM	0.49
5	- TẤM BÀN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẤM		1.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.39
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	5.28
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø10-Ø12	KG	CT5	12.31
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		2.0
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.36
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	21.9
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø12	KG	CT5	12.8
6	- KHỚP NỐI TẤM BÀN	KHỚP		1.0
	- BÊ TÔNG LẤP KHỚP NỐI TẤM BÀN	M3	M250	0.03
	- CỐT THÉP Ø4 LẤP KHỚP NỐI TẤM BÀN	KG	CT3	0.37
	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.14
7	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Ø6 - Ø8	KG	CT3	2.87
	- BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BÀN	M3	M250	0.00
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BÀN	M2		2.21
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		30.88
11	- VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÓNG CÁC LOẠI	M2		3.68
	- ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	4.00
	- ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	2.67
	- PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
14	- PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	- XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MÁC 75#	0.00
	- TRÁT TƯỜNG RÀO DÂY 1.5CM	M3	VỮA XM MÁC 75#	0.00
	- PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		5.41
16	THÁO DỠ ỐNG CỐNG D75 CŨ	M		0.00

CẮT NGANG ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 244/TB-CT
Ngày: 25 tháng 12 năm 2015
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CỐNG TRÒN BTCT D75CM
CQC 41C KM1+853.40M

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.B.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>



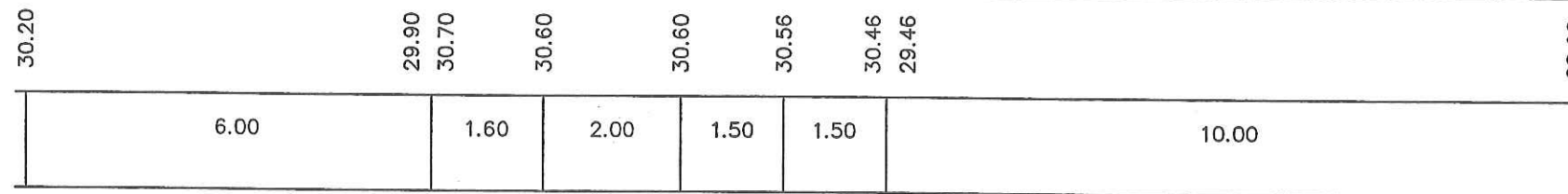
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/100

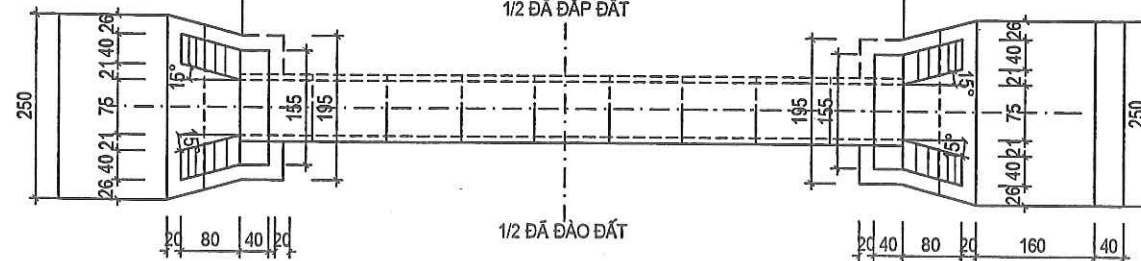
BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

CQC TC33 KM1 + 959.24M



1/2 ĐÃ ĐÁP ĐẮT



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁCH+ HỐ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	1.62
2	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BÊ TÔNG XM M200	4.85
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG PHÍA THƯỢNG + HL	M3	BÊ TÔNG XM M200	2.05
4	BÊ TÔNG GIA CỐ RÀNH TIẾP GIÁP 2 ĐẦU HỐ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.00
5	BÊ TÔNG ĐỆM MÓNG THÂN CỐNG DÂY 30CM	M3	BÊ TÔNG XM M200	2.74
6	CÁT SẠN LÂM LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÀY 10CM ĐÁM CHẶT	1.92
7	- ỐNG CỐNG BTCT Ø75	ỐNG		9.0
	- BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M3	M200	1.89
	- CỐT THÉP ỐNG CỐNG Ø6-Ø8	KG	CT3	152.1
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M2	VÁN KHUÔN THÉP	46.91
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		0.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø12	KG	CT5	0.00
	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BÀN	M2		0.00
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		15.05
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÓNG CÁC LOẠI	M2		27.99
11	BÊ TÔNG GIA CỐ MÃI TALUY THƯỢNG HẠ LƯU	M3	BÊ TÔNG XM M150	-
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	55.42
13	ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	22.33
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DÀY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		5.0
16	THẢO DỠ ỐNG CỐNG D50 CŨ	M		6.0

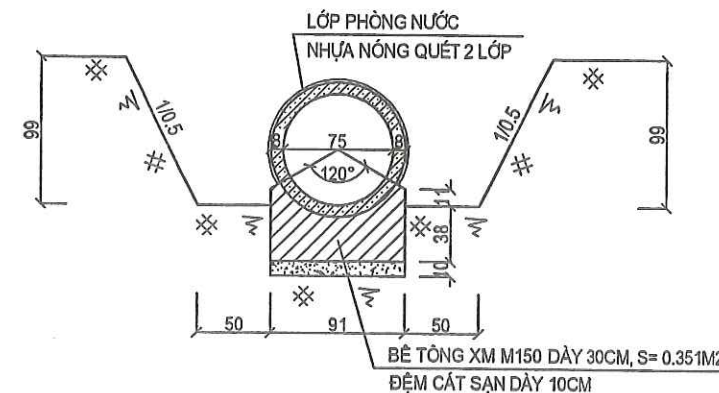
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TB-CT
Ngày: 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

TỶ LỆ: 1:50

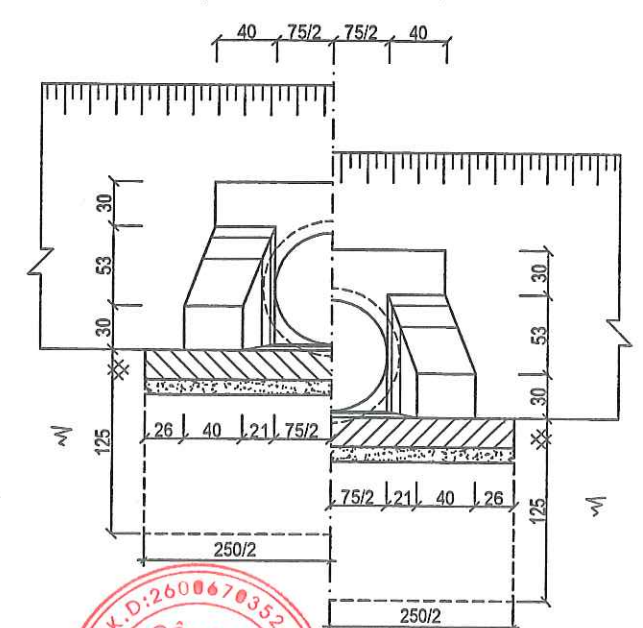
TỶ LỆ: 1:50



CẮT NGANG ĐẦU CỐNG

TỶ LỆ 1/50

1/2 THƯỢNG LƯU 1/2 HẠ LƯU



THUYẾT MINH:

- CỐNG CỌC TC33 KM1+959.24M; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐỒNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
 - HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY CỐNG THOÁT NƯỚC ĐÃ XUỐNG CẤP NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN TẠI ĐÂY ĐƯỢC THIẾT KẾ MŨI BẰNG CỐNG TRÒN BTCT D= 0.75M, ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẦM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
 - ỐNG CỐNG BTCT Ø75 DÀY 8CM, BÊ TÔNG ỚNG CỐNG M200 (ĐỊNH HÌNH SỐ:78 - 02X).
 - ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU, HẠ LƯU THIẾT KẾ TƯỜNG CÁCH CHÉO ĐỔ BTXM M200.
 - SÀN CỐNG PHÍA HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BTXM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠT DÀY 10CM.
 - MŨNG THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 30CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠT DÀY 10CM ĐÁM CHẶT.
- + GHI CHÚ:**
- CHI TIẾT ỚNG CỐNG BTCT Ø 75 CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
 - KÍCH THUỐC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CỔNG TRÒN BTCT D75CM
CỌC TC33C KM1+959.24M

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	

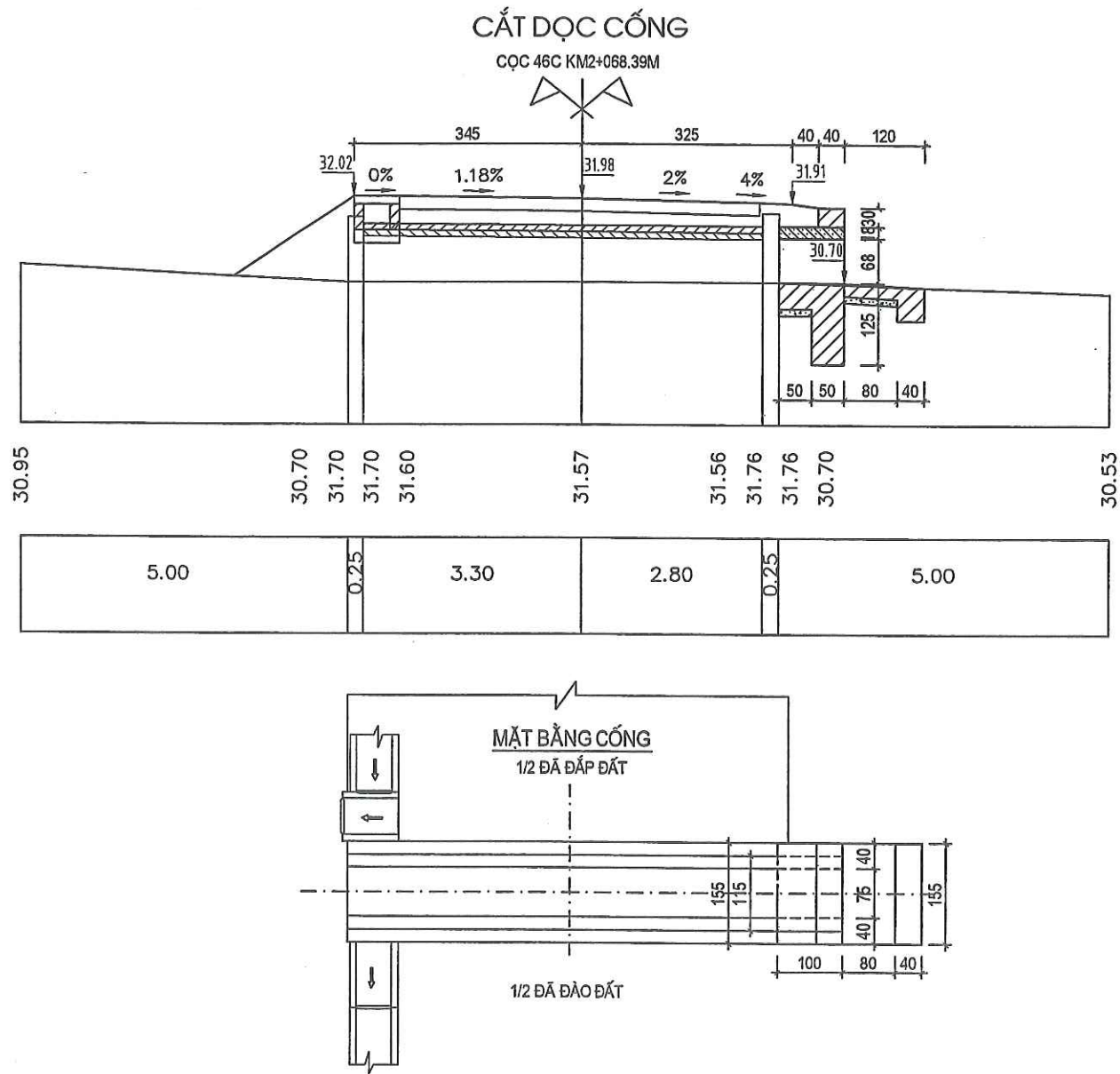
PHỤ THO, THĂNG NAM
GIAM ĐOC
TP. VIET TRI - T. PHU

NGUYỄN XUÂN ĐẠT

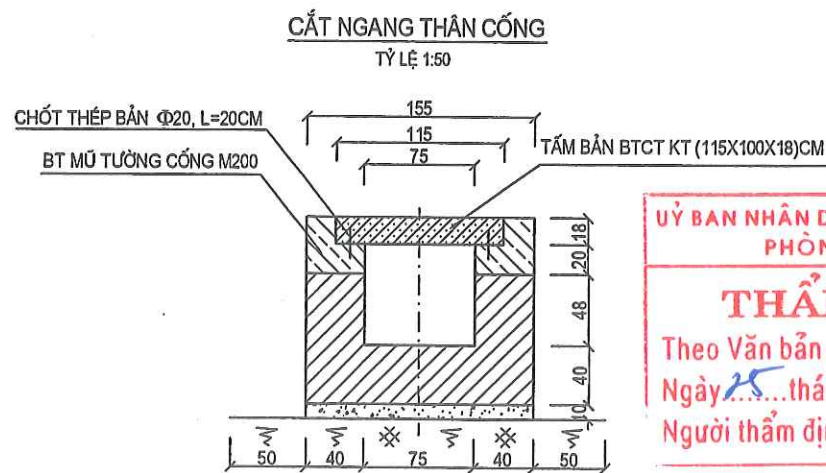
TỶ LỆ: 1/100

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN : 01

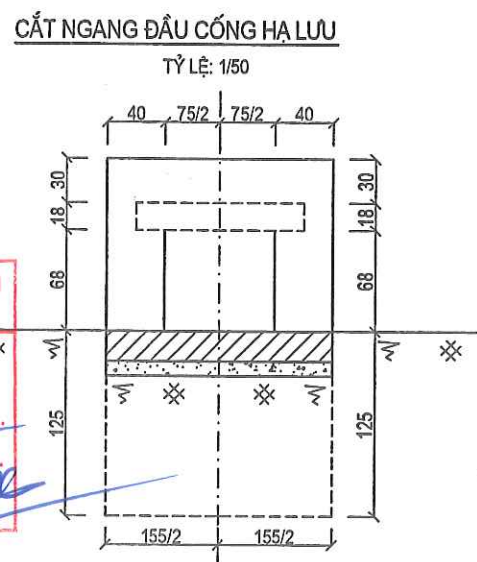


THUYẾT MINH:
CỐNG CQC 46C KM2+068.39M ; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG BẢN B= 0.75M THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẦM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- TẤM BẢN BTCT KT(115X100X18)CM, BÊ TÔNG TẤM BẢN M250.
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU GIỮ NGUYÊN, HẠ LƯU THIẾT KẾ NỐI THÊM VÀ THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG ĐẦU ĐỔ BTXM M200.
- SÀN CỐNG PHÍA THƯỢNG, HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BTXM M200 DÀY 20CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÀY 10CM.
- MÓNG, THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 40CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÀY 10CM ĐÁM CHẶT.
+ GHI CHÚ:
- CHI TIẾT TẤM BẢN, KHỚP NỐI+ MŨ TƯỜNG CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.



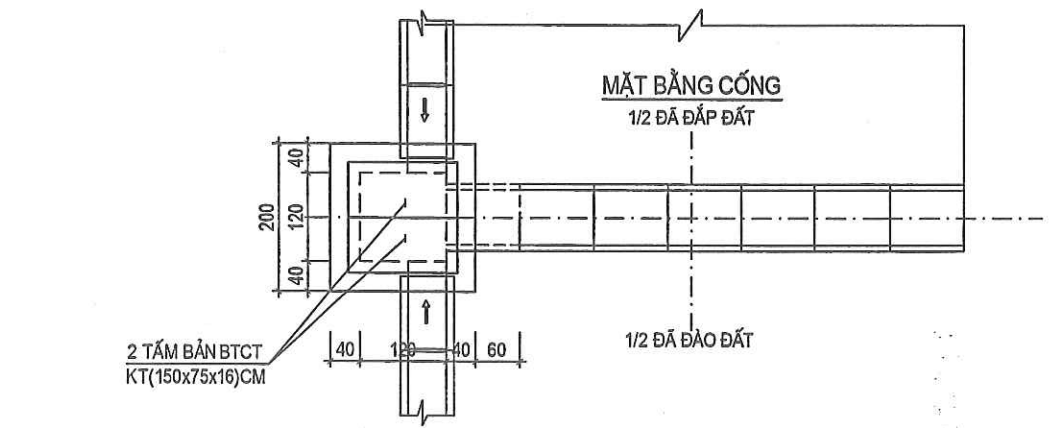
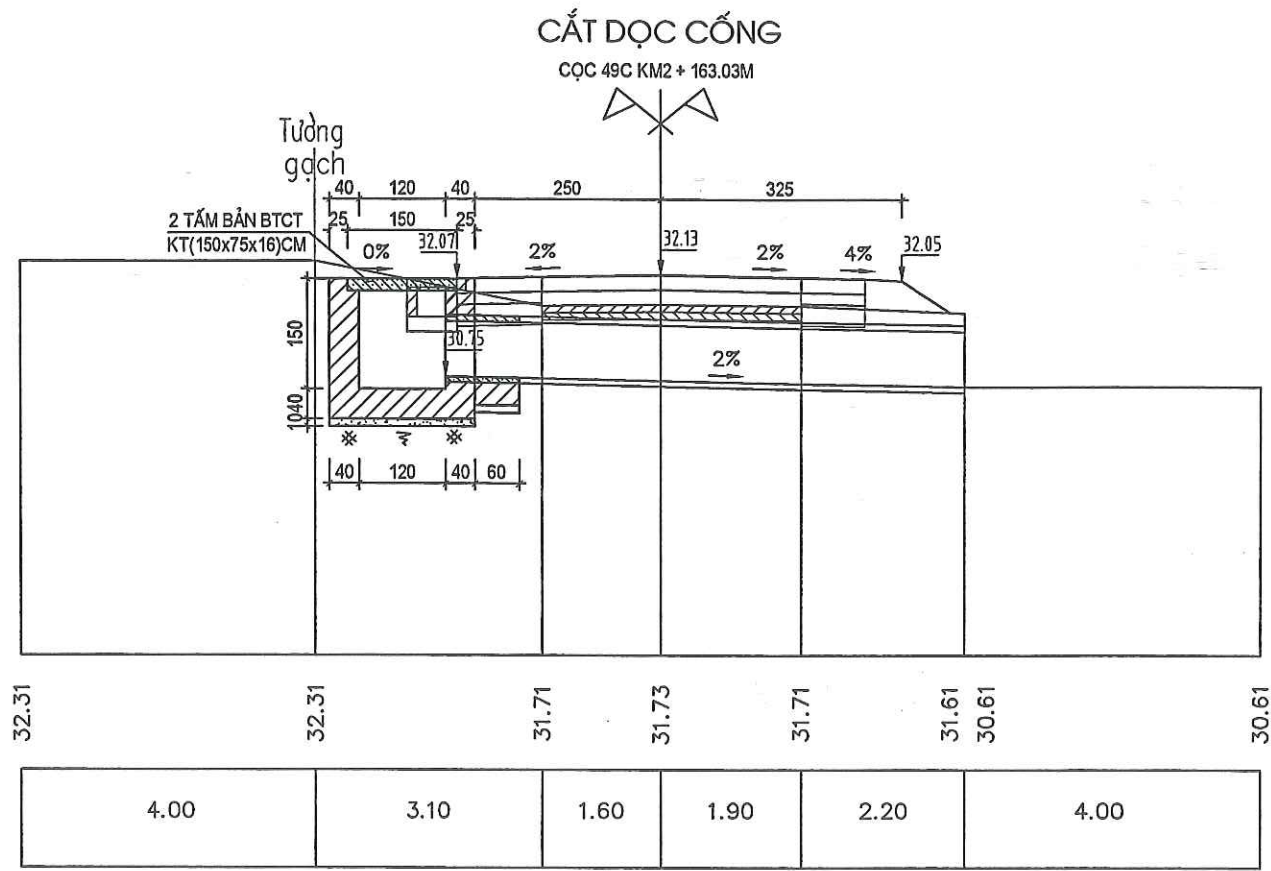
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/76-KT
Ngày 25 tháng 12 năm 2024
Người thẩm định ký tên: Nguyễn Xuân Đạt



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG				
STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁN+ HỐ THU	M3	BTXM M200	0.57
2	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BTXM M200	1.28
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.56
4	CÁT SẠN LẤP LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÀY 10CM	0.20
5	- TẤM BẢN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẤM		1.00
	- BÊ TÔNG TẤM BẢN	M3	M250	0.19
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø6-Ø8	KG	CT3	5.28
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø10-Ø12	KG	CT5	12.31
8	- TẤM BẢN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		0.00
	- BÊ TÔNG TẤM BẢN	M3	M250	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø6-Ø8	KG	CT3	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Ø12	KG	CT5	0.00
6	- KHỚP NỐI TẤM BẢN	KHỚP		1.0
	- BÊ TÔNG LẤP KHỚP NỐI TẤM BẢN	M3	M250	0.03
	- CỐT THÉP Ø4 LẤP KHỚP NỐI TẤM BẢN	KG	CT3	0.37
7	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.23
	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Ø6 - Ø8	KG	CT3	4.78
8	BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BẢN	M3	M250	0.00
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BẢN	M2		0.77
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		3.44
11	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÓNG CÁC LOẠI	M2		6.87
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	3.32
13	ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	2.21
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DÀY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		0.00
16	THẢO DỠ ỐNG CỐNG D75 CŨ	M		0.00

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH S.Đ.Đ. K.D: 2600670352-C PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025 NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG BẢN B75CM CQC 46C KM2+068.39M	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN			LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			



THUYẾT MINH:

- CỐNG CỌC 49C KM2+163.03M; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG TRÒN BTCT D75CM THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẪM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ỐNG CỐNG BTCT Ø75 DÂY 8CM, BÊ TÔNG ỚNG CỐNG M200 (ĐỊNH HÌNH SỐ:78 - 02X).
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ MỚI HỐ THU ĐỔ BTXM MẮC 200# VÀ ĐẦY TẤM BÀN BTCT M250#. HẠ LƯU GIỮ NGUYÊN.
- MÔNG THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÂY 30CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÂY 10CM ĐẮM CHẶT.
- + GHI CHÚ:
- CHI TIẾT ỚNG CỐNG BTCT Ø 75 CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

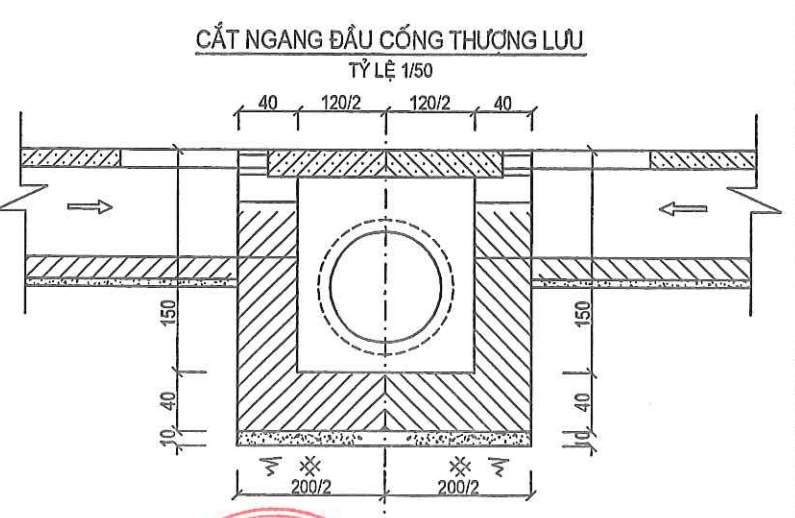
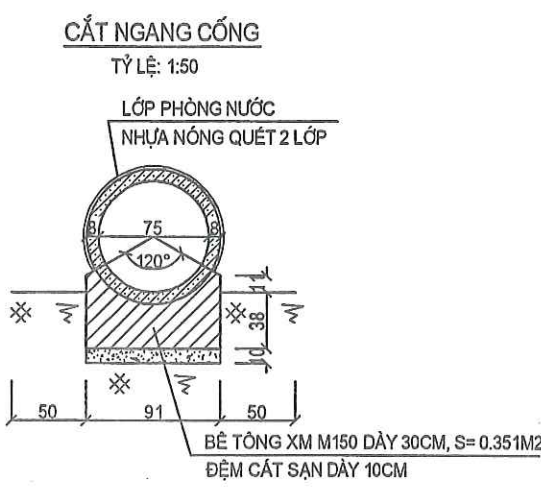
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 484/TB-CT

Ngày 25 tháng 10 năm 2025

Người thẩm định ký tên: [Signature]

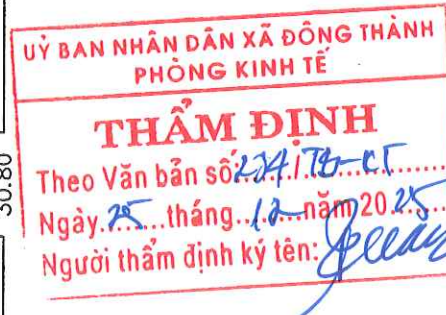


BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁN+ HỐ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	3.46
2	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BÊ TÔNG XM M200	1.60
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG PHÍA THƯỢNG + HL	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.00
4	BÊ TÔNG GIA CỐ RANH TIẾP GIÁP 2 ĐẦU HỐ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.00
5	BÊ TÔNG ĐỆM MÔNG THÂN CỐNG DÂY 30CM	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.21
6	CÁT SẠN LẦM LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÂY 10CM ĐẮM CHẶT	0.45
7	- ỚNG CỐNG BTCT Ø75	ỚNG		1.00
	- BÊ TÔNG ỚNG CỐNG	M3	M200	0.21
	- CỐT THÉP ỚNG CỐNG Ø6-Ø8	KG	CT3	16.9
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG ỚNG CỐNG	M2	VÁN KHUÔN THÉP	5.21
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150x75x16)CM	TẤM		2.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.36
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	21.9
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø12	KG	CT5	12.8
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BÀN	M2		1.44
	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		19.78
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÔNG CÁC LOẠI	M2		3.79
11	BÊ TÔNG GIA CỐ Mái TALUY THƯỢNG HẠ LƯU	M3	BÊ TÔNG XM M150	-
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	4.0
13	ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐẮM CHẶT K95	2.67
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DÂY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		3.76
16	THẢO DỠ ỚNG CỐNG Ø75 CŨ	M		1.0

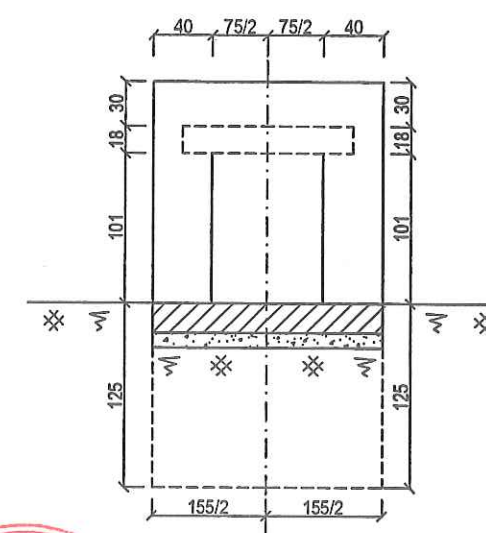
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	CÔNG TY PHÚ THỌ, THÁNG 10 NĂM 2025 KIẾN TRÚC XÂY DỰNG HÀ THÀNH TP. VIỆT TRÍ - T. PHÚ THỌ NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG TRÒN BTCT D75CM CỌC 49C KM2+163.03M	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

COC TD39 KM2 + 311.96M



- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

TỶ LỆ 1:50

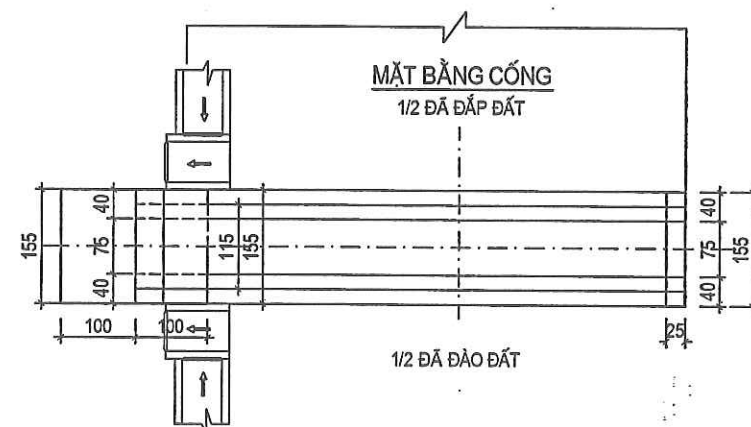
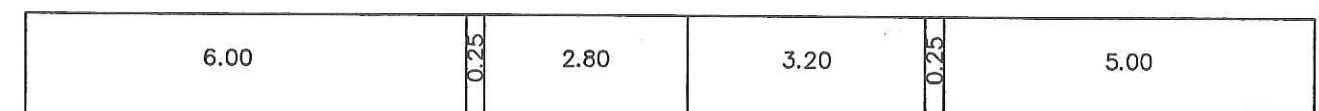
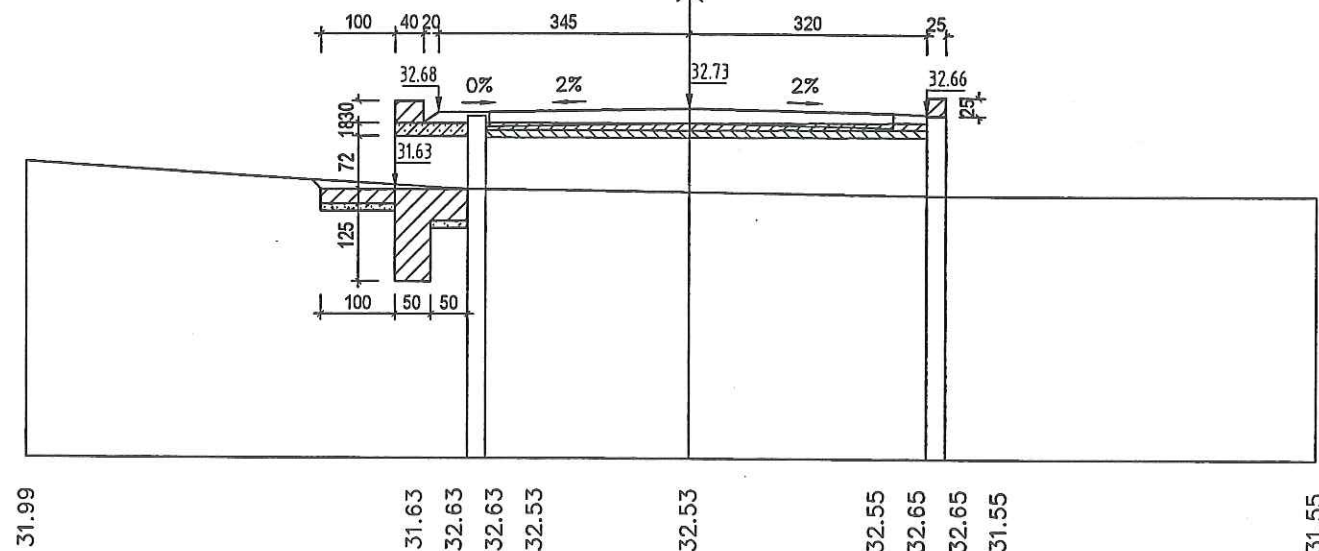


STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁCH+ HỒ THU	M3	BTXM M200	1.03
2	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BTXM M200	1.28
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.31
4	CÁT SẠT LẦM LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÀY 10CM	0.23
5	- TẤM BÀN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẤM		1.00
	- BÊ TÔNG TẤM BẢN	M3	M250	0.19
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Φ6-Φ8	KG	CT3	5.28
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Φ10-Φ12	KG	CT5	12.31
8	- TẤM BẢN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		0.00
	- BÊ TÔNG TẤM BẢN	M3	M250	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Φ6-Φ8	KG	CT3	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BẢN Φ12	KG	CT5	0.00
6	- KHỚP NỐI TẤM BẢN	KHỚP		1.0
	- BÊ TÔNG LẦM KHỚP NỐI TẤM BẢN	M3	M250	0.03
	- CỐT THÉP Φ4 LẦM KHỚP NỐI TẤM BẢN	KG	CT3	0.37
7	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.23
	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Φ6 - Φ8	KG	CT3	4.78
8	BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BẢN	M3	M250	0.00
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BẢN	M2		0.77
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		4.76
11	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÔNG CÁC LOẠI	M2		5.51
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	3.10
13	ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	2.07
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DÀY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CỤ	M3		0.00
16	THÁO DỠ ỐNG CỐNG D75 CỤ	M		0.00

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		TỶ LỆ: 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		BẢN VẼ SỐ:
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG BẢN B75CM CQC TD39 KM2+311.96M	K.C.S	VŨ VĂN QUANG	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN : 01
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

CẮT DỌC CỐNG

CỌC 55C KM2 + 422.69M



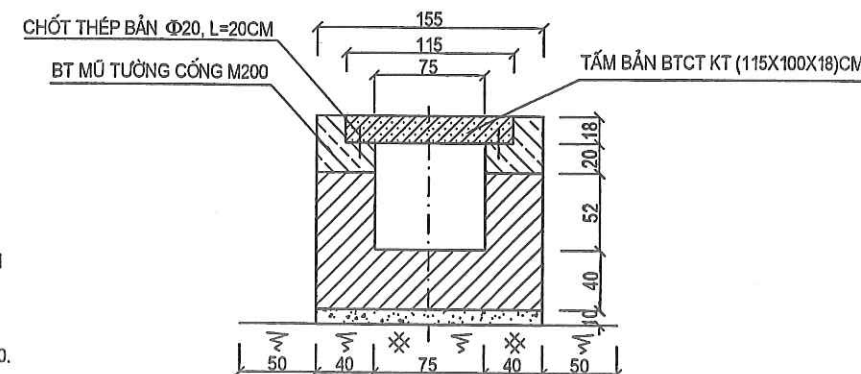
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 284/76-CT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁN+ HỐ THU	M3	BTXM M200	0.70
2	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BTXM M200	1.28
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG THƯỢNG, HẠ LƯU	M3	BTXM M200	0.31
4	CÁT SẠN LẤP LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DẦY 10CM	0.23
5	- TẤM BÀN GIỮA BTCT KT(115X100X18)CM	TẤM		1.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.19
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	5.28
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø10-Ø12	KG	CT5	12.31
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		0.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø12	KG	CT5	0.00
6	- KHỚP NỐI TẤM BÀN	KHỚP		1.0
	- BÊ TÔNG LẤP KHỚP NỐI TẤM BÀN	M3	M250	0.03
	- CỐT THÉP Ø4 LẤP KHỚP NỐI TẤM BÀN	KG	CT3	0.37
	- BÊ TÔNG MŨ TƯỜNG CỐNG	M3	M250	0.23
7	- CỐT THÉP MŨ TƯỜNG CỐNG Ø6 - Ø8	KG	CT3	4.78
	- BÊ TÔNG BẢO VỆ TẤM BÀN	M3	M250	0.00
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BÀN	M2		0.77
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		3.60
11	- VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÔNG CÁC LOẠI	M2		5.51
	- ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	3.10
	- ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐẦM CHẶT K95	2.07
	- PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
14	- PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	- XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	- TRÁT TƯỜNG RÀO DẦY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	0.00
	- PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		0.00
15	THẢO DỠ ỐNG CỐNG Ø75 CŨ	M		0.00

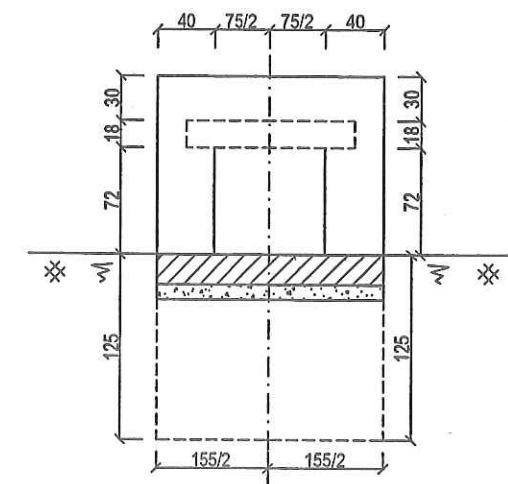
CẮT NGANG THÂN CỐNG

TỶ LỆ 1:50



CẮT NGANG ĐẦU CỐNG

1/2 THƯỢNG LƯU



THUYẾT MINH:

CỐNG CỌC 55C KM2+422.69M; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).

- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG BẮN B= 0.75M THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẦM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.

- TẤM BÀN BTCT KT(115X100X18)CM, BÊ TÔNG TẤM BÀN M250.

- ĐẦU CỐNG HẠ LƯU GIỮ NGUYÊN VÀ XÂY TÔN CAO TƯỜNG ĐẦU, THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ NỐI THÊM VÀ THIẾT KẾ KIỂU TƯỜNG ĐẦU ĐỔ BTXM M200.

- SÀN CỐNG PHÍA THƯỢNG, HẠ LƯU GIA CỐ BẰNG BTXM M200 DẦY 20CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DẦY 10CM.

- MÔNG, THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DẦY 40CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DẦY 10CM ĐẦM CHẶT.

+ GHI CHÚ:

- CHI TIẾT TẤM BÀN, KHỚP NỐI+ MŨ TƯỜNG CÓ BẢN VẼ RIÊNG.

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CỐNG BẮN Ø75CM
CỌC 55C KM2+422.69M

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]

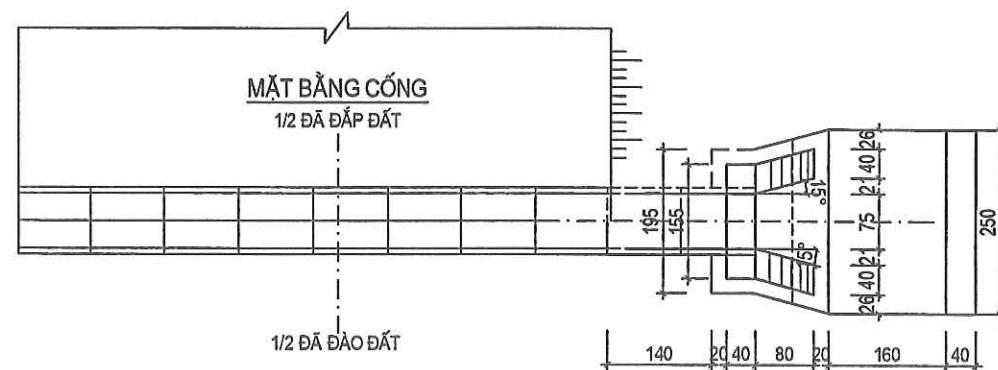
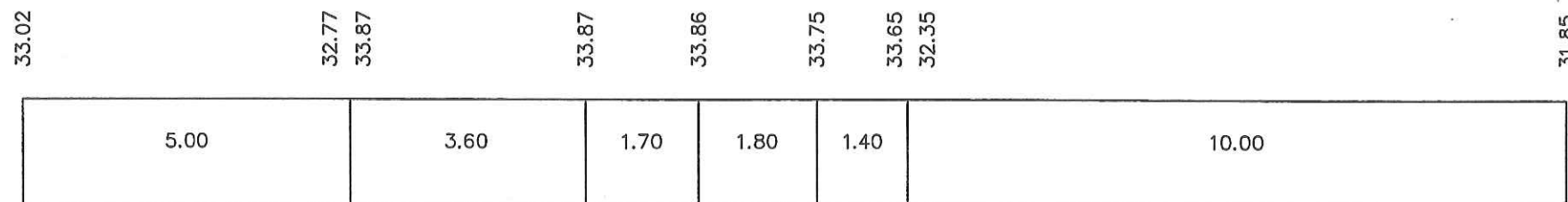
PHÚ THỌ, THÁNG 12, NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ
HÀ THÀNH
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/100

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

CQC 60C KM2 + 559.15M



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁN+ HỒ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.81
2	BÊ TÔNG MÓNG CỐNG	M3	BÊ TÔNG XM M200	2.42
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG PHÍA THƯỢNG + HL	M3	BÊ TÔNG XM M200	1.30
4	BÊ TÔNG GIA CỐ RÃNH TIẾP GIÁP 2 ĐẦU HỒ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.00
5	BÊ TÔNG ĐỆM MÓNG THÂN CỐNG DÀY 30CM	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.49
6	CÁT SẠN LÂM LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÀY 10CM ĐÁM CHẶT	0.75
7	- ỐNG CỐNG BTCT Ø75	ỐNG		2.0
	- BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M3	M200	0.42
	- CỐT THÉP ỐNG CỐNG Ø6-Ø8	KG	CT3	33.8
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M2	VÁN KHUÔN THÉP	10.42
8	- TẤM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẤM		0.00
	- BÊ TÔNG TẤM BÀN	M3	M250	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	0.00
	- CỐT THÉP TẤM BÀN Ø12	KG	CT5	0.00
	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẤM BÀN	M2		0.00
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		7.53
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÓNG CÁC LOẠI	M2		12.64
11	BÊ TÔNG GIA CỐ MÁI TALUY THƯỢNG HẠ LƯU	M3	BÊ TÔNG XM M150	-
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	7.31
13	ĐẤP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	4.87
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		0.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		0.00
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MÁC 75#	0.00
	TRÁT TƯỜNG RÀO DÀY 1.5CM	M3	VỮA XM MÁC 75#	0.00
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		0.00
16	THÁO DỠ ỐNG CỐNG D75 CŨ	M		0.00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÂN
PHÒNG KINH TẾ

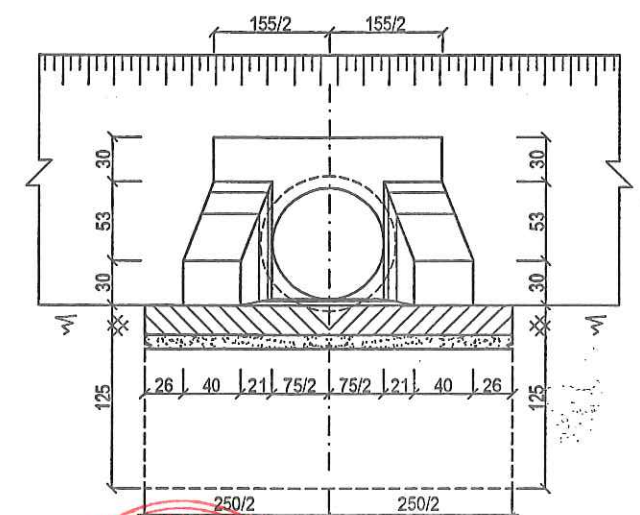
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-ST

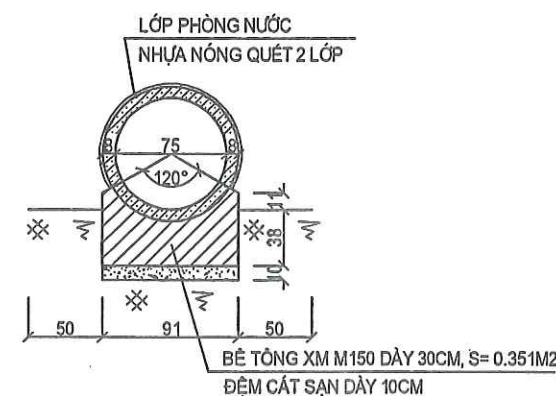
Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Người thẩm định ký tên: Jela

TỶ LỆ 1/50



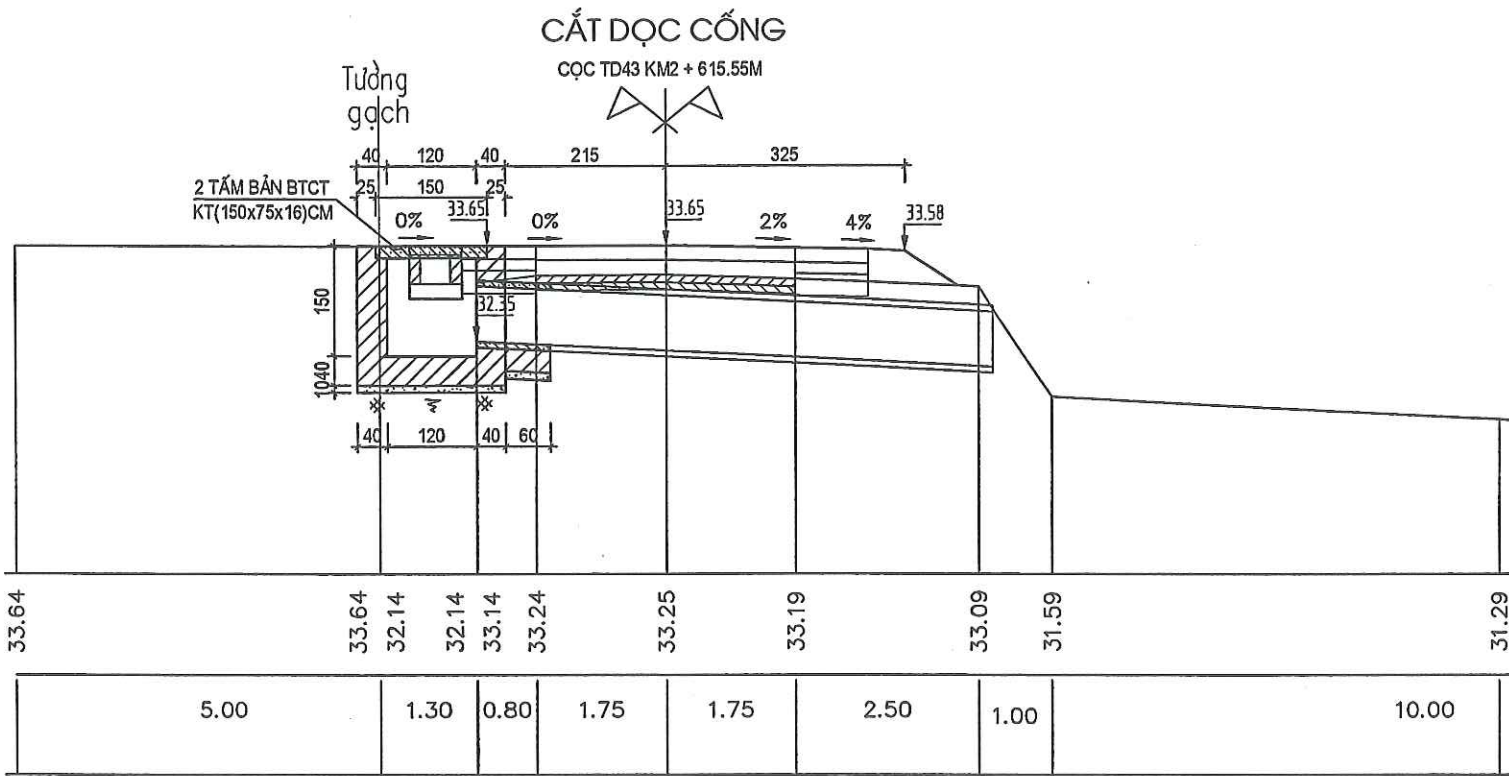
TỶ LỆ: 1:50



THUYẾT MINH:

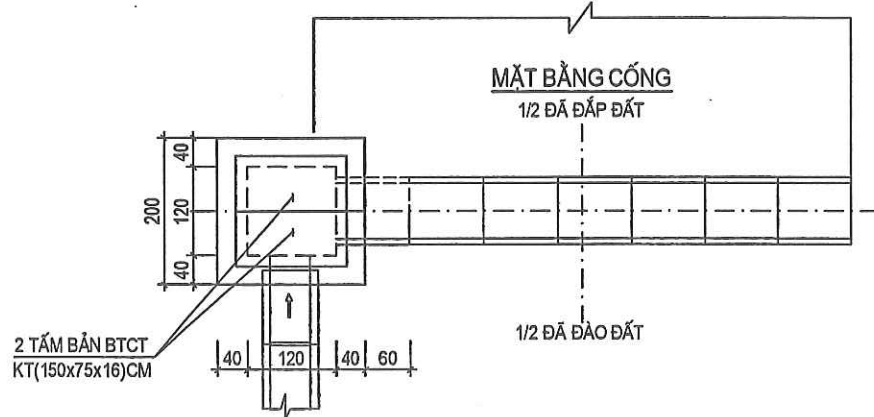
- CỐNG CỌC 60C KM2+559.15M ; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
 - HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG TRÒN BTCT D75CM THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẪM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
 - ỐNG CỐNG BTCT Ø75 DÀY 8CM, BÊ TÔNG ỚNG CỐNG M200 (ĐỊNH HÌNH SỐ:78 - 02X).
 - ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ MÓI RĂNG THU NƯỚC BTXM MẮC 200#
 - HẠ LƯU THIẾT KẾ MÓI NỐI THÊM VÀ TƯỜNG CÁCH CHÉO BTXM M200#.
 - MÓNG THÂN CỐNG ĐỒ BTXM M200 DÀY 30CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠCH DÀY 10CM ĐẦM CHẶT.
- + GHI CHÚ:**
- CHI TIẾT ỚNG CỐNG BTCT Ø 75 CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
 - KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK			TỶ LỆ: 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN			BẢN VẼ SỐ:
		TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG TRÒN BTCT D75CM CQC 60C KM2+559.15M	K.C.S	VŨ VĂN QUANG		 NGUYỄN XUÂN ĐẠT	LẦN XUẤT BẢN : 01
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN			



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHỐI LƯỢNG
1	BÊ TÔNG TƯỜNG ĐẦU+ CÁCH+ HỒ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	3.46
2	BÊ TÔNG MÔNG CỐNG	M3	BÊ TÔNG XM M200	1.60
3	BÊ TÔNG GIA CỐ SÀN CỐNG PHÍA THƯỢNG + HL	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.00
4	BÊ TÔNG GIA CỐ RĂNG TIẾP GIÁP 2 ĐẦU HỒ THU	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.00
5	BÊ TÔNG ĐỆM MÔNG THÂN CỐNG DÀY 30CM	M3	BÊ TÔNG XM M200	0.21
6	CÁT SẠN LẦM LỚP ĐỆM TOÀN BỘ	M3	DÀY 10CM ĐÁM CHẶT	0.45
7	- ỐNG CỐNG BTCT Ø75	ỐNG		1.00
	- BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M3	M200	0.21
	- CỐT THÉP ỐNG CỐNG Ø6-Ø8	KG	CT3	16.9
	- VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG ỐNG CỐNG	M2	VÁN KHUÔN THÉP	5.21
8	- TẦM BÀN BTCT KT(150X75X16)CM	TẦM		2.00
	- BÊ TÔNG TẦM BÀN	M3	M250	0.36
	- CỐT THÉP TẦM BÀN Ø6-Ø8	KG	CT3	21.9
	- CỐT THÉP TẦM BÀN Ø12	KG	CT5	12.8
	VÁN KHUÔN ĐỔ BÊ TÔNG TẦM BÀN	M2		1.44
9	VÁN KHUÔN ĐỔ BT TƯỜNG CÁC LOẠI	M2		19.78
10	VÁN KHUÔN ĐỔ BT MÔNG CÁC LOẠI	M2		3.79
11	BÊ TÔNG GIA CỐ MÀI TALUY THƯỢNG HẠ LƯU	M3	BÊ TÔNG XM M150	-
12	ĐÀO ĐẤT XÂY CỐNG	M3	VẬN CHUYỂN 30M	4.0
13	ĐÁP ĐẤT CỐNG TẬN DỤNG	M3	ĐÁM CHẶT K95	2.67
14	PHÁ DỠ, XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO	M		6.00
	PHÁ DỠ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3		2.64
	XÂY TRẢ TƯỜNG RÀO GẠCH XÂY	M3	VỮA XM MẮC 75#	2.64
	TRÁT TƯỜNG RÀO DÀY 1.5CM	M3	VỮA XM MẮC 75#	25.5
15	PHÁ DỠ KHỐI XÂY CỐNG CŨ	M3		3.76
16	THẢO DỠ ỐNG CỐNG D75 CŨ	M		1.0



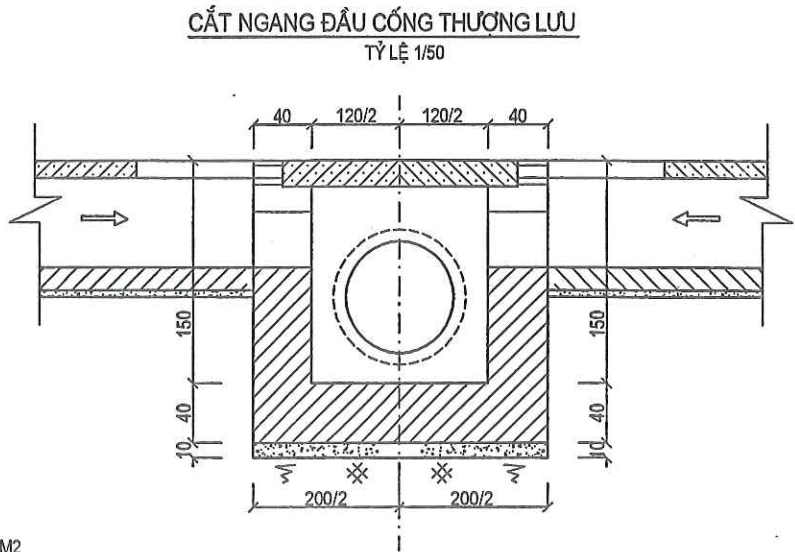
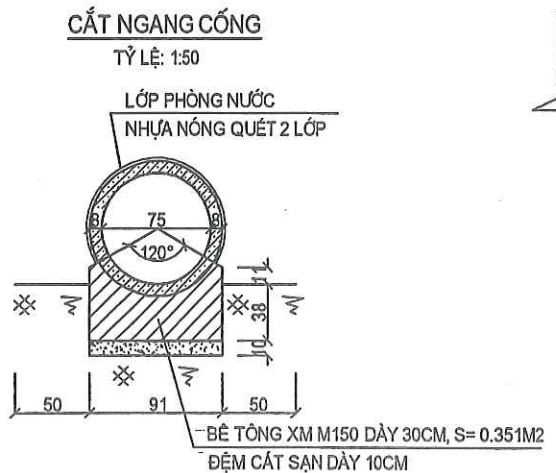
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 284/TB-CT
Ngày 25 tháng 10 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

THUYẾT MINH:

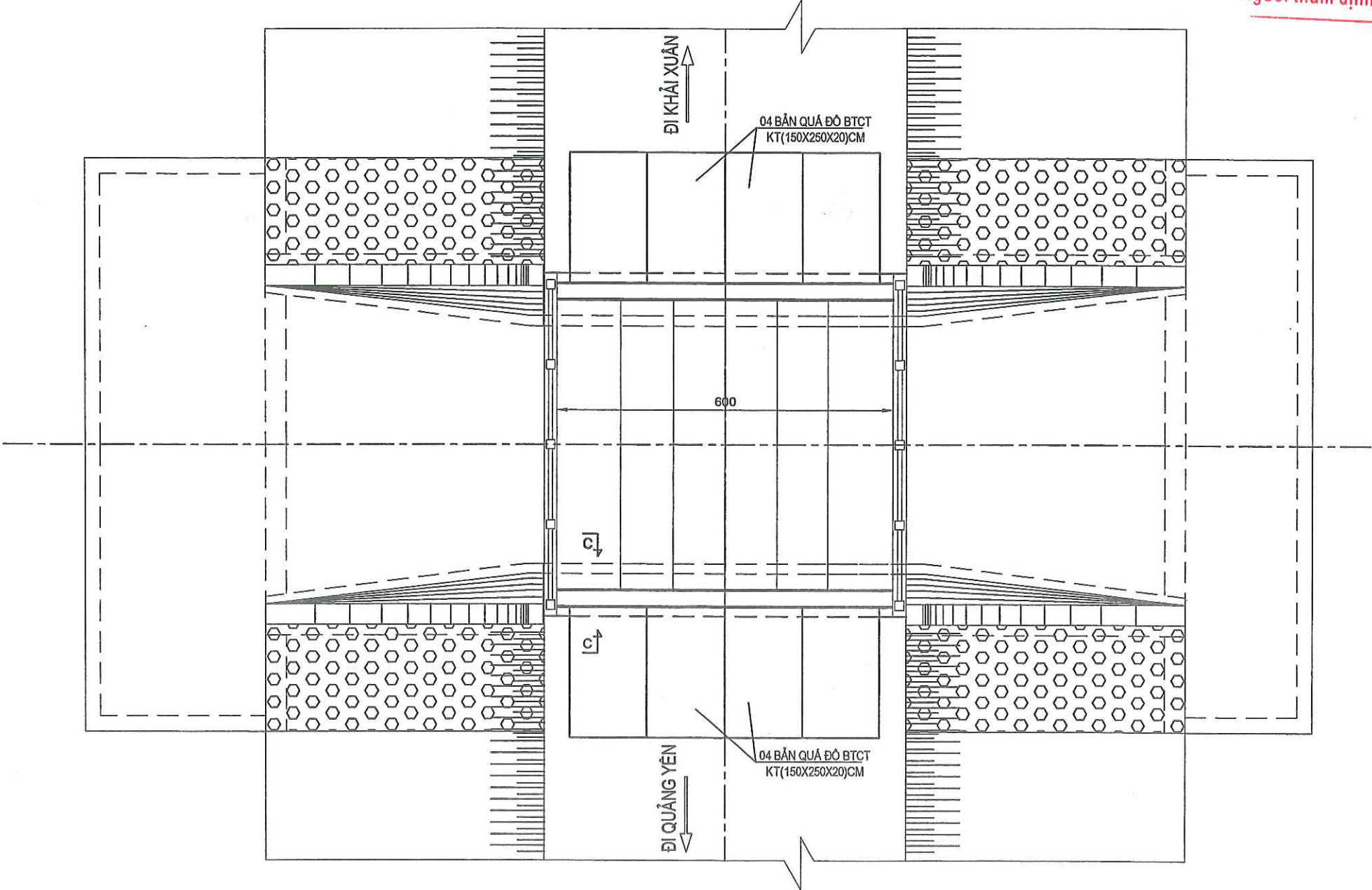
- CỐNG CỌC TD43 KM2+615.55M ; CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1).
- HIỆN TẠI VỊ TRÍ NÀY ĐÃ CÓ CỐNG TRÒN BTCT D75CM THOÁT NƯỚC NAY TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC THIẾT KẾ CẢI TẠO, NÂNG CẤP NÊN ĐƯỢC THIẾT KẾ NỐI THÊM ĐỂ THOÁT NƯỚC LƯU VỰC NHẪM ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH NỀN ĐƯỜNG.
- ỐNG CỐNG BTCT Ø75 DÀY 8CM, BÊ TÔNG ỐNG CỐNG M200 (ĐỊNH HÌNH SỐ:78 - 02X).
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ MỐI HỒ THU ĐỔ BTXM MẮC 200# VÀ ĐẶT TẦM BÀN BTCT M250#. HẠ LƯU GIỮ NGUYÊN.
- MÔNG THÂN CỐNG ĐỔ BTXM M200 DÀY 30CM TRÊN LỚP ĐỆM CÁT SẠN DÀY 10CM ĐÁM CHẶT.
- + GHI CHÚ:
- CHI TIẾT ỐNG CỐNG BTCT Ø 75 CÓ BẢN VẼ RIÊNG.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ GHI M.



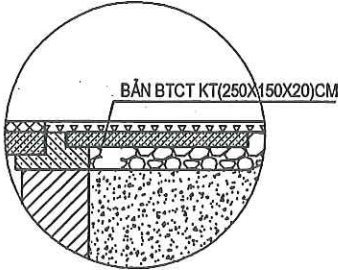
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHỤ THOẠI THÁNG 10 NĂM 2025 GIÁM ĐỐC HÀ THÀNH NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CỐNG TRÒN BTCT D75CM CỌCTD43 KM2+615.55M	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	BẢN VẼ SỐ:	LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢN QUÁ ĐỘ CẦU BẢN CỌC 73 (KM1+387.34)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 234/Tb-C
Ngày: 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

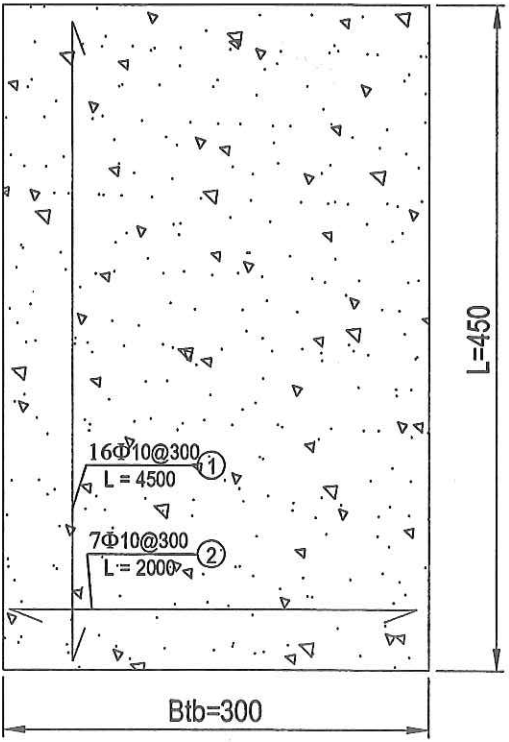


MẶT CẮT C-C

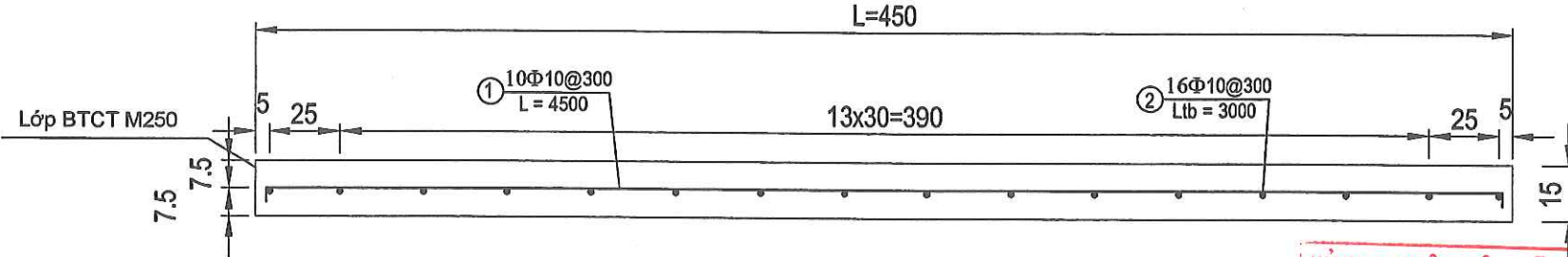


SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		 NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/1000
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢN QUÁ ĐỘ	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG	[Signature]		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		

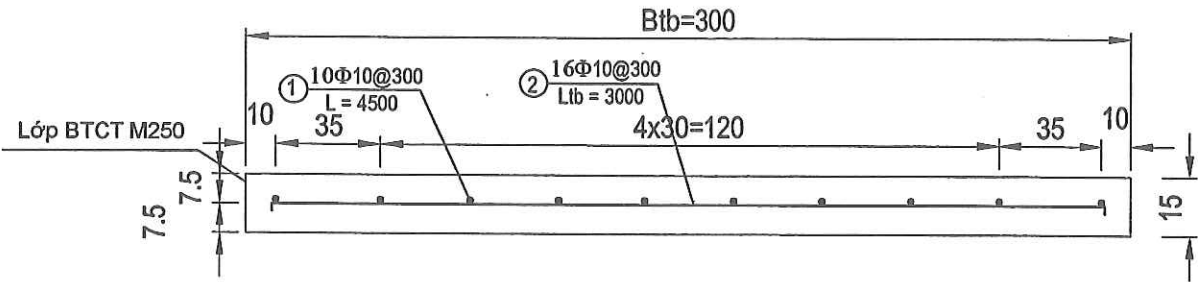
MẶT BẰNG TẤM BÊ TÔNG LƯỚI THÉP



MẶT CẮT THEO PHƯƠNG DỌC TẤM



MẶT CẮT THEO PHƯƠNG NGANG TẤM



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 284/TB-CT...
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)	T.LƯỢNG 1M2 (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ			
Tấm BTCT KT: 4.5x3.0	1	50 4400 50	10	4500	10	10	45	27.72	2.05
	2	50 2800 50	10	2900	16	16	46.4	28.58	2.12

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHI TIẾT LƯỚI THÉP MẶT CẦU

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]

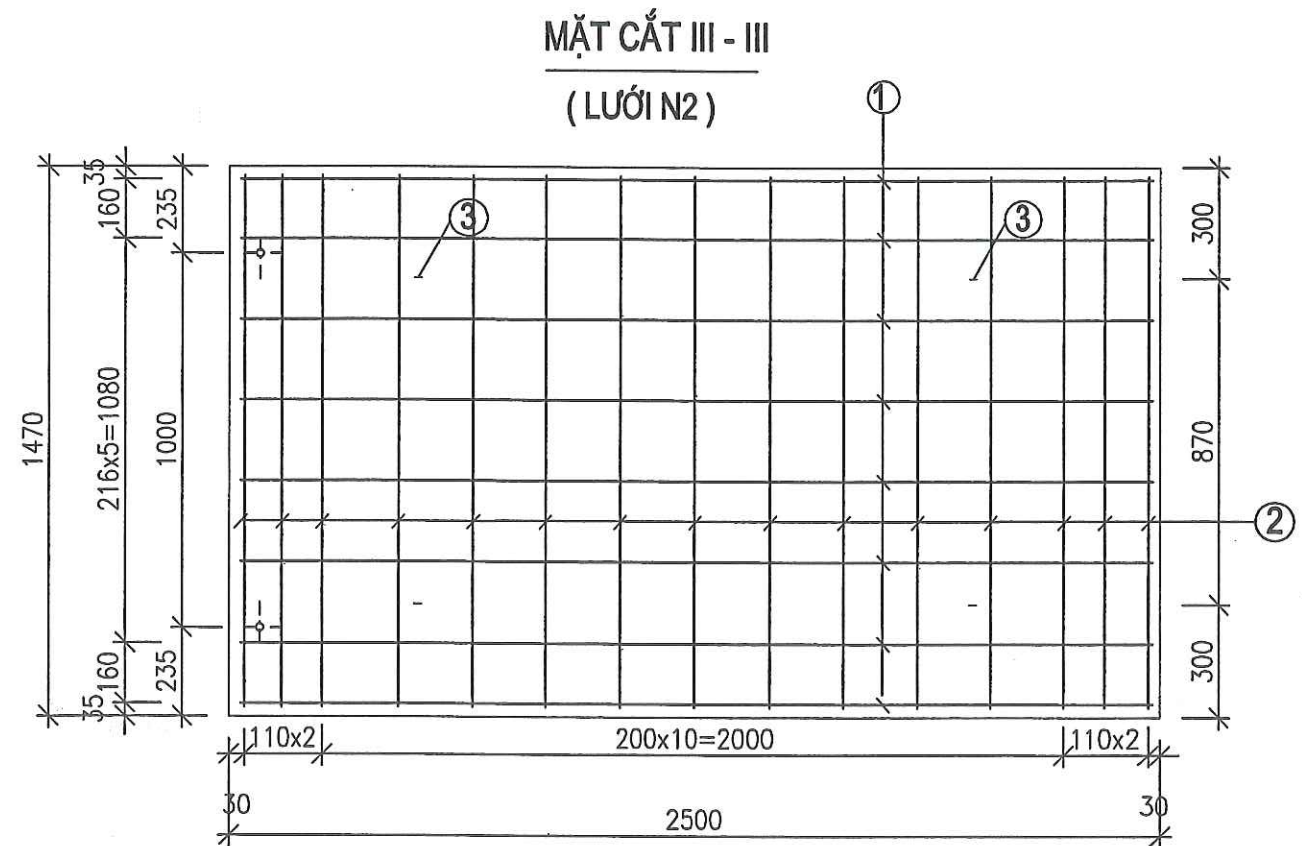
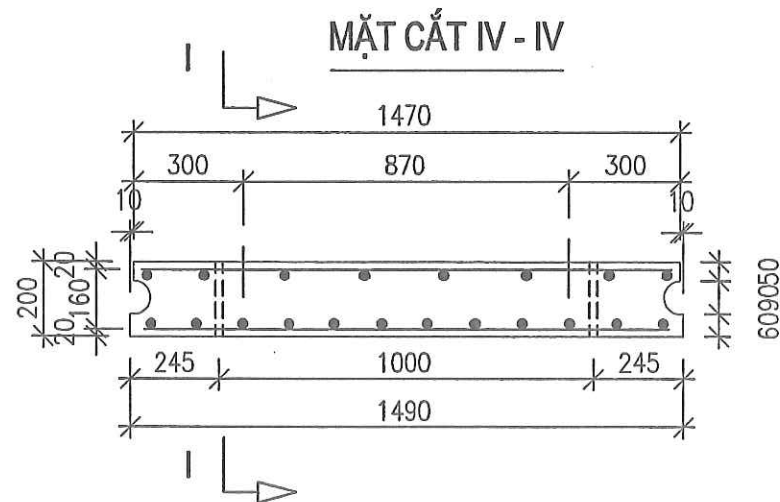
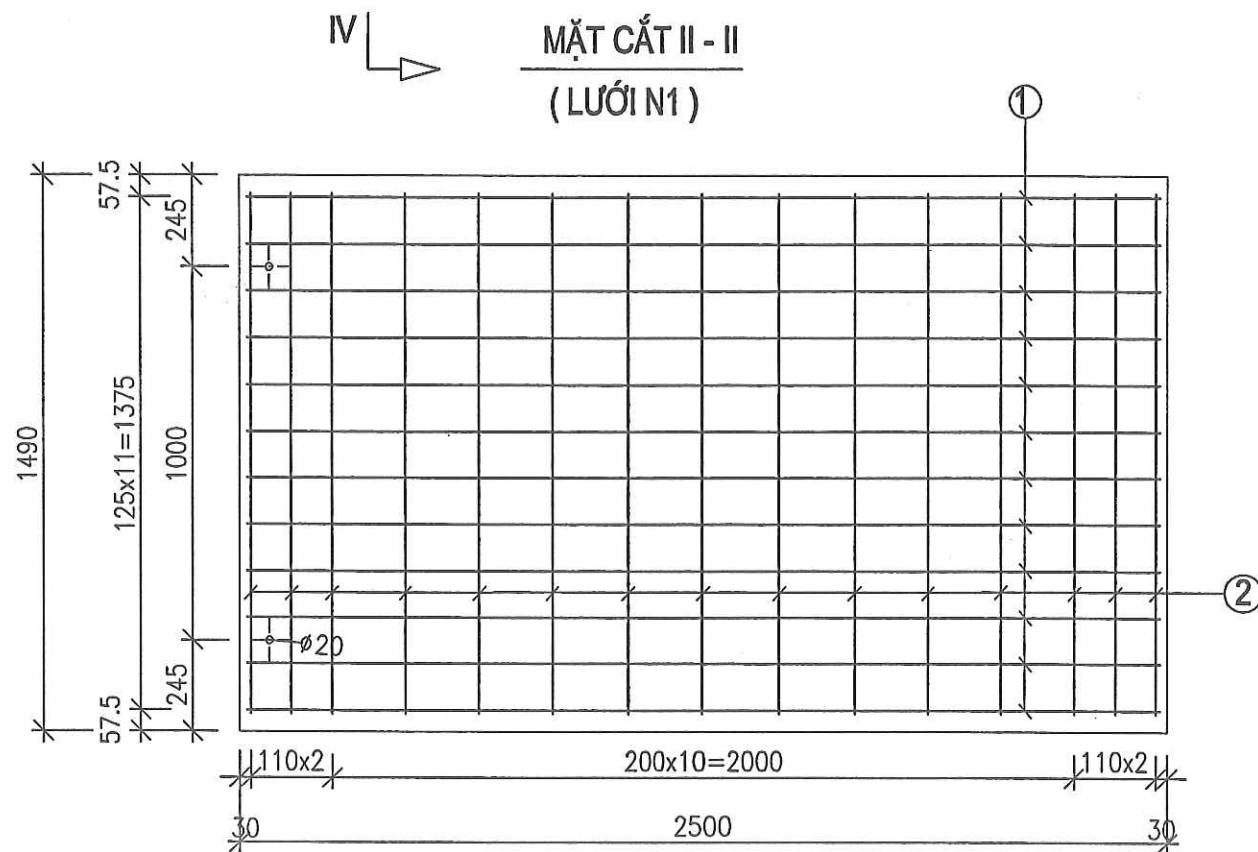
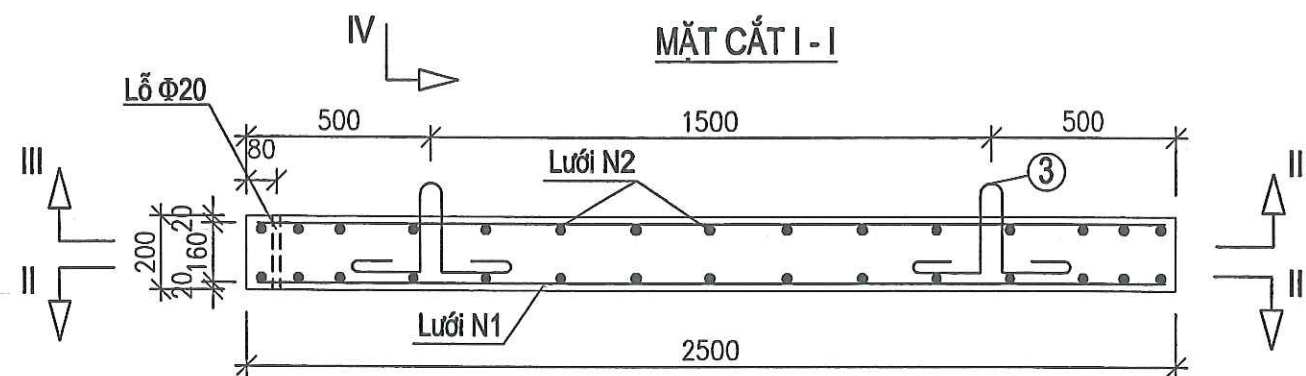
PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025
KIỂM TRA VÀ CHẤM DẤU
NGUYỄN XUÂN ĐẠT

** Kích thước ghi trên bản vẽ - cm

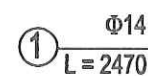
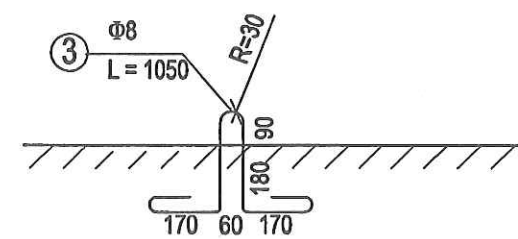
TỶ LỆ: 1/100

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01



CHI TIẾT MÓC NÂNG



GHI CHÚ :

- Liên kết các bản vượt bằng bê tông M-250.
- Kích thước bản vẽ đơn vị ghi (mm).

KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU CHO 1 BẢN VƯỢT RỘNG 1.50M

Tên gọi	Ký hiệu thanh	Đường kính thanh (mm)	Số lượng thanh	Chiều dài 1 thanh (mm)	Chiều dài toàn bộ (m)	Trọng lượng toàn bộ (Kg)
Lưới N1	1	Φ14	12	2470	29.64	35.80
	2	Φ8	15	1460	21.90	8.65
	Cộng					44.45
Lưới N2	1	Φ14	8	2470	19.76	23.87
	2	Φ8	15	1460	21.90	8.65
	Cộng					32.52
Móc nâng	3	Φ8	4	1080	4.32	3.84
Cốt thép		Φ14				59.67
	Cộng	Φ8				21.14
Khối lượng bê tông M - 250 : 0.74m ³						

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TB-ST

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

CHI TIẾT BẢN QUÁ ĐỘ CẦU

ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	
THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>
K.C.S	VŨ VĂN QUANG	
C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	<i>[Signature]</i>

PHÚ THỌ, THÁNG 12 NĂM 2025

GIÁM ĐỐC

KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ

XÂY DỰNG

HÀ THÀNH

NGUYỄN XUÂN ĐẠT

TỶ LỆ: 1/20

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN : 01

BẢNG THỐNG KÊ CỌC TIÊU

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

STT	TỪ CỌC - CỌC	LÝ TRÌNH	CHIỀU DÀI	SỐ LƯỢNG	VỊ TRÍ		CỰ LY
				CỌC	TRÁI	PHẢI	
1	CọcTD30 - cọc TD35	Km1 + 808.6 - Km2 + 039.33	230,7	24		x	10m/cọc
2	CọcTD38 - cọc P43 tiến 10m	Km2 + 185.8 - Km2 + 648	462,2	47		x	10m/cọc
		Tổng cộng:		71			Cọc

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 284/TB-CT.....
Ngày 25 tháng 12 năm 2025...
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐỒNG THÀNH (TUYỂN KHU 2 KHAI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)
LÝ TRÌNH: KM0+00 - KM2+974.81M

Tên cọc	K/C lỗ	DIỆN TÍCH																		KHỐI LƯỢNG																		
		Đắp nền K95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vết bùn	Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	B KC loại 2 (TC)	S bù vênh KCL2	B KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	B GC lỗ + taluy	L trống cổ taluy	Đắp nền k95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vết bùn	Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	S KC loại 2 (TC)	Bù vênh KCL2	S KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	S GC lỗ + taluy	S trống cổ taluy	
		(m)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)	
TD24		1,66	-	-	0,02	1,65	0,70	-	0,29	1,50	0,47	0,09	-	-	5,50	-	-	-	-	3,50																		
	22,33																			79,27	-	-	0,22	18,87	7,82	-	3,24	16,75	6,25	1,00	53,03	16,75	69,78	-	-	-	39,08	
P24		5,44	-	-	-	0,04	-	-	-	-	0,09	-	4,75	1,50	0,75	-	-	-	-																			
	22,33																			65,43	1,12	3,57	2,34	7,15	-	-	-	-	4,58	0,56	92,11	19,87	30,70	-	-	-	-	
TC24		0,42	0,10	0,32	0,21	0,60	-	-	-	-	0,32	0,05	3,50	0,28	2,00	-	-	-	-	0,84	0,42	1,28	1,30	2,40	-	-	-	-	1,88	0,40	14,00	1,06	8,00	-	-	-	-	
	4,00																																					
37		-	0,11	0,32	0,44	0,60	-	-	-	-	0,62	0,15	3,50	0,25	2,00	-	-	-	-	0,84	0,42	1,28	1,30	2,40	-	-	-	-	1,88	0,40	14,00	1,06	8,00	-	-	-	-	
	18,00																			6,93	0,99	2,88	3,96	9,99	-	-	-	-	7,65	1,71	63,00	8,19	36,00	-	-	-	-	
38		0,77	-	-	-	0,51	-	-	-	-	0,23	0,04	3,50	0,66	2,00	-	-	-	-																			
	15,00																			20,18	-	-	-	3,83	-	-	-	-	3,08	0,30	67,50	11,18	15,00					
TD25		1,92	-	-	-	-	-	-	-	-	0,18	-	5,50	0,83	-	-	-	-	-																			
	22,94																			24,89	-	-	0,23	5,74	-	-	-	-	6,19	0,80	104,38	16,40	21,79					
P25		0,25	-	-	0,02	0,50	-	-	-	-	0,36	0,07	3,60	0,60	1,90	-	-	-	-																			
	22,94																			22,48	-	-	0,23	9,18	-	-	-	-	4,59	0,80	84,88	16,52	41,29					
TC25		1,71	-	-	-	0,30	-	-	-	-	0,04	-	3,80	0,84	1,70	-	-	-	-																			
	-																			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
TD26		1,71	-	-	-	0,30	-	-	-	-	0,04	-	3,80	0,84	1,70	-	-	-	-																			
	14,23																			31,31	-	-	-	5,27	-	-	-	1,35	0,14	54,07	10,89	24,19						
P26		2,69	-	-	-	0,44	-	-	-	-	0,15	0,02	3,80	0,69	1,70	-	-	-	-																			
	14,23																			38,21	-	-	0,14	6,05	-	-	2,21	2,49	2,42	0,21	55,50	8,82	22,77	-	-	-	-	
TC26		2,68	-	-	0,02	0,41	-	-	0,31	0,35	0,19	0,01	4,00	0,55	1,50	-	-	-	-																			
	22,83																			50,80	-	-	0,34	10,73	-	-	3,54	4,00	3,08	0,11	85,61	11,76	39,95	-	-	-	-	
TD27		1,77	-	-	0,01	0,53	-	-	-	-	0,08	-	3,50	0,48	2,00	-	-	-	-																			
	18,28																			20,57	-	-	0,18	7,86	-	-	-	-	3,75	0,55	68,55	10,97	31,99	-	-	-	-	
P27		0,48	-	-	0,01	0,33	-	-	-	-	0,33	0,06	4,00	0,72	1,50	-	-	-	-																			
	18,28																			10,15	-	-	0,73	8,50	-	-	-	-	4,48	0,64	68,55	9,78	31,99	-	-	-	-	
TC27		0,63	-	-	0,07	0,60	-	-	-	-	0,16	0,01	3,50	0,35	2,00	-	-	-	-																			
	18,00																			8,91	-	-	1,26	19,89	-	-	-	-	5,85	1,08	31,50	3,15	67,50	-	-	-	-	
39		0,36	-	-	0,07	1,61	-	-	-	-	0,49	0,11	-	-	5,50	-	-	-	-																			
	13,50																			36,59	-	-	0,47	11,27	-	-	-	3,58	0,74	23,63	9,45	51,03	-	-	-	-		
40C		5,06	-	-	-	0,06	-	-	-	-	0,04	-	3,50	1,40	2,06	-	-	-	-																			
	4,37																			20,15	-	-	-	0,28	-	-	-	-	0,0									

DIỆN TÍCH																		KHỐI LƯỢNG																				
Tên cọc	K/C lẻ	Đắp nền K95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vét bùn	Vét hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	B KC loại 2 (TC)	S bù vênh KCL2	B KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	B GC lẻ + taluy	L trống cổ taluy	Đắp nền K95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vét bùn	Vét hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	S KC loại 2 (TC)	Bù vênh KCL2	S KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	S GC lẻ + taluy	S trống cổ taluy	
	(m)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)	
TD33		0,54	-		0,04	0,47				0,26	0,43	0,09	3,50	0,56	2,00			1,89	-																			
	17,34																			13,18	-	-	0,35	7,46	-	-	-	2,95	4,07	0,78	60,69	11,44	34,68	-	-	31,47	-	
P33		0,98	-		-	0,39				0,08	0,04	-	3,50	0,76	2,00			1,74	-																			
	13,00																			7,41	1,56	2,08	0,46	5,98	-	-	-	0,52	2,67	0,46	45,50	12,16	26,00	-	-	11,31	-	
43		0,16	0,24	0,32	0,07	0,53	-	-	-	-	0,37	0,07	3,50	1,11	2,00	-	-	-	-																			
	4,34																			9,96	0,52	0,69	0,15	1,32	-	-	-	-	1,09	0,20	15,19	5,40	8,68	-	-	-	-	
TC33		4,43	-	-	-	0,08	-	-	-	-	0,13	0,02	3,50	1,38	2,00	-	-	-	-																			
	20,15																			65,79	-	-	-	2,72	-	-	-	-	1,31	0,20	71,53	30,02	40,80	-	-	-	-	
TD34		2,10	-	-	-	0,19	-	-	-	-	-	-	3,60	1,60	2,05	-	-	-	-																			
	13,80																			24,08	-	-	0,07	4,14	-	-	-	-	0,48	0,07	51,06	18,70	27,95	-	-	-	-	
P34		1,39	-	-	0,01	0,41	-	-	-	-	0,07	0,01	3,80	1,11	2,00	-	-	-	-																			
	13,80																			17,46	-	-	0,07	5,73	-	-	-	-	1,66	0,07	52,44	11,94	26,57	-	-	-	-	
TC34		1,14	-	-	-	0,42	-	-	-	-	0,17	-	3,80	0,62	1,85	-	-	-	-																			
	16,00																			12,24	2,08	-	1,68	7,76	-	-	-	-	3,04	0,24	58,40	8,64	30,80	-	-	-	-	
44		0,39	0,26	-	0,21	0,55	-	-	-	-	0,21	0,03	3,50	0,46	2,00	-	-	-	-																			
	16,34																			9,31	3,59	-	3,84	8,74	-	-	-	-	2,78	0,25	57,19	9,07	32,68	-	-	-	-	
TD35		0,75	0,18	-	0,26	0,52	-	-	-	-	0,13	-	3,50	0,65	2,00	-	-	-	-																			
	15,56																			6,07	9,80	-	4,20	7,55	-	-	-	-	4,28	0,62	58,35	9,10	27,23					
P35		0,03	1,08	-	0,28	0,45	-	-	-	-	0,42	0,08	4,00	0,52	1,50	-	-	-	-																			
	10,00																			0,20	15,45	-	3,20	5,25	-	-	-	-	4,55	0,95	37,50	5,25	17,50					
45		0,01	2,01	-	0,36	0,60	-	-	-	-	0,49	0,11	3,50	0,53	2,00	-	-	-	-																			
	3,50																			4,34	3,52	-	0,63	1,05	-	-	-	-	1,31	0,26	15,75	2,89	3,50					
46C		2,47	-	-	-	-	-	-	-	-	0,26	0,04	5,50	1,12	-	-	-	-	-																			
	2,06																			3,67	-	-	-	0,46	-	-	-	-	0,54	0,09	9,27	1,87	2,06					
TC35		1,09	-	-	-	0,45	-	-	-	-	0,26	0,05	3,50	0,70	2,00	-	-	-	-																			
	15,00																			15,60	-	-	-	7,35	-	-	-	-	3,68	0,60	52,50	9,60	30,00					
47		0,99	-	-	-	0,53	-	-	-	-	0,23	0,03	3,50	0,58	2,00	-	-	-	-																			
	21,50																			18,92	-	-	-	11,07	-	-	-	-	6,13	1,08	75,25	12,58	43,00	-	-			
TD36		0,77	-	-	-	0,50	-	-	-	-	0,34	0,07	3,50	0,59	2,00	-	-	-	-																			
	12,44																			7,59	-	-	0,12	6,53	-	-	-	-	4,79	1,00	43,54	7,59	24,88	-	-			
P36		0,45	-	-	0,02	0,55	-	-	-	-	0,43	0,09	3,50	0,63	2,00	-	-	-	-																			

Tên cọc	K/C lỗ	DIỆN TÍCH																		KHỐI LƯỢNG																		
		Đắp nền K95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vét bùn	Vét hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	B KC loại 2 (TC)	S bù vênh KCL2	B KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	B GC lế + taluy	L trống cỏ taluy	Đắp nền K95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vét bùn	Vét hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	S KC loại 2 (TC)	Bù vênh KCL2	S KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	S GC lế + taluy	S trống cỏ taluy	
		(m)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)		
54		0,44	-	-	0,23	0,60	-	-	-	-	0,35	0,03	3,50	0,25	2,00	-	-	-	-	5,61	-	-	0,98	2,55	-	-	-	-	2,38	0,13	38,25	1,06	8,50	-	-	-	-	-
55C		0,88	-	-	-	-	-	-	-	-	0,21	-	5,50	-	-	-	-	-	-	5,61	-	-	0,98	2,55	-	-	-	-	2,38	0,13	38,25	1,06	8,50	-	-	-	-	
	20,00																			19,40	-	-	0,10	5,80	-	-	3,00	1,50	4,50	0,20	90,00	5,50	20,00	-	-	-	18,60	
56		1,06	-	-	0,01	0,58	-	-	0,30	0,15	0,24	0,02	3,50	0,55	2,00	-	-	-	1,86																			
	20,00																			52,00	-	-	0,10	10,40	-	20,90	3,00	26,60	5,60	0,80	70,00	13,50	40,00	-	-	-	81,50	
57		4,14	-	-	-	0,46	-	2,09	-	2,51	0,32	0,06	3,50	0,80	2,00	-	-	-	6,29																			
	20,00																			115,80	-	-	-	10,20	-	57,20	-	50,80	6,90	1,30	70,00	14,80	40,00	-	-	-	122,70	
58		7,44	-	-	-	0,56	-	3,63	-	2,57	0,37	0,07	3,50	0,68	2,00	-	-	-	5,98																			
	17,00																			64,69	-	-	0,51	5,87	-	30,86	-	21,85	6,63	1,19	72,68	8,16	20,83	-	-	-	50,83	
59C		0,17	-	-	0,06	0,13	-	-	-	-	0,41	0,07	5,05	0,28	0,45	-	-	-	-	1,59	-	-	0,49	1,45	-	-	0,56	0,26	1,55	0,31	12,13	0,85	4,87	-	-	-	2,72	
	3,09																																					
TD41		0,86	-	-	0,26	0,81	-	-	0,36	0,17	0,59	0,13	2,80	0,27	2,70	-	-	-	1,76																			
	19,55																			31,38	-	-	2,54	10,75	-	-	10,36	9,29	7,82	1,56	61,58	12,12	45,94	-	-	-	50,63	
P41		2,35	-	-	-	0,29	-	-	0,70	0,78	0,21	0,03	3,50	0,97	2,00	-	-	-	3,42																			
	19,55																			44,18	-	-	-	6,45	-	-	6,84	25,12	4,40	0,68	68,43	18,28	39,10	-	-	-	33,43	
TC41		2,17	-	-	-	0,37	-	-	-	1,79	0,24	0,04	3,50	0,90	2,00	-	-	-	-	21,86	-	-	-	4,62	-	-	-	20,17	3,10	0,56	39,45	9,69	22,54	-	-	-	-	
	11,27																																					
TD42		1,71	-	-	-	0,45	-	-	-	1,79	0,31	0,06	3,50	0,82	2,00	-	-	-	-	14,28	-	-	-	2,82	-	-	-	5,37	1,74	0,30	21,00	4,20	12,00	-	-	-	-	
	6,00																																					
60C		3,05	-	-	-	0,49	-	-	-	-	0,27	0,04	3,50	0,58	2,00	-	-	-	-	12,03	-	-	-	2,93	-	-	-	-	1,81	0,29	23,22	4,45	12,26	-	-	-	-	
	6,45																																					
P42		0,68	-	-	-	0,42	-	-	-	-	0,29	0,05	3,70	0,80	1,80	-	-	-	-	7,78	-	-	0,19	5,54	-	-	-	-	3,30	0,50	46,69	8,78	21,79	-	-	-	-	
	12,45																																					
TC42		0,57	-	-	0,03	0,47	-	-	-	-	0,24	0,03	3,80	0,61	1,70	-	-	-	-	38,80	-	-	0,80	9,40	-	-	5,20	27,00	7,10	1,30	73,00	12,10	37,00	-	-	-	-	
	20,00																																					
61		3,31	-	-	0,05	0,47	-	-	0,52	2,70	0,47	0,10	3,50	0,60	2,00	-	-	-	-	45,59	-	-	0,44	7,26	-	-	4,55	23,63	4,11	0,88	61,25	11,73	35,00	-	-	-	-	
	17,50																																					
TD43		1,90	-	-	-	0,36	-	-	-	-	-	-	3,50	0,74	2,00	-	-	-	-	32,09	-	-	-	7,03	-	-	-	-	-	-	81,65	20,53	43,09	-	-	-	17,92	
	22,68																																					
P43		0,93	-	-	-	0,26	-	-	-	-	-	-	3,70	1,07	1,80	-	-	1,58	-	5,85	-	-	-	2,07	-	-	-	-	-	-	26,95	7,39	11,55	-	-	-	5,53	
	7,00																																					
62		0,74	-	-	-	0,33	-	-	-	-	-	-	4,00	1,04	1,50	-	-	-	-	7,84	-	-	1,41	5,88	-	-	-	-	-	-	63,50	8,70	22,74	-	-	-	-	
	15,68																																					
TC43		0,26	-	-	0,18	0,42	-	-	-	-	-	-	4,10	0,07	1,40	-	-	-	-	0,84	0,06	-	2,64	6,21	2,40	-	-	-	-	12,30	0,21	20,70	-	-	-	-		
	6,00																																					
63		0,02	0,02	-	0,70	1,65	0,80	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	-	-	0,11	0,11	-	7,84	18,48	8,96	-	-	-	-	-	-	61,60	-	-	-	-		
	11,20																																					
64		-	-	-	0,70	1,65	0,80	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	-	-																			
	3,25																																					
65C		-	-	-	0,82	1,65	0,80	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	-	-																			
	3,25																																					
66		-	-	-	0,82	1,65	0,80	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	-	-	4,72	-	-	9,43	18,98	9,20	2,53	-	6,50	-	-	-	-	63,25	-	-	-	16,79	
	11,50																																					
67		0,82	-	-	0,82	1,65	0,80	0,44	-	1,13	-	-	-	-	5,50	-	-	-	2,92	17,67	0,73	2,11	7,19	21,76	9,96	7,65	-	15,37	-	-	-	-	72,55	-	-	-	42,87	
	13,19																																					
TD44		1,86	0,11	0,32	0,27	1,65	0,71	0,72	-	1,20	-	-	-	-	5,50	-	-	-	3,58	20,85	1,04	3,02	2,17	31,14	14,53	6,79	-	11,32	-	-	-	-	103,79	-	-	-	33,78	
	18,87																																					
P44		0,35	-	-	(0,04)	1,65	0,83	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	-	-	15,66	-	-	(0,38)	19,81	7,83	4,81	-	1,23	-	-	33,02	6,23	70,76	-	-	-	-	
	18,87																																					
TC44		1,31	-	-	-	0,45	-	0,51	-	0,13	-	-	3,50	0,66	2,00	-	-	-	-	22,80	-	-	-	8,70	-	5,10	-	1,30	-	-	71,00	15,80	39,00	-	-	-	-	
	20,00																																					
68		0,97	-	-	-	0,42	-	-	-	-	-	-	3,60	0,92	1,90	-	-	-	-	16,20	-	-	1,20	9,40	-	-	-	-	-	-	73,00	13,90	37,00	-	-	-	-	
	20,00																																					
69		0,65	-	-	0,12	0,52	-	-	-	-	-	-	3,70	0,47	1,80	-	-	-	-	6,65	-	-	0,97	5,73	-	-	-	-	-	-	40,03	4,44	19,48	-	-	-	-	
	10,82																																					
TD45		0,58	-	-	0,06	0,54	-	-	-	-	-	-	3,70	0,35	1,80	-	-	-	-																			

Tên cọc	K/C lỗ	DIỆN TÍCH																	KHỐI LƯỢNG																			
		Đắp nền K95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vét bùn	Vét hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	B KC loại 2 (TC)	S bù vênh KCL2	B KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	B GC lẻ + taluy	L trống cổ taluy	Đắp nền K95	Đào nền	Đào rãnh	Đào khuôn	Xới đầm K95	Đào kết cấu cũ	Vét bùn	Vét hữu cơ	Đánh cấp	Đào móng CD	Đắp trả móng CD	S KC loại 2 (TC)	Bù vênh KCL2	S KC loại 1 (mới)	B KC loại 3	S bù vênh KCL3	S GC lẻ + taluy	S trống cổ taluy	
		(m)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m2)	(m)	(m)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)	(m3)	(m2)	(m2)	
71		3,88	-	-	0,21	0,60	-	0,84	0,26	2,12	-	-	3,50	0,03	2,00	-	-	-	4,96																			
	11,80																			28,38	-	-	1,24	3,54	-	4,96	1,53	12,51	-	-	20,65	0,18	11,80	36,99	0,12	-	29,26	
72		0,93	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,27	0,02	-	-																				
	2,00																			1,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,54	0,02	-	-	
73		0,87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,27	-	-	-																				
	2,00																			1,91	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,59	0,11	-	-	
74		1,04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,32	0,11	-	-																				
	12,00																			6,24	15,18	3,54	13,08	9,90	5,40	-	-	-	-	-	-	-	33,00	37,92	0,66	6,00	-	
75		-	2,53	0,59	2,18	1,65	0,90	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	1,00	-																			
	13,00																			-	51,55	8,00	28,34	21,45	10,40	-	-	-	-	-	-	-	71,50	-	-	13,00	-	
76		-	5,40	0,64	2,18	1,65	0,70	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	1,00	-																			
	12,69																			-	42,77	8,12	27,98	21,19	8,88	-	-	-	-	-	-	-	70,75	-	-	12,69	-	
TD47		-	1,34	0,64	2,23	1,69	0,70	-	-	-	-	-	-	-	5,65	-	-	1,00	-																			
	9,15																			-	10,07	5,86	18,94	15,69	6,59	-	-	-	-	-	-	-	52,38	-	-	9,15	-	
P47		-	0,86	0,64	1,91	1,74	0,74	-	-	-	-	-	-	-	5,80	-	-	1,00	-																			
	9,15																			0,09	6,73	4,39	17,80	15,69	6,68	-	-	-	-	-	-	-	52,34	-	-	9,15	-	
TC47		0,02	0,61	0,32	1,98	1,69	0,72	-	-	-	-	-	-	-	5,64	-	-	1,00	-																			
	7,00																			0,25	2,49	2,24	11,87	11,69	5,04	-	-	-	-	-	-	-	38,99	-	-	7,00	-	
77		0,05	0,10	0,32	1,41	1,65	0,72	-	-	-	-	-	-	-	5,50	-	-	1,00	-																			
																			Tổng	2.354,57	180,20	50,88	214,74	828,29	103,69	302,74	126,57	452,00	321,44	56,51	4.951,07	907,20	3.312,21	100,04	0,91	335,33	1.199,89	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 284/TB-CT.....

Ngày: 25...tháng 12...năm 2025.

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG XÂY LẮP

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHÁI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	Chiều dài tuyến	m	1.520,39	
I	Nền mặt đường :			
1	Đào đất nền đường đất cấp 3	m3	180,20	
2	Đắp đất nền đường đất cấp 3 K95	m3	2.354,57	95% máy 5% đầm cóc
3	Đào khuôn đất cấp 3	m3	214,74	
4	Đào rãnh đất cấp 3	m3	50,88	
5	Xới đầm K95	m3	828,29	
6	Phá dỡ mặt đường cũ (vận chuyển đổ đi 3,0km)	m3	103,69	
7	Vét bùn	m3	302,74	
9	Đào cấp đất cấp 2	m3	452,00	
10	Vét hữu cơ đất cấp 2	m3	126,57	
11	Trồng cỏ mái ta luy	m2	1.199,89	
12	Vận chuyển đất tận dụng cự ly BQ 300m	m3	665,50	
13	Đắp bù vét bùn + vét hữu cơ + đào cấp K95	m3	881,32	95% máy 5% đầm cóc
14	Khai thác đất để đắp V/C BQ 5,0km	m3	3.156,72	Đã nhân hệ số
15	Vận chuyển đất thừa, bùn, hữu cơ đổ đi V/C BQ 3,0km	m3	1.047,69	
16	Diện tích kết cấu mới (KCL1)			
-	DT mặt đường BTXM mác 250 dày 20cm	m2	3.312,21	
-	Móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm	m2	3.312,21	
17	Diện tích kết cấu tăng cường (KCL2)			
-	DT mặt đường BTXM mác 250 dày 20cm	m2	4.951,07	
-	Bù vênh móng cấp phối đá dăm loại 2	m3	907,20	
18	Diện tích kết cấu tăng cường mặt cầu (KCL3)			
-	DT mặt đường BTXM mác 250 dày 15cm	m2	100,04	
-	Bù vênh mặt cầu bằng BTXM mác 250	m3	0,91	
19	Ván khuôn đổ bê tông mặt đường	m2	1.566,73	
22	Cốt thép lưới mặt cầu F10	kg	208,50	
20	Diện tích gia cố lề			
-	DT gia cố lề BTXM mác 250 dày 15cm	m2	335,33	
-	Móng cát sạn đệm dày 5cm	m2	335,33	
-	Ván khuôn đổ bê tông gia cố lề	m2	72,60	
21	Lối rẽ			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 244/75-Ct.....
Ngày 28 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *Phạm Văn*



STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	Chiều dài tuyến	m	1.520,39	
-	Bê tông M250 dày 20cm	m2	232,72	
-	Móng cấp phối đá dăm loại 2 dày TB 15cm	m2	232,72	
-	Ván khuôn đổ bê tông	m2	20,00	
23	Biển báo hình tròn D70cm	cái	2,00	
24	Cọc tiêu KT(0,15x0,15x1,0)m	cái	71,00	
25	Bờ vây ngăn nước thi công	m	30,00	
-	Đắp đất bờ vây K85	m3	45,00	
-	Cọc tre dài 2m (cự ly 1m/cọc)	m	62,00	
-	Nẹp tre làm bờ vây (L=8m/cây)	m	11,25	
-	Phên tre	m2	90,00	
-	Thép F6 làm bờ vây	kg	17,89	
-	Bơm hút nước	ca	10,00	
-	Thanh thả dòng chảy (cự ly đổ đl 3,0Km)	m3	45,00	
26	Di chuyển cột điện hạ thế	cái	10,00	
II	Hệ thống thoát nước			
	Rãnh dọc đáy bản chịu lực B40	m	1.190,00	
1	Đào đất đổ BT cống dọc	m3	386,06	
2	Đắp đất bù cống dọc K95	m3	146,60	
3	Cát sạn đệm móng rãnh	m3	41,65	
4	BTXM M200 đổ đáy móng cống dọc	m3	124,95	
4	BTXM M200 đổ thân cống dọc	m3	149,94	
5	Ván khuôn đổ BT cống dọc	m2	2.356,20	
6	Tấm bản BTCT đáy rãnh	tấm	1.190,00	
7	BTXM M250 đổ tấm bản	m3	91,63	
8	Cốt thép tấm bản F<10	kg	9.861,53	
9	Ván khuôn đổ BT tấm bản	m2	476,00	
10	Lắp đặt tấm bản	tấm	1.190,00	
	Cống thoát nước ngang đường:			
1	Đào đất xây cống đất cấp 3	m3	119,54	
2	Đắp đất quanh cống đầm chặt K95	m3	65,10	
3	Bê tông tường đầu + tường cánh + hố thu mác 200	m3	43,65	
4	Bê tông móng cống, móng thân cống mác 200	m3	33,06	
5	Bê tông sân cống mác 200	m3	5,89	
6	Cát sạn làm lớp đệm dày 10cm	m3	7,76	
7	Bê tông ống cống mác 200	m3	2,73	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/76-CT
Ngày 25 tháng 10 năm 2015
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*



STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	Chiều dài tuyến	m	1.520,39	
8	Cốt thép ống cống D6 - D8	kg	219,70	
9	Cốt thép ống cống D10 - D20	kg		
10	Ván khuôn đổ bê tông ống cống	m2	67,75	
11	Lắp đặt ống cống D75	m	13,00	
12	Phòng nước ống cống D75	m	13,00	
13	Cốt thép tấm bản D6 - D8	kg	239,67	
14	Cốt thép tấm bản D10-12	kg	251,17	
15	Cốt thép mũ tường cống + khớp nối tấm bản D4 - D8	kg	50,94	
16	Bê tông tấm bản mác 250	m3	5,53	
17	Bê tông bảo vệ bản + khớp nối mác 250	m3	0,28	
18	Bê tông gờ chắn bánh mác 200	m3		
19	Bê tông mũ tường cống mác 250	m3	1,85	
20	Lắp đặt tấm bản	tấm	25,00	
21	Ván khuôn đổ bê tông tấm bản	m2	17,80	
22	Ván khuôn đổ bê tông tường các loại	m2	234,68	
23	Ván khuôn đổ bê tông móng các loại	m2	98,24	
24	Bù mặt đường cũ bằng CPDD loại I	m3		
25	Xây tường rào bằng gạch chỉ vữa XM M75#	m3	2,64	
26	Trát tường rào dày 1,5cm, vữa XM M75#	m2	25,50	
27	Phá dỡ tường rào xây gạch	m3	2,64	
28	Phá dỡ cống cũ (Đá xây)	m3	33,06	
28	Tháo dỡ ống cống cũ D50-75	m	8,00	
29	Bản quá độ BTCT KT (250x150x20)cm	Tấm	8,00	
-	Bê tông tấm bản mác 250	m3	5,92	
-	Cốt thép tấm bản F8	kg	169,12	
-	Cốt thép tấm bản F14	kg	477,36	
-	Ván khuôn đổ bê tông tấm bản	m2	12,80	
-	Lắp đặt tấm bản	tấm	8,00	
III	Đảm bảo giao thông			
1	- Nhân công cảnh giới (02 người trong suốt quá trình thi công)	Công	240,00	
2	- Biển báo HCN "Công trường đang thi công"	Biển	2,00	
3	- Đèn xoay cảnh báo buổi tối	cái	3,00	
4	- Cuộn rào chắn	Cuộn	1,00	
5	- Cọc tiêu nhựa mềm PVC	Cái	21,00	

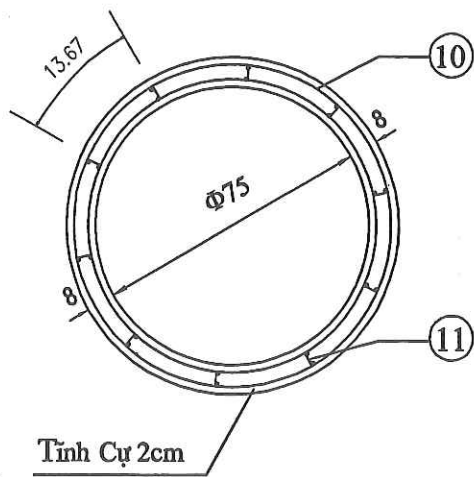
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 254/TK-ĐT
Ngày 25 tháng 10 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

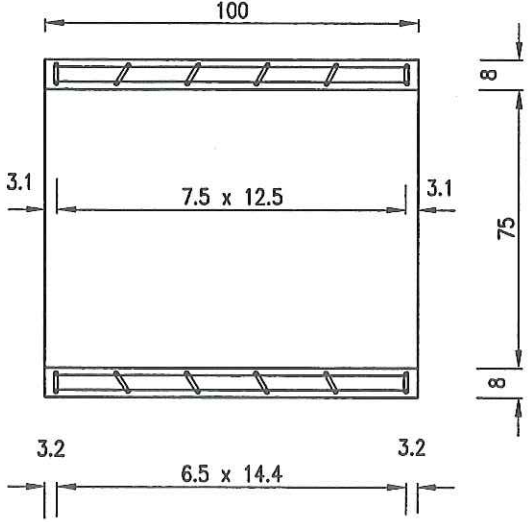


CẤU TẠO ỐNG CỐNG

CẮT NGANG

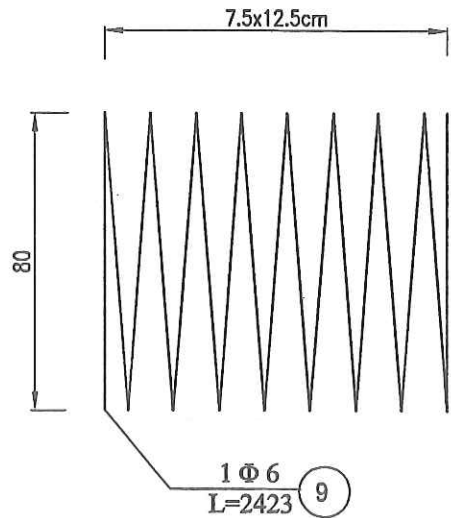


CẮT DỌC



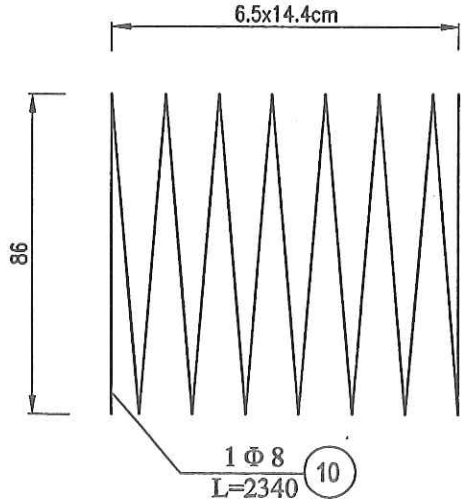
CỐT THÉP HÌNH XOẮN ỐC CT3

Phía trong



CỐT THÉP HÌNH XOẮN ỐC CT3

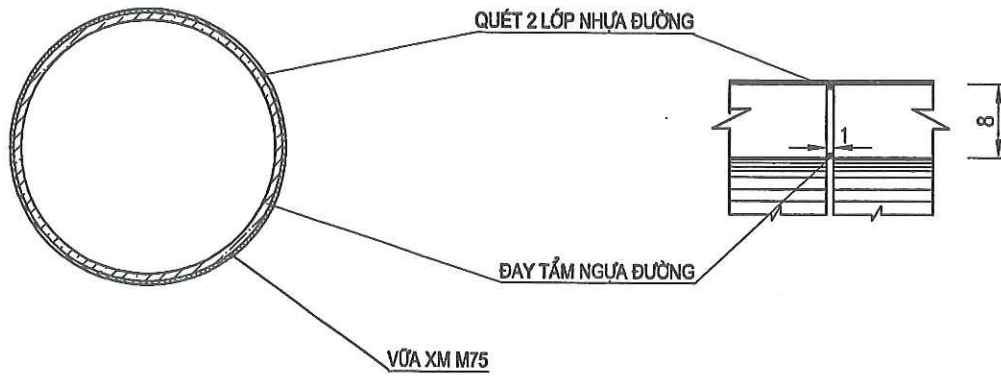
Phía ngoài



BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 ỐNG CỐNG Φ 75

Số hiệu cốt thép	Số hiệu thanh	Đường kính thanh (mm)	Chiều dài 1 thanh (Cm)	Số vòng Số thanh	Tổng chiều dài (Cm)	Trọng lượng đơn vị (Kg/m)	Khối lượng (Kg)	Thép buộc 1%	Tổng khối lượng (Kg)	Khối lượng bê tông (m3)
CỐT THÉP CT3	9	6		7.5	2423	0.222	5.40	0.10	20.94	0.21
	10	8		6.5	2340	0.395	9.24			
	2	6	100	20	200	0.222	4.50			
	11	6	25	30	7.50	0.222	1.70			
Cộng :							20.84	0.10	20.94	0.21

MỖI NỐI CỐNG Φ 75



THỐNG KÊ VẬT LIỆU 1 MỖI NỐI CỐNG Φ 75

VỮA XM M100 (m3)	ĐAY TẮM NHỰA (kg)	NHỰA ĐƯỜNG QUÉT 2 LỚP (m2)
0.001	0.47	2.86

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/76-ĐĐ
Ngày: 25 tháng 10 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

GHI CHÚ:

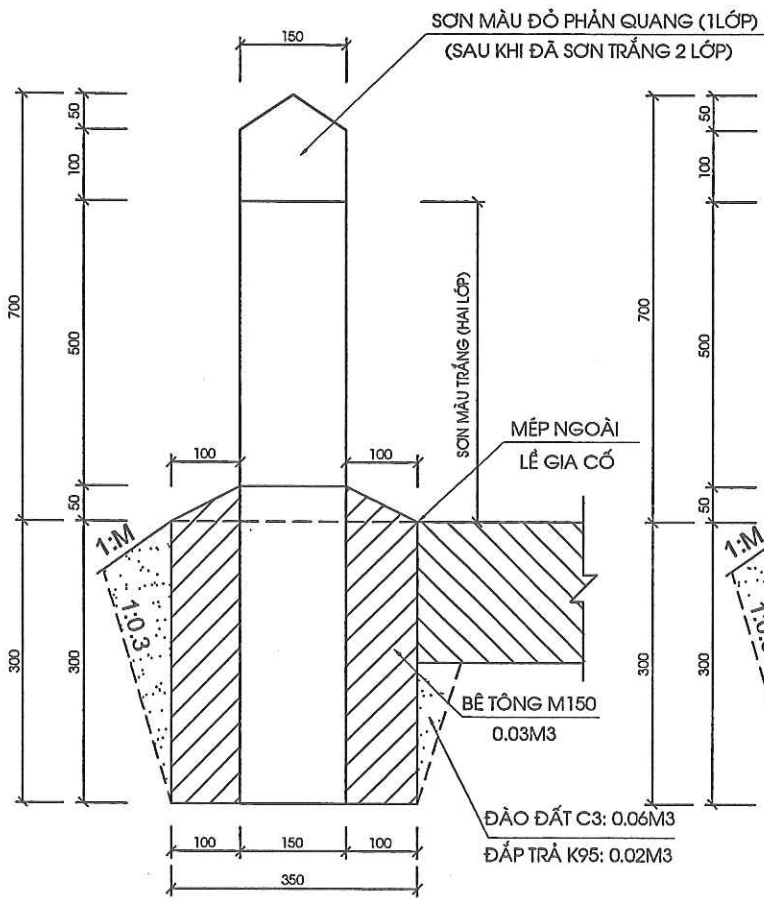
- VẬT LIỆU : BÊ TÔNG MÁC 200, CỐT THÉP CT3
- ĐƯỜNG KÍNH CÁC VÒNG CỐT THÉP HÌNH XOẮN ỐC TÍNH TỪ TÂM CỐT THÉP
- ỐNG CỐNG Φ 75 CÓ BÊ DÀY 8 CM
- CỐT THÉP BỐ TRÍ TRONG BẢN VẼ NÀY LÀ CỐT THÉP CÓ GỜ.
- RIÊNG CỐT ĐAI SỐ 11 DÙNG ĐỂ ĐỊNH VỊ CỐT THÉP ỚNG ĐƯỢC BỐ TRÍ SO LE
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ ĐƠN VỊ GHI CM, ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP GHI MM

ĐỊNH HÌNH SỐ : 78-02X

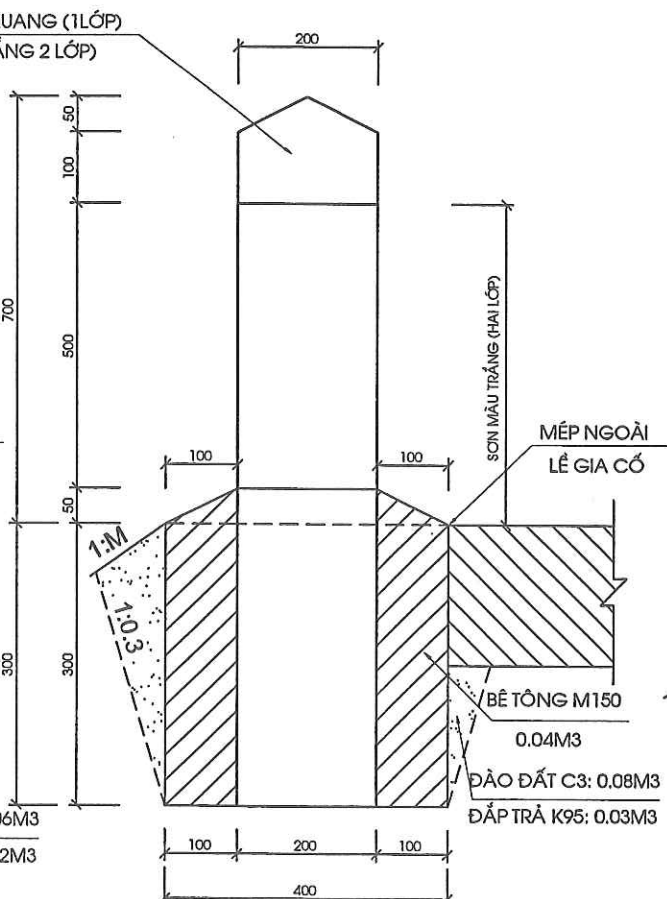
ỐNG CỐNG GIA CƯỜNG D =0.75M



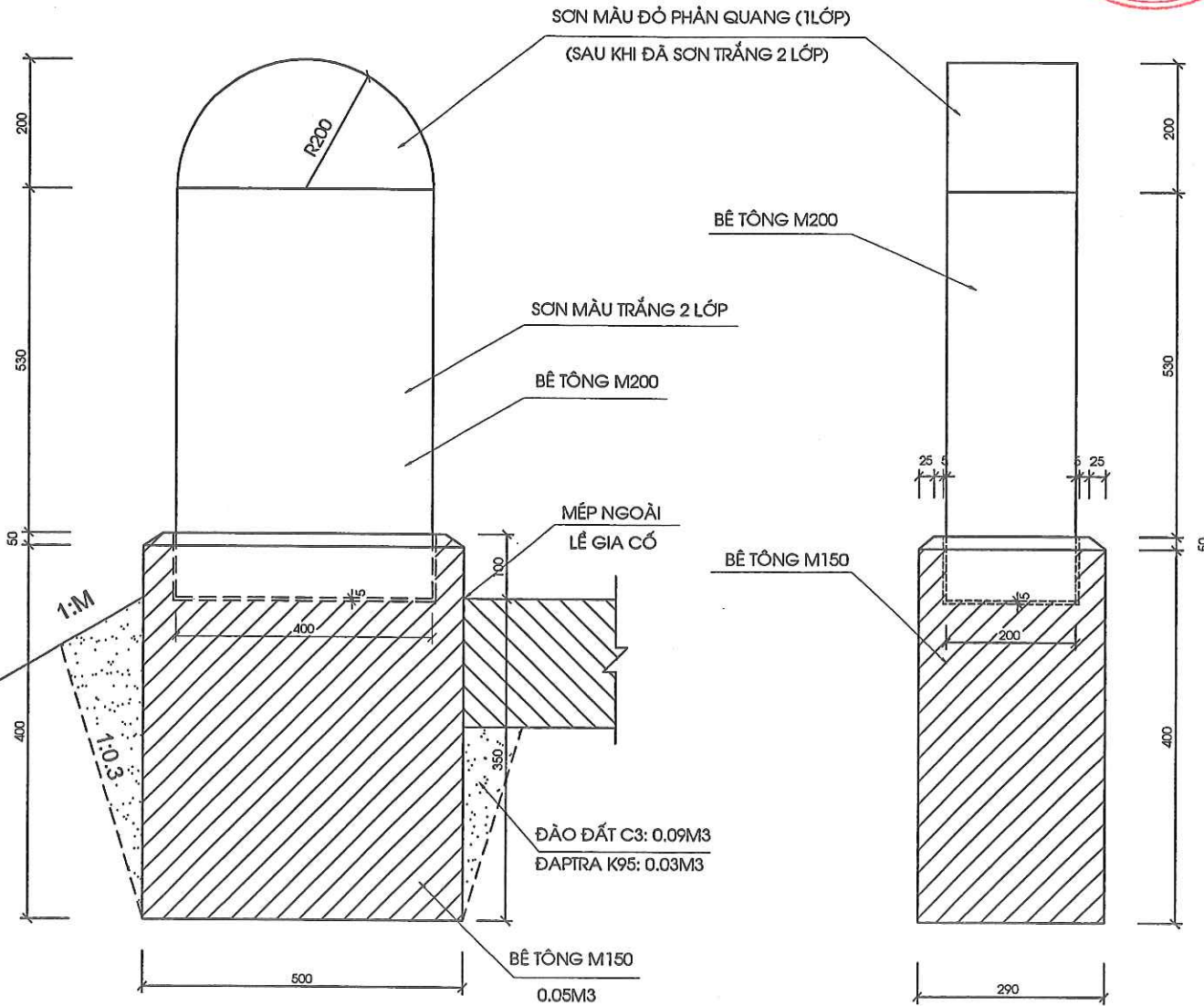
CỘT TIÊU
MẶT CHÍNH DIỆN



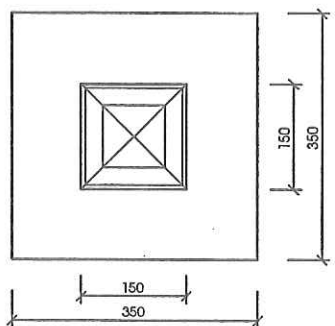
CỘT H
MẶT CHÍNH DIỆN



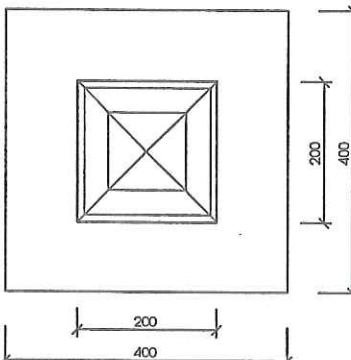
CỘT KILOMÉT



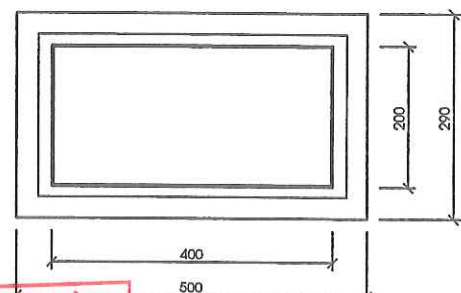
MẶT BẰNG



MẶT BẰNG



MẶT BẰNG

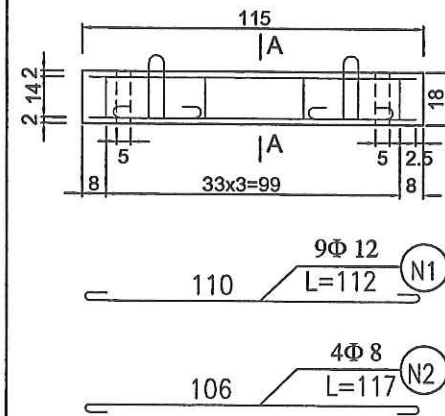


**** Ghi chú:**

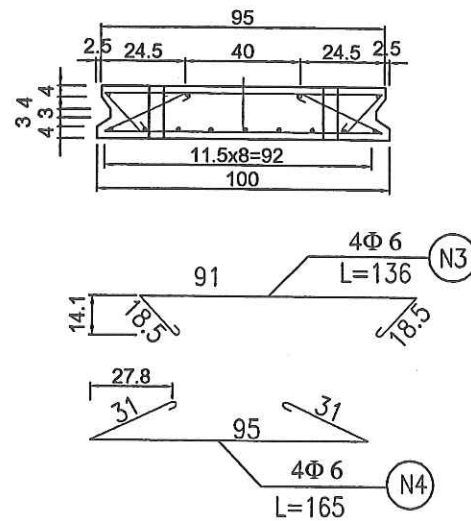
- Phần đầu hình bán nguyệt có màu đỏ với hệ thống đường Quốc lộ, màu xanh với hệ thống đường Tỉnh, màu nâu với hệ thống đường Huyện và màu vàng với hệ thống đường chuyên dùng. Phần thân cột sơn màu trắng.
- Chữ để trên cột Km, cọc H và quy định về tên địa phương, hình dạng kích thước chi tiết theo mục (1.2; 1.3; 1.4) trang 195-200, theo QCVN_41_2019.
- Kích thước trong bản vẽ đơn vị tính bằng (mm)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 281/TB-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

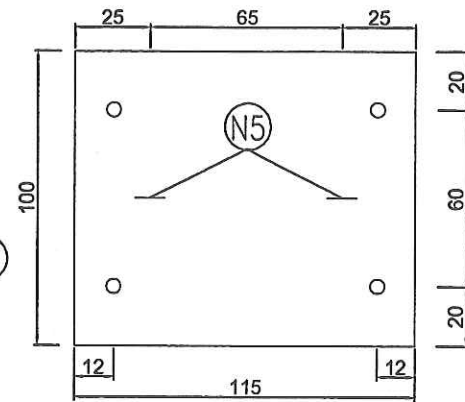
CẮT DỌC TẤM BẢN



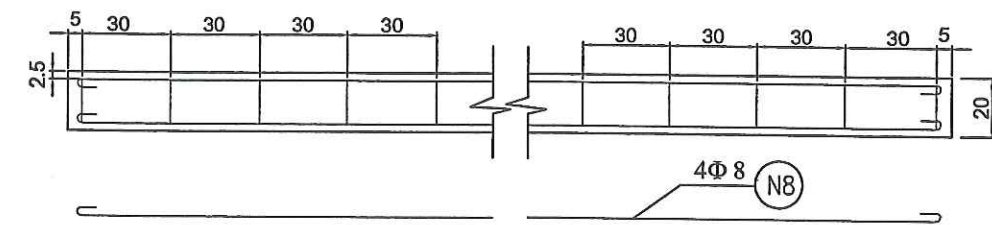
CẮT NGANG TẤM BẢN



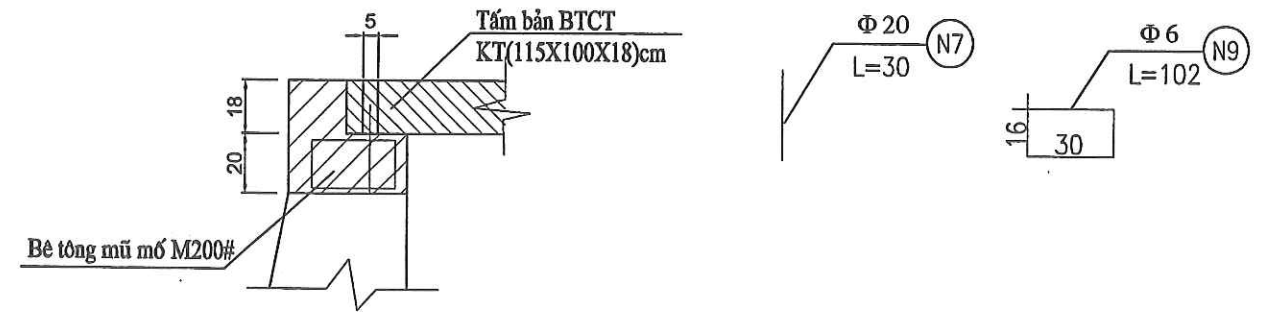
MẶT BẰNG



CẮT DỌC MŨ MỐ



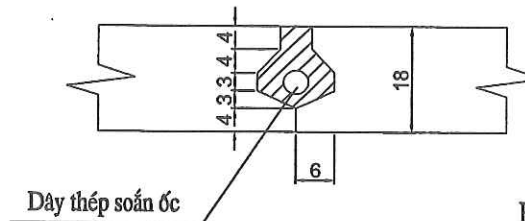
CẮT NGANG MŨ MỐ



BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 TẤM BẢN GIỮA

Kí hiệu	Đường kính	Chiều dài 1 thanh(cm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Trọng lượng đơn vị(kg/m)	Khối lượng (kg)
N1	Φ 12	117	9	10.53	0.888	9.35
N2	Φ 8	112	4	4.48	0.395	1.77
N3	Φ 6	136	4	4.44	0.222	1.21
N4	Φ 6	136	4	6.60	0.222	1.47
N5	Φ 8	1.05	2	2.10	0.395	0.83
N7	Φ 20	30	4	1.2	2.466	2.96
Tổng cộng : - Cốt thép Φ6 - Φ8 : 5.28 kg - Cốt thép Φ10 - Φ20 : 12.31 kg - Bê tông M250 : 0.194 m3						

CẤU TẠO KHỚP NỐI



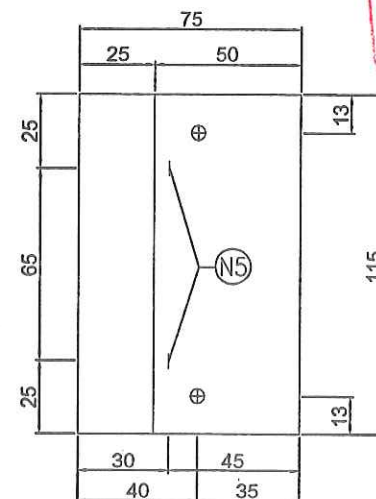
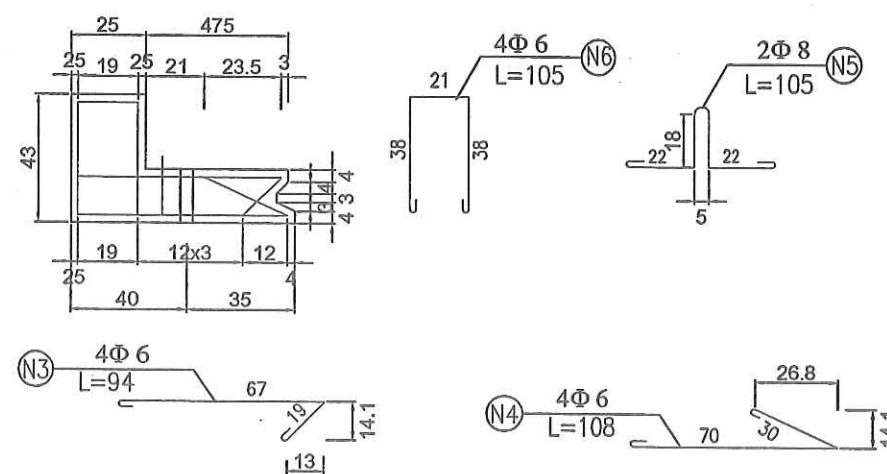
CẤU TẠO DÂY THÉP XOẮN ỐC



BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 MỐI NỐI

Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
Cốt thép xoắn ốc Φ4	Kg	0.37
Bê tông nở mác 250	m3	0.027

CẤU TẠO CỐT THÉP TẤM BIÊN



BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 TẤM BẢN BIÊN

Kí hiệu	Đường kính	Chiều dài 1 thanh(cm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Trọng lượng đơn vị(kg/m)	Khối lượng (kg)
N1	Φ 12	117	7	8.19	0.888	7.27
N2	Φ 8	112	5	5.60	0.395	2.21
N3	Φ 6	94	4	3.76	0.222	0.83
N4	Φ 6	108	4	4.32	0.222	0.96
N5	Φ 8	1.05	2	2.10	0.395	0.83
N6	Φ 6	105	4	4.2	0.222	0.93
N7	Φ 20	30	4	1.2	2.466	2.96
Tổng cộng : - Cốt thép Φ6-8 : 5.76 kg - Cốt thép Φ12-20 : 10.23 kg - Bê tông M250 : 0.22 m3						

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/TĐKT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]



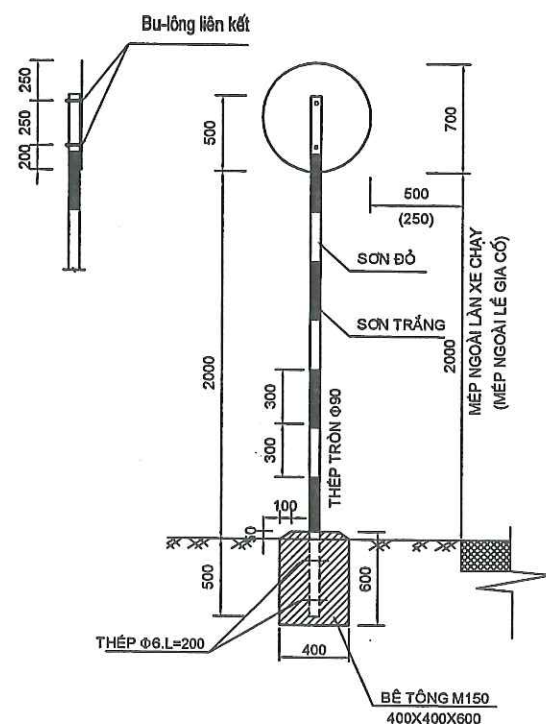
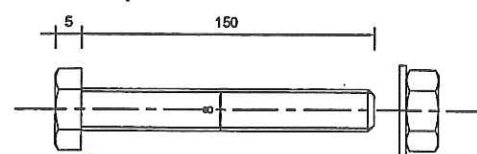
ĐỊNH HÌNH TẤM BẢN BTCT B=0,75m

CHI TIẾT CỘT BIỂN BÁO THEO: QCVN_41_2019
(AD CHO ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)

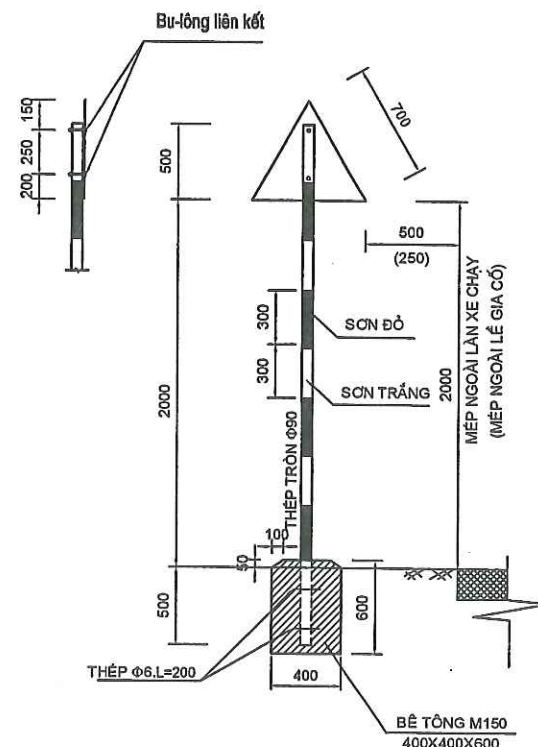
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/76-Đ
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

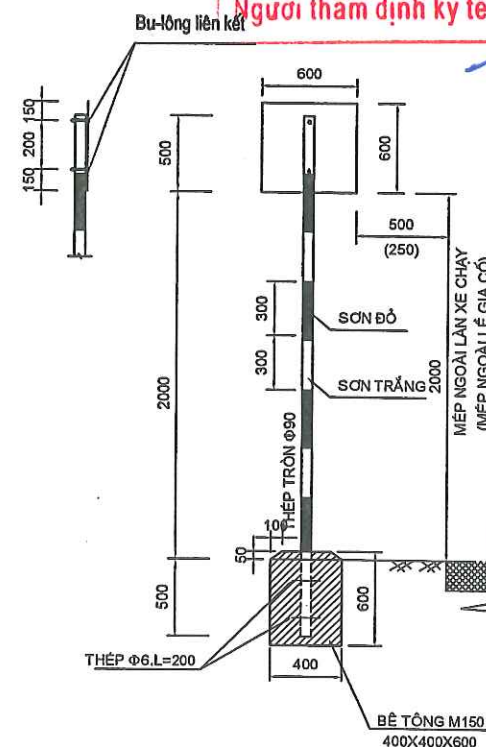
CẤU TẠO BU-LÔNG LIÊN KẾT



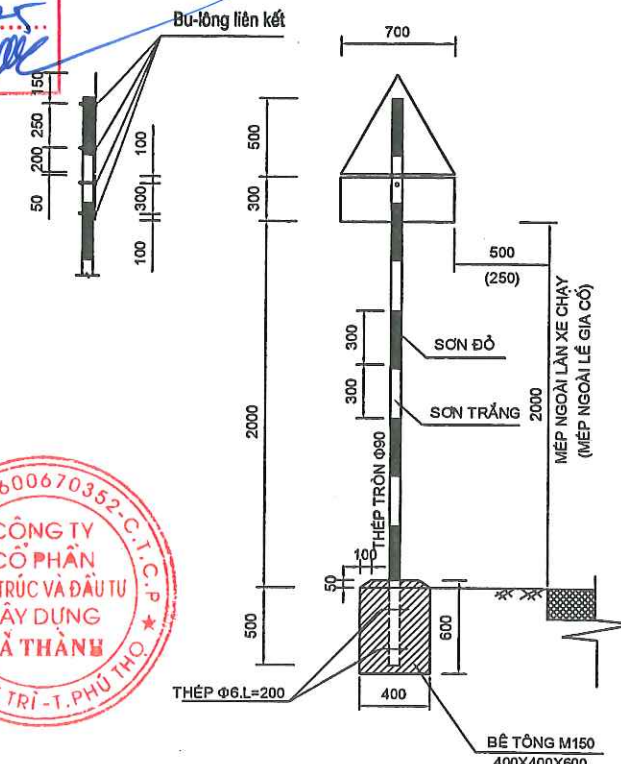
LOẠI 1



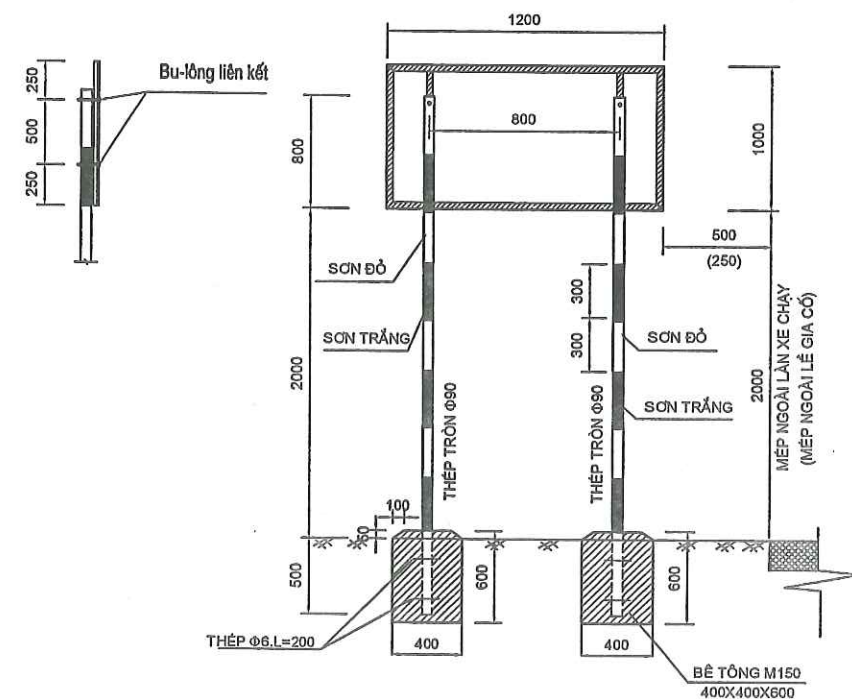
LOẠI 2



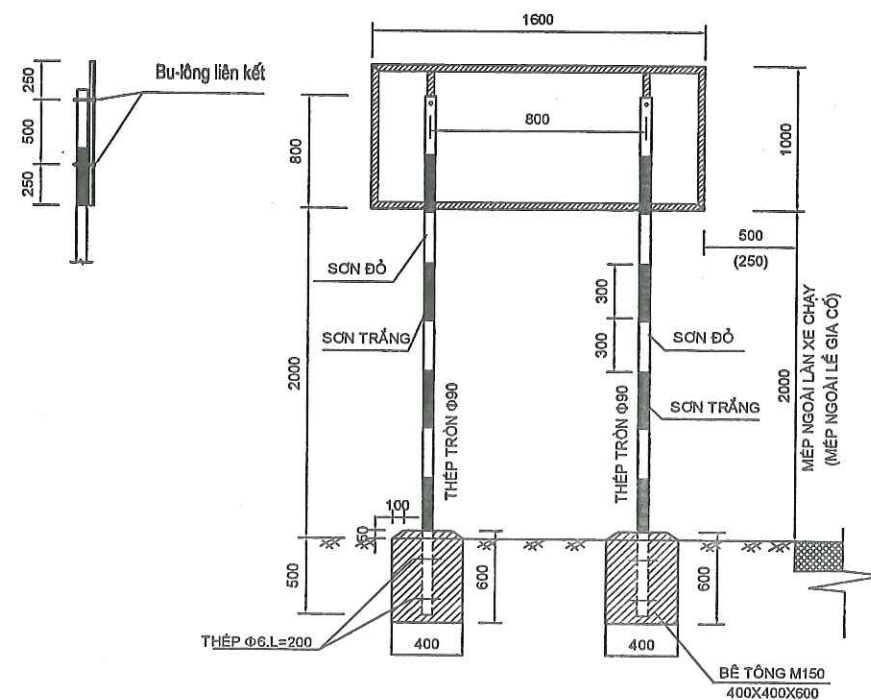
LOẠI 3



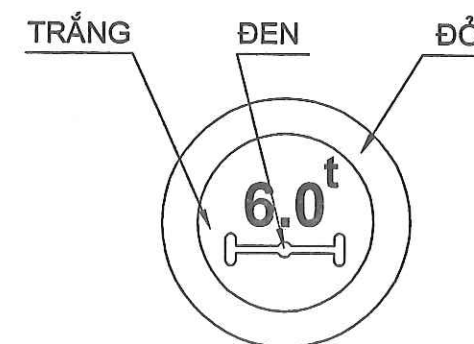
LOẠI 4



LOẠI 5



LOẠI 6



P.116
HẠN CHẾ TẢI TRỌNG
TRÊN TRỤC XE

VỊ TRÍ ĐẶT BIỂN:

1. Biển được đặt về phía tay phải theo chiều đi.
biển đặt thẳng đứng, mặt biển vuông góc với chiều đi.
2. Mép ngoài cùng của biển phía chiều đi phải cách mép phần xe chạy là 0.5 hay cách mép lề gia cố 0.25m.

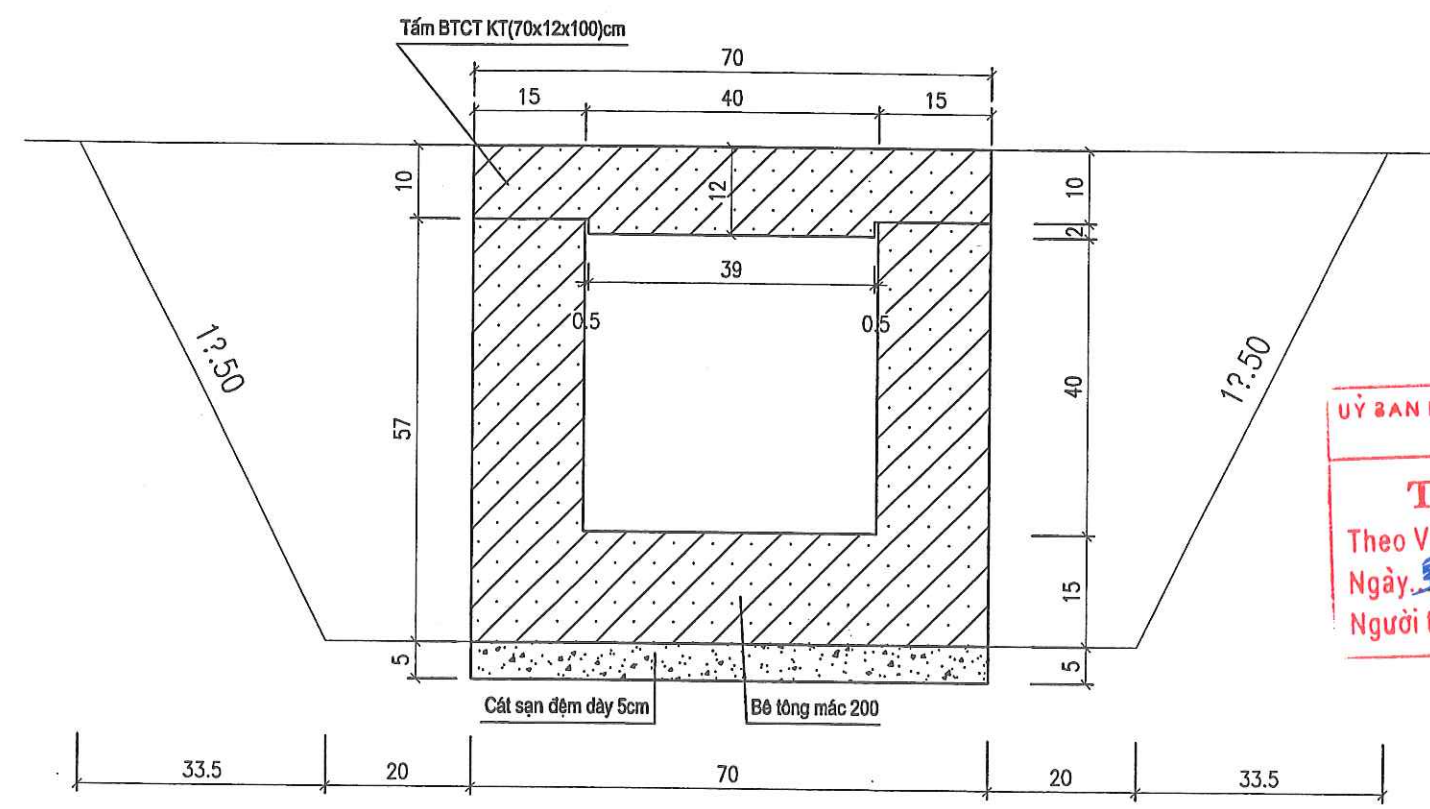
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHO 1 CỘT BIỂN BÁO

- Đào đất cấp 3 : 0.088m³
- BTXM M150 : 0.088m³

GHI CHÚ:

1. Tất cả kích thước trong bản vẽ là mm.
2. Tất cả bố trí và chi tiết vẽ không theo tỷ lệ.

MẶT CẮT NGANG CỐNG DỌC



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ

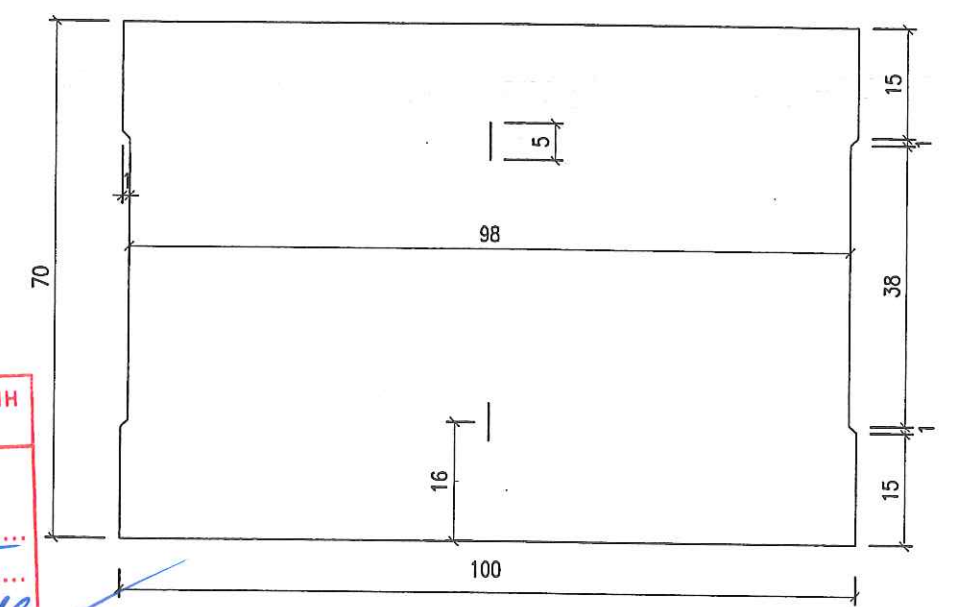
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 2.841/76-ST

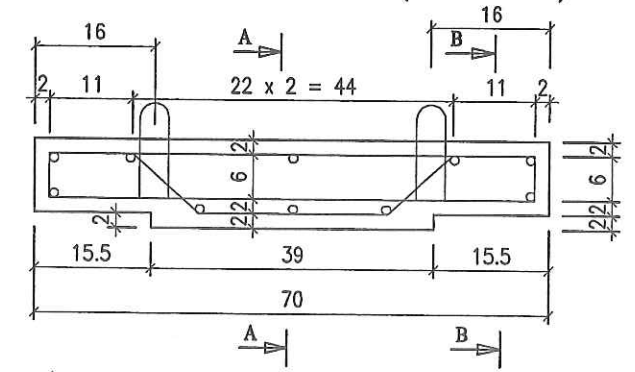
Ngày 3.5 tháng 12 năm 2025

Người thẩm định ký tên: *Gray*

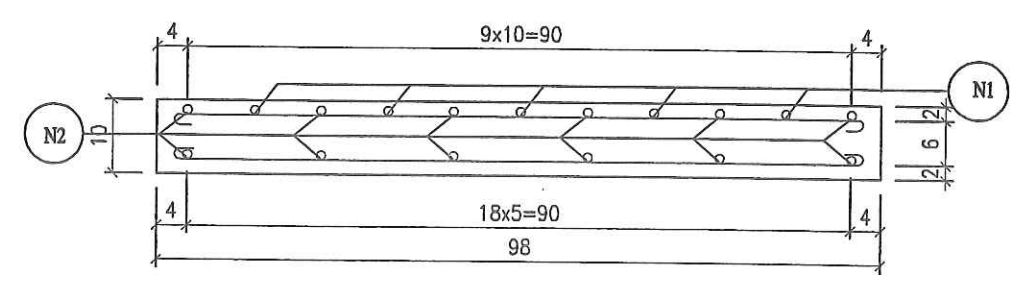
MẶT BẰNG TẤM BẢN



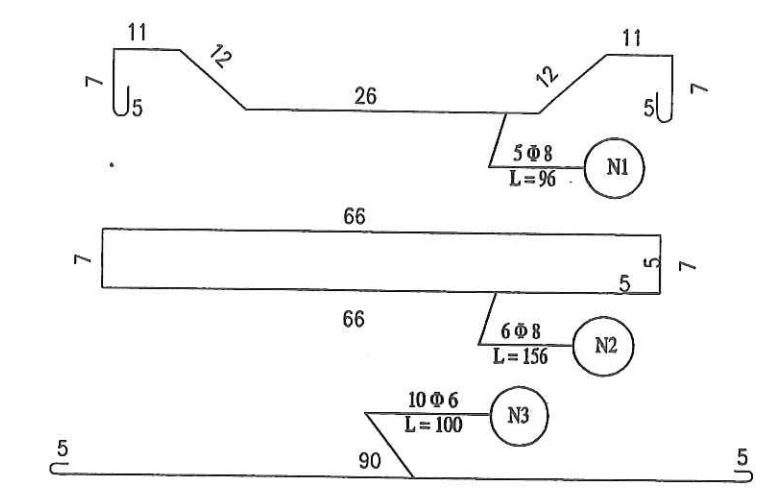
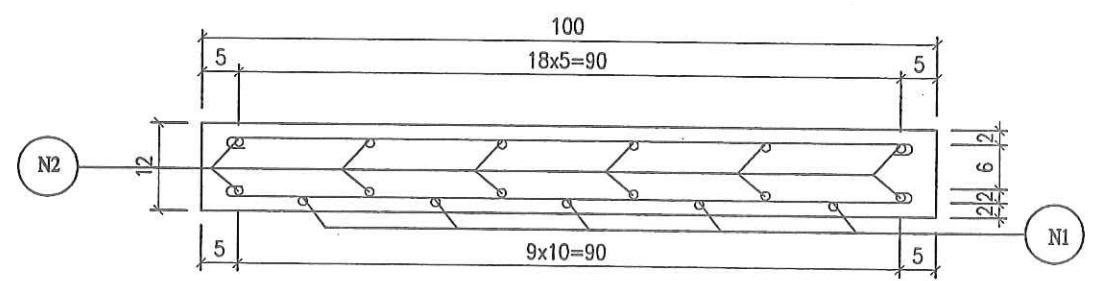
BỐ TRÍ CỐT THÉP TẤM BẢN KT (100 x 70 x 12) cm



MẶT CẮT B - B



MẶT CẮT A - A

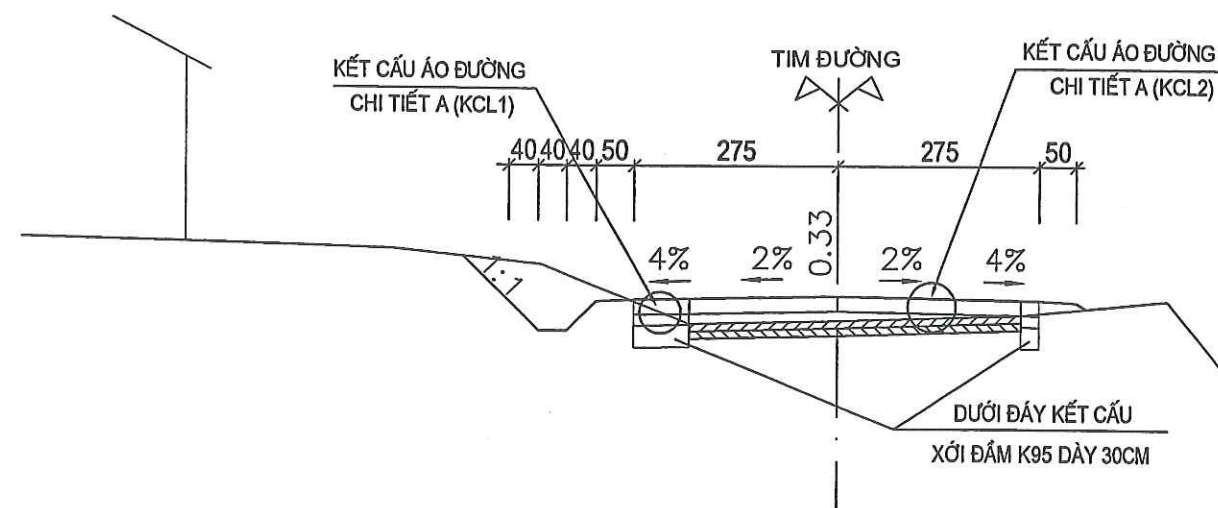


KHOẢNG LƯỢNG TÍNH CHO 1m DÀI CỐNG DỌC

SST	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	QUY CÁCH	KHOẢNG LƯỢNG
1	Bê Tông đổ đáy móng cống dọc	m3	BT M200 #	0.105
2	Bê Tông đổ tường thân cống dọc	m3	BT M200 #	0.126
3	Cát sạn đệm móng cống	m3	Dày 5cm	0.035
4	Tấm bản BTCT KT(70x12x100)cm	Tấm		1
	Bê Tông tấm bản	m3	BT M250 #	0.077
	Cốt thép tấm bản Ø6-Ø8	Kg	CT3	8.287
	Ván khuôn đổ BT tấm bản	m2		0.400
5	Ván khuôn đổ BT thân cống dọc	m2		1.980

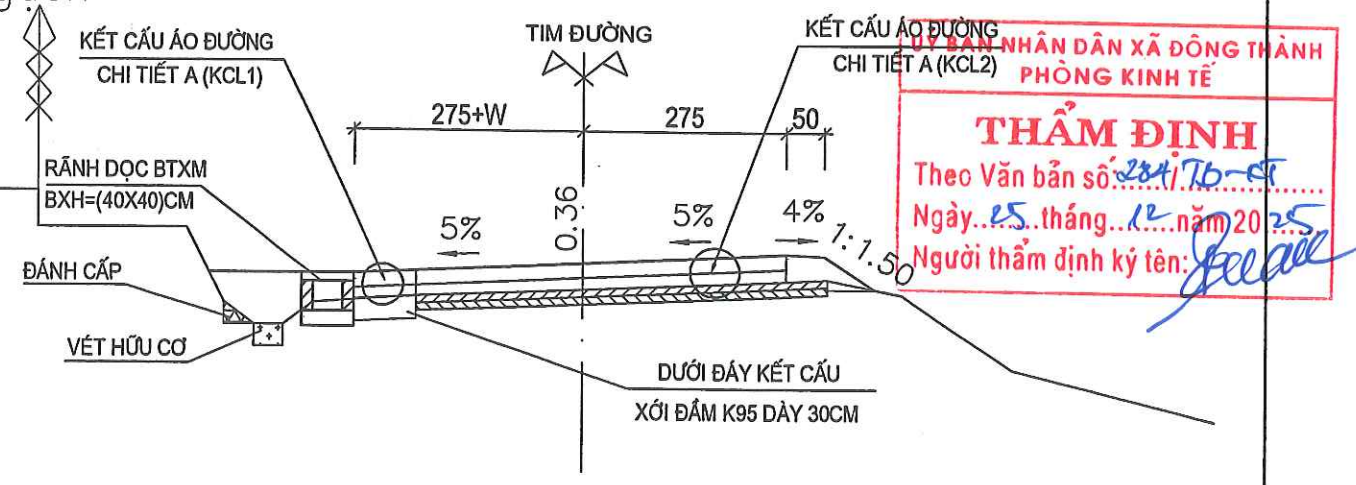
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢI XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK	PHÚ THỌ, THÁNG 05 NĂM 2025 TP. VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/10
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN		BẢN VẼ SỐ :
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHI TIẾT CỐNG DỌC ĐẬY BẢN	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN		
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG		
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN		

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
ÁP DỤNG TRÊN ĐƯỜNG THẲNG



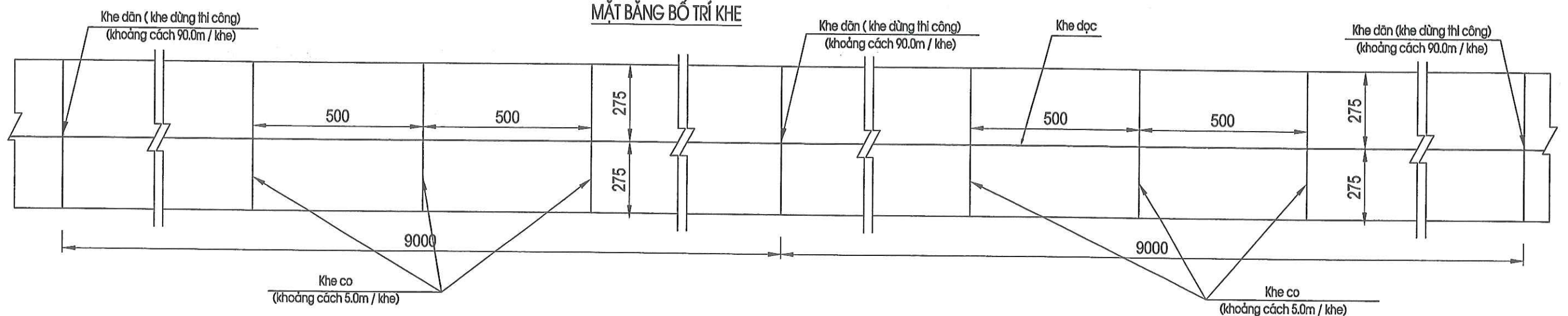
Tường
gạch

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
ÁP DỤNG TRÊN ĐƯỜNG CONG

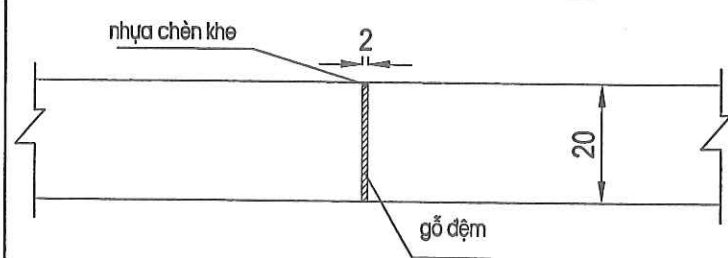


THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 284/TB-ST
Ngày: 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

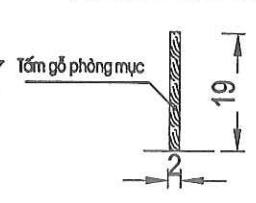
MẶT BẰNG BỐ TRÍ KHE



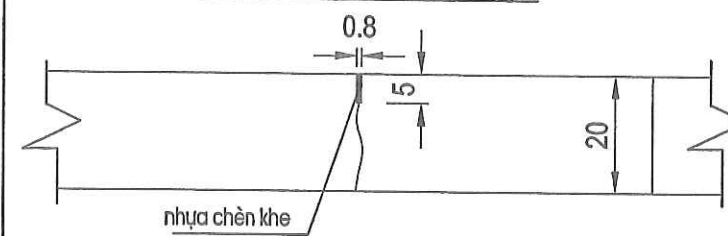
CẤU TẠO KHE DẪN (KHE DỪNG THI CÔNG)



CHI TIẾT GỖ ĐỆM

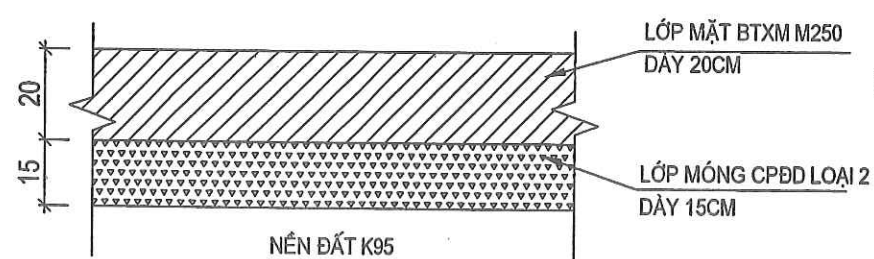


CẤU TẠO KHE CO (KHE DỌC)



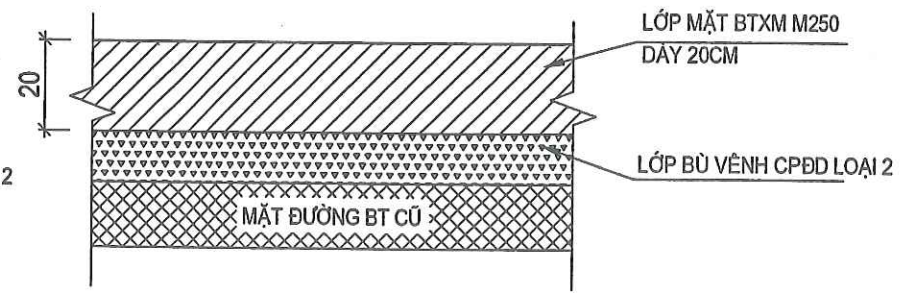
CHI TIẾT A - KẾT CẤU LOẠI 1

TL: 1/25



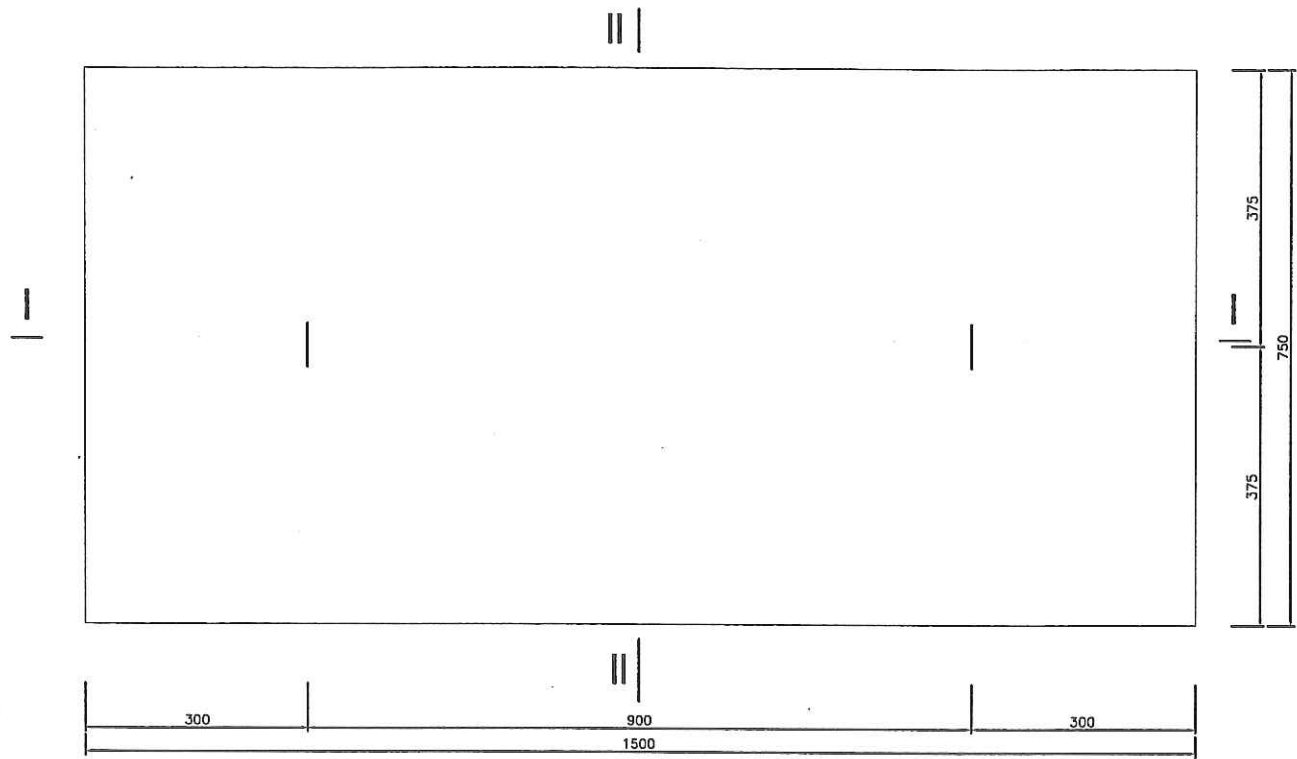
CHI TIẾT B - KẾT CẤU LOẠI 2

TL: 1/25

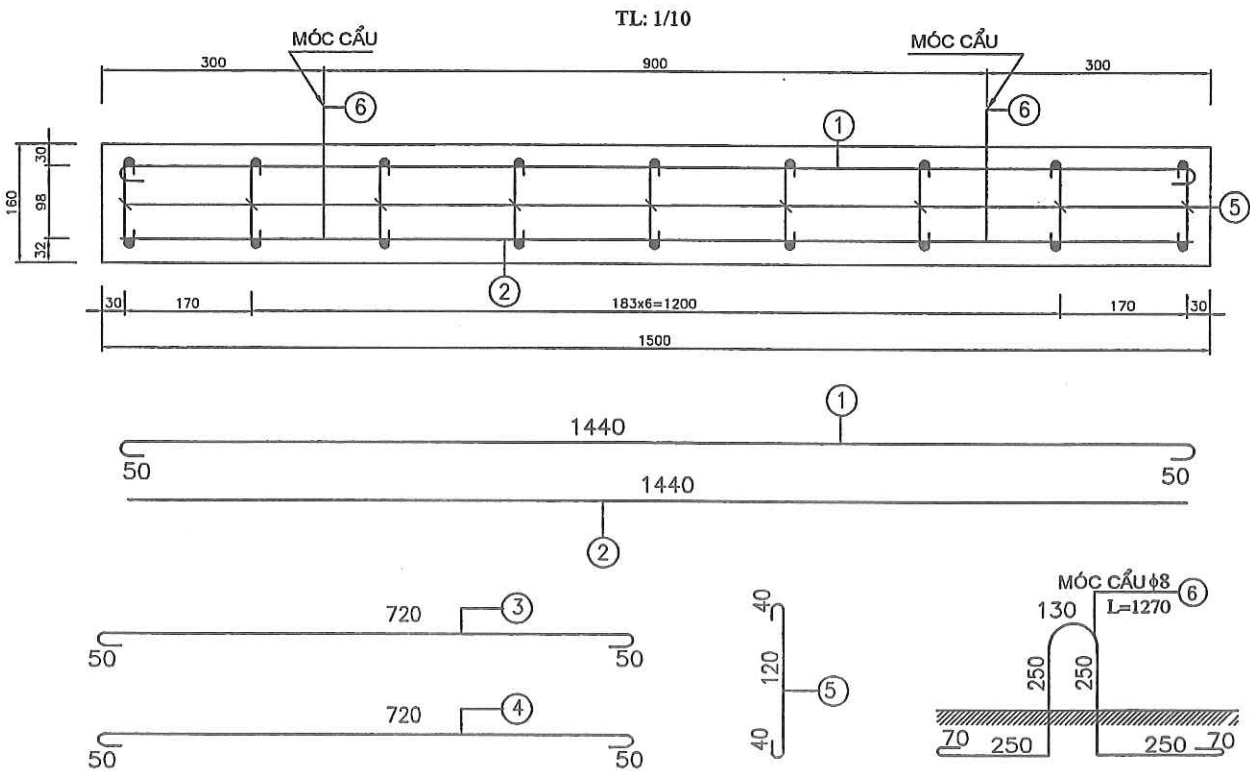


SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH	CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ ĐÔNG THÀNH (TUYẾN KHU 2 KHẢ XUÂN ĐI CẦU VUÔNG 1)	ĐO ĐẠC	PHÒNG KSTK		CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ THÀNH PHÚ THỌ - 1. PHẠM HO PHỤ THỰC THÁNG 12 NĂM 2022 GIÁM ĐỐC NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TỶ LỆ: 1/100
		THIẾT KẾ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		BẢN VẼ SỐ:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH VÀ CẤU TẠO KHE CO, DẪN	TÍNH VẼ	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		LẦN XUẤT BẢN: 01
		K.C.S	VŨ VĂN QUANG			
		C.N.Đ.A	DƯƠNG QUANG TUẤN	[Signature]		

MẶT BẰNG TẤM BẢN
TL: 1/10



CẮT DỌC BẢN 1,50m (I-I)
TL: 1/10

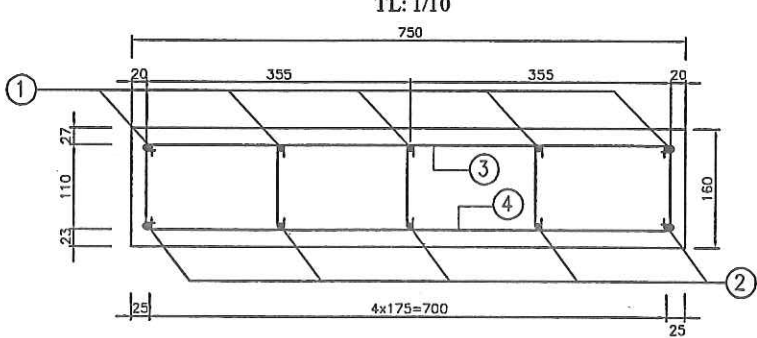


BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 01 TẤM BẢN KT: (1,50x0,75x0,16)m

TÊN THANH	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG ĐƠN VỊ (Kg/m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (Kg)
1	Φ8	1540	5	7.70	0.395	3.04
2	Φ12	1440	5	7.20	0.888	6.40
3	Φ8	820	9	7.38	0.395	2.92
4	Φ8	820	9	7.38	0.395	2.92
5	Φ6	200	24	4.80	0.222	1.07
6	Φ8	1270	2	2.54	0.395	1.00
TỔNG CỘNG: - THÉP Φ6 ÷ Φ8 : 10.95 Kg - THÉP Φ12 : 6.40 Kg - BÊ TÔNG MÁC 250 : 0.18 m3 - VÁN KHUÔN : 0.72 m2						

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÀNH
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 2841/76-CT
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
Người thẩm định ký tên: [Signature]

CẮT NGANG TẤM BẢN (II-II)
TL: 1/10



THUYẾT MINH:
-TẤM BẢN NẮP ĐẠY HỒ THU KÍCH THƯỚC
(1,50x0,75x0,16)m BÊ TÔNG M250#,
CỐT THÉP CHỦ DUNG THÉP CT5, THÉP ĐAI DUNG THÉP CT3.
-TẤM BẢN ĐƯỢC ĐÚC SẴN TỪNG TẤM VÀ LẮP GHEP
KHI ĐÚC BẢN PHẢI BẢO DƯỠNG ĐỦ 28 NGÀY MỚI ĐƯỢC LẮP GHEP
-KÍCH THƯỚC BẢN VẼ DÙNG ĐƠN VỊ mm..

CHI TIẾT TẤM BẢN HỒ THU CỐNG
KT:(1,50x0,75x0,16) m